

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

*(Ban hành theo Quyết định số: /QĐ-ĐHHVN-ĐT ngày tháng năm 2017
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hàng hải Việt Nam)*

- Tên chương trình: Luật Hàng hải
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Ngành đào tạo: Luật
- Mã số: D380101
- Loại hình đào tạo: Chính quy

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân trong lĩnh vực Luật học có kiến thức nền tảng vững chắc về khoa học pháp lý, có các kỹ năng nghề nghiệp chuyên sâu và phẩm chất đạo đức nghề nghiệp phù hợp để có thể nghiên cứu, xây dựng, thi hành pháp luật một cách độc lập, sáng tạo tại các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức kinh tế trong và ngoài nước, có khả năng tiếp tục học tập ở bậc học cao hơn, tích lũy kinh nghiệm để trở thành chuyên gia pháp luật.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Cử nhân ngành Luật sẽ đạt được các mục tiêu cụ thể sau:

1.2.1. Về kiến thức chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp

Chương trình đào tạo cử nhân ngành Luật trang bị cho người học những hiểu biết cơ bản và toàn diện về hệ thống pháp luật Việt Nam, pháp luật quốc tế và những kiến thức cơ bản chuyên ngành Luật học. Người học có thể sử dụng ngoại ngữ trong giao tiếp thông thường cũng như trong các hoạt động chuyên môn, có thể sử dụng tin học phục vụ công việc. Chương trình đào tạo trang bị cho người học những khả năng và phương pháp nghiên cứu để tiếp tục theo học bậc đào tạo sau đại học.

Sau khoá học, cử nhân luật học có kỹ năng phân tích, đánh giá các hiện tượng xã hội dưới góc độ pháp lý và áp dụng pháp luật vào thực tiễn.

Đạt trình độ Ngoại ngữ, Tin học đánh giá theo chuẩn quốc tế.

1.2.2. Về phẩm chất đạo đức

Sinh viên được trang bị kiến thức cơ bản về Chủ nghĩa Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; có đạo đức, nhân cách tốt, có tác phong công nghiệp; có ý thức tổ chức kỷ luật tốt.

Cử nhân luật học có những phẩm chất đạo đức nghề nghiệp cần thiết của một luật gia, đặc biệt là thái độ trung thực, có trách nhiệm, có ý thức bảo vệ lợi ích của cộng đồng và xã hội

1.2.3. Về cộng sự hiệu quả

Hòa nhập và làm việc nhóm hiệu quả, có sự hiểu biết về tính đa dạng văn hóa mang tính quốc gia và quốc tế, biết cư xử một cách đúng đắn và chuyên nghiệp.

1.2.4. Về không ngừng rèn luyện, học tập

Trưởng thành về nhân cách và năng lực để có thể vượt qua mọi thách thức, đối đầu với mọi thay đổi, đi đến thành công trong công việc và cuộc sống.

Trưởng thành về trí tuệ và khả năng sáng tạo trong lĩnh vực chuyên môn, có thể đạt tới trình độ học vấn cao hơn trong ngành luật và các lĩnh vực khác liên quan đến nghề nghiệp.

1.3. Công bố chuẩn so sánh cũng như các điểm quy chiếu trong và ngoài nước được sử dụng để thông tin về kết quả của chương trình đào tạo

1.3.1. So sánh với khung chương trình của chuyên ngành Luật của Học viện Hàng hải Quốc gia ODESA, Liên bang Nga

Giống nhau:

- Chương trình đều được chia thành các khối kiến thức: Giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành.
- Hai chương trình đều chú trọng đến các kỹ năng cơ sở cũng như kiến thức chuyên môn và thực hành nghề nghiệp

Khác nhau:

- Chương trình của Học viện hàng hải Odesa chú trọng hơn về kiến thức giáo dục đại cương và cơ sở ngành.
- Chương trình của Trường Đại học hàng hải Việt Nam chú trọng hơn phần kiến thức chuyên ngành. Tuy nhiên, khối kiến thức tự chọn có phạm vi rộng, có tính mềm dẻo nên có thể hỗ trợ tích cực cho sinh viên chuyên ngành Luật hàng hải và một số chuyên ngành khác trong lĩnh vực hàng hải.

1.3.2. So sánh với khung chương trình của chuyên ngành Luật Hàng hải của Trường đại học Hàng hải quốc gia MOKPO - Hàn Quốc

Giống nhau:

- Hai chương trình đều có các khối kiến thức: Giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành.
- Hai chương trình đều chú trọng đến các kỹ năng cơ sở cũng như kiến thức chuyên môn dù cách gọi tên môn học có thể khác nhau.

Khác nhau:

- Chương trình của Trường đại học hàng hải Mokpo chú trọng hơn các kiến thức của ngành Luật nói chung và Luật quốc tế.
- Chương trình của trường Đại học hàng hải Việt Nam chú trọng hơn đến kiến thức Luật học và kiến thức về chuyên ngành Luật Hàng hải

1.3.3. So sánh với khung chương trình của chuyên ngành Luật Hàng hải của Trường đại học Hàng hải Đại Liên - Trung Quốc

Giống nhau:

- Hai chương trình đều có các khối kiến thức: Giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành.
- Hai chương trình đều chú trọng đến các kỹ năng cơ sở cũng như kiến thức chuyên môn dù cách gọi tên môn học có thể khác nhau.

Khác nhau:

- Chương trình của Trường đại học Hàng hải Đại liên chú trọng hơn các kiến thức về Luật học, phân luật chuyên ngành hàng hải rất tổng quát và không đi vào những môn chuyên sâu.
- Chương trình của trường Đại học hàng hải Việt Nam đi sâu vào kiến thức Luật học và kiến thức về chuyên ngành Luật Hàng hải

1.4. Các kết quả của chương trình như kiến thức, sự hiểu biết, các kỹ năng và thái độ cần đạt được

Các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, thái độ đáp ứng được mục tiêu đào tạo, cụ thể như sau:

1.4.1. Yêu cầu về kiến thức

- Hiểu và vận dụng chủ động, sáng tạo vào nghề nghiệp và cuộc sống hệ thống tri thức khoa học những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác Lênin, tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh, những nội dung cơ bản của Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, giúp hình thành thế giới quan và phương pháp luận cho sinh viên khi tiếp cận và luận giải về các vấn đề hiện đại về nhà nước và pháp luật.

- Hiểu và vận dụng một cách sáng tạo các kiến thức nền tảng khoa học xã hội và khoa học tự nhiên vào việc giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến ngành đào tạo.

- Hiểu và áp dụng một cách sáng tạo các kiến thức cơ bản của khối ngành về lý luận - lịch sử nhà nước và pháp luật cũng như một số ngành khoa học xã hội - nhân văn khác vào việc giải quyết những vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến ngành đào tạo.

- Áp dụng một cách chủ động, sáng tạo các kiến thức nền tảng của khoa học pháp lý theo nhóm ngành và ngành về luật hiến pháp, luật hành chính, luật tổ tụng hành chính, luật dân sự, luật tố tụng dân sự, luật hình sự, luật tố tụng hình sự, luật thương mại, luật lao động, luật đất đai - môi trường, công pháp quốc tế, tư pháp quốc

tế, luật hàng hải ... trong việc nhận biết và giải quyết các vấn đề chuyên môn trong thực tiễn công việc.

- Phân tích, tổng hợp, đánh giá các kiến thức chuyên sâu trong các lĩnh vực pháp luật hàng hải để giải quyết các vấn đề pháp lý cụ thể.

- Có kiến thức ngoại ngữ và tin học tốt để giao tiếp thành thạo, đọc hiểu các tài liệu bằng tiếng nước ngoài và xử lý các vấn đề tin học phục vụ công việc.

- Hiểu ý chính của văn bản phức tạp về các chủ đề cụ thể và trù tượng kể cả những trao đổi chuyên môn thuộc lĩnh vực chuyên môn của mình. Giao tiếp ở mức độ trôi chảy và tự nhiên để có thể giao tiếp thường xuyên với người bản ngữ mà không làm cho bên giao tiếp nào bị căng thẳng. Viết văn bản rõ ràng, chi tiết với nhiều chủ đề khác nhau và có thể giải thích quan điểm của mình về một vấn đề, nêu ra được những ưu điểm, nhược điểm của các phương án lựa chọn khác nhau.

- Vận dụng linh hoạt các kiến thức thực tế, thực tập để bước đầu làm quen với các công việc trong tương lai và thích ứng nhanh với những thay đổi của môi trường làm việc trong nước và quốc tế.

1.4.2. Yêu cầu về kỹ năng

1.4.2.1. Kỹ năng chuyên môn

- Có kỹ năng hoàn thành công việc phức tạp đòi hỏi vận dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn của ngành khoa học Luật trong những bối cảnh khác nhau; có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin, tổng hợp ý kiến tập thể;

- Có khả năng nghiên cứu khoa học và khám phá kiến thức, các vấn đề có liên quan đến lĩnh vực khoa học pháp lý đặc biệt là lĩnh vực Luật Hàng hải; biết tổ chức nghiên cứu độc lập, sáng tạo; phát hiện và hình thành vấn đề; đánh giá, phản biện, tiếp nhận và ứng dụng các kết quả nghiên cứu.

- Có khả năng tư duy theo hệ thống khi tiếp cận, xử lý các vấn đề thuộc lĩnh vực pháp luật nói chung và Luật Hàng hải nói riêng, đồng thời có khả năng thích ứng cao trước sự phát triển của pháp luật chuyên ngành hàng hải.

- Có các kỹ năng tự cập nhật các kiến thức pháp luật mới, phân tích luật, lựa chọn và áp dụng đúng các quy định của pháp luật để giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn đặc biệt là luật hàng hải. Có khả năng tư vấn pháp luật hoặc giải quyết vụ việc có liên quan đến pháp luật chuyên ngành luật hàng hải một cách độc lập.

- Có kỹ năng vận dụng linh hoạt kiến thức vào thực tiễn; bước đầu hình thành năng lực sáng tạo, phát triển trong nghề nghiệp. Có khả năng tổng kết được các bài học kinh nghiệm nghề nghiệp cho bản thân từ thực tiễn trên cơ sở đối chiếu với các kiến thức đã được trang bị.

1.4.2.2. Kỹ năng mềm

- Có khả năng làm việc độc lập, giải quyết công việc với tư duy logic và sáng tạo, có kỹ năng làm việc nhóm, phát triển nhóm; bước đầu hình thành năng lực quản lý và lãnh đạo.

- Có kỹ năng giao tiếp tốt, có khả năng thuyết trình dưới dạng nói và dạng văn bản. Biết trình bày kết quả nghiên cứu trong các diễn đàn khoa học, viết báo cáo khoa học thuần thực. Có kỹ năng tra cứu thông tin, nghiên cứu, cập nhật kiến thức mới trong công việc và trong cuộc sống.

- Có khả năng đàm phán, tư vấn pháp luật cho khách hàng; có kỹ năng giao tiếp, trao đổi một cách hiệu quả và tự tin trong công việc, sử dụng hiệu quả các công cụ và phương tiện hiện đại, đặc biệt trong môi trường toàn cầu hóa. Sử dụng được thành thạo tiếng Anh (với trình độ TOEIC 450 điểm trở lên) trong các hoạt động chuyên môn, nghề nghiệp (bao gồm cả đọc tài liệu, viết báo cáo, thuyết trình, trao đổi, thảo luận một cách chuyên nghiệp, hiệu quả). Có kỹ năng ngoại ngữ chuyên ngành ở mức có thể hiểu được các ý chính của một báo cáo hay bài phát biểu về các chủ đề quen thuộc trong công việc liên quan đến ngành được đào tạo; có thể sử dụng ngoại ngữ để diễn đạt, xử lý một số tình huống chuyên môn thông thường; có thể viết được báo cáo có nội dung đơn giản, trình bày ý kiến liên quan đến công việc chuyên môn.

- Về trình độ tin học phải đạt các chứng chỉ Tin học Văn phòng quốc tế MOS (Microsoft Office Specialist) của Cetiport - Hoa Kỳ cấp theo 02 nội dung: Microsoft Word (điểm thi ≥ 700) và Microsoft Excel (điểm thi ≥ 700). Sử dụng thành thạo máy tính và một số phần mềm văn phòng thông dụng để có thể: soạn thảo tài liệu, quản lý dữ liệu qua các bảng tính, trình chiếu, khai thác Internet để tìm kiếm thông tin và liên lạc qua thư điện tử, xây dựng và quản lý được trang web đơn giản. Có khả năng tổ chức lưu trữ thông tin trên máy tính và sử dụng máy tính để giải quyết vấn đề thông dụng. Sử dụng tốt một hệ quản trị cơ sở dữ liệu cụ thể.

1.4.3. Yêu cầu về thái độ

- Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp với ý thức trách nhiệm và tính chuyên nghiệp cao; có tinh thần đồng đội, chia sẻ với cộng đồng.

- Trung thực, khiêm tốn, đam mê học hỏi và học tập suốt đời.

- Chấp hành tốt kỷ luật học tập và làm việc.

QUAN HỆ GIỮA NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CHUẨN ĐẦU RA
NGÀNH: LUẬT

Chương trình đào tạo đại học ngành Luật gồm 8 học kì với tổng thời lượng 116 tín chỉ.

STT	Mã	Khối lượng (Tín chỉ)	Tên học phần	Chuẩn đầu ra																			
				Yêu cầu kiến thức								Yêu cầu kỹ năng chuyên môn					Yêu cầu kỹ năng mềm				Yêu cầu thái độ		
				1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG																							
I.1. Lý luận chính trị																							
1	19106	2	Những NLCB của CN Mác - Lênin I	x	x	x				x	x				x	x	x			x	x	x	
2	19109	3	Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin II	x	x	x				x	x				x	x	x			x	x	x	
3	19201	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	x	x	x				x	x				x	x	x			x	x	x	
4	19301	3	Đường lối CM của ĐCSVN	x	x	x				x	x				x	x	x			x	x	x	
I.1. Khoa học tự nhiên – Khoa học xã hội																							
5	19401	2	Logic học	x	x	x				x	x				x	x	x			x	x	x	
6	19105	2	Tâm lý học đại cương	x	x	x				x	x				x	x	x			x	x	x	
7	11110	2	Đại cương hàng hải							x	x				x	x	x			x	x	x	
8	19202	2	Xã hội học đại cương	x	x	x				x	x				x	x	x			x	x	x	
GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP																							
II.1. Kiến thức cơ sở ngành																							
II.1.1. Cơ sở ngành																							
9	11409	3	Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	
10	11455	3	Lịch sử nhà nước và pháp luật	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	
II.1.1. Cơ sở chuyên ngành																							

STT	Mã	Khối lượng (Tín chỉ)	Tên học phần	Chuẩn đầu ra																			
				Yêu cầu kiến thức								Yêu cầu kỹ năng chuyên môn					Yêu cầu kỹ năng mềm				Yêu cầu thái độ		
				1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
11	11426	3	Luật hiến pháp Việt Nam	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	
12	11442	3	Luật Dân sự				x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	
13	11402	2	Luật biển				x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	
14	11431	3	Luật Hành chính				x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	
15	11443	3	Luật Hình sự				x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	
16	11445	2	Pháp luật Kinh doanh thương mại				x	x		x	x	x	x	x	x	x				x	x	x	
17	11446	2	Công pháp quốc tế				x	x		x	x	x	x	x	x	x				x	x	x	
18	11304	3	Quy tắc phòng ngừa đâm va trên biển (COLREG-72)					x		x	x	x	x	x	x	x				x	x	x	
19	11444	2	Luật Tổ tụng hình sự				x	x		x	x	x	x	x	x	x				x	x	x	
20	11447	3	Tư pháp quốc tế				x	x		x	x	x	x	x	x	x				x	x	x	
21	11448	2	Luật tố tụng dân sự				x	x		x	x	x	x	x	x	x				x	x	x	
22	11436	2	Luật Lao động Việt Nam				x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	
23	11450	2	Vận chuyển Hàng hóa					x		x		x	x			x	x		x		x	x	
II.1.3. Thực tập cơ sở ngành																							
24	11460	1	Thực tập cơ sở ngành LHH	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
II.2. Kiến thức chuyên ngành																							
25	11406	2	Kinh tế khai thác thương vụ					x		x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	
26	11410	2	Tàu biển và thuyền bộ tàu biển					x		x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	
27	11412	2	Các vấn đề pháp lý về bắt giữ tàu					x		x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	
28	25450	4	Anh văn chuyên ngành luật				x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	

STT	Mã	Khối lượng (Tín chỉ)	Tên học phần	Chuẩn đầu ra																			
				Yêu cầu kiến thức								Yêu cầu kỹ năng chuyên môn					Yêu cầu kỹ năng mềm				Yêu cầu thái độ		
				1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
29	11438	2	Quản lý rủi ro hàng hải					x		x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	
30	11449	3	Các công ước quốc tế về an toàn hàng hải của IMO					x		x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	
31	11451	2	Quản lý nhà nước về Hàng hải				x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	
32	11413	2	Các sự cố và tai nạn hàng hải					x		x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	
33	11454	3	Bảo hiểm Hàng hải				x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	
34	11439	2	Pháp luật quốc tế về lao động hàng hải					x		x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	
35	11450	2	Pháp luật về dịch vụ hàng hải					x		x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	
II.2.2. Thực tập chuyên ngành																							
36	11461	2	Thực tập chuyên ngành LHH				x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
II.2.3. Thực tập tốt nghiệp																							
37	11462	3	Thực tập tốt nghiệp LHH	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
II.2.4. Tốt nghiệp																							
38	11463	6	Khóa luận tốt nghiệp	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x		
Các học phần thay thế tốt nghiệp																							
39	11452	2	Kỹ năng giải quyết tranh chấp hàng hải	x	x			x	x	x	x	x	x			x	x	x	x				
40	11456	2	Tồn thất chung		x		x	x		x	x	x	x			x	x	x	x	x			
41	11457	2	Giải quyết bồi thường trong bảo hiểm hàng hải							x				x	x	x							
KHỐI KIẾN THỨC LỰA CHỌN																							
42	11116	2	Lịch sử Hàng hải			x		x		x		x	x	x			x				x	x	x

STT	Mã	Khối lượng (Tín chỉ)	Tên học phần	Chuẩn đầu ra																			
				Yêu cầu kiến thức								Yêu cầu kỹ năng chuyên môn					Yêu cầu kỹ năng mềm				Yêu cầu thái độ		
				1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
43	28201	3	Quản trị doanh nghiệp					x		x		x		x				x	x		x	x	x
44	25102	3	Anh văn cơ bản 2						x											x	x	x	x
45	25103	3	Anh văn cơ bản 3					x		x		x	x			x	x	x	x	x	x	x	x
46	15301	2	Địa lý vận tải					x		x		x	x			x	x		x		x	x	x
47	11458	2	Luật Tài chính – Ngân hàng					x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x
48	15305	2	Kinh tế Cảng					x		x	x	x	x										
49	15816	2	Logistics và Vận tải đa phương thức					x		x	x	x	x			x	x	x	x				
50	15601	3	Thanh toán quốc tế					x		x	x	x	x			x	x	x	x				
51	15607	2	Khoa học giao tiếp								x						x	x	x	x	x	x	x
52	11464	2	Giám định hàng hải					x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x
53	11440	2	Kiểm tra nhà nước cảng biển					x		x	x												
54	11459	2	Luật thương mại quốc tế					x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x
55	11437	2	Giới hạn trách nhiệm dân sự trong hàng hải					x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x
56	11441	2	Pháp luật quốc tế về vận chuyển hàng hóa bằng đường biển					x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x
57	11450	2	Luật Hôn nhân và gia đình					x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x
58	11451	2	Kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính thông dụng	x	x			x	x	x	x	x	x	x			x	x	x	x			
59	11452	2	Luật Cạnh tranh và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng					x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x
60	11453	2	Pháp luật thương mại ASEAN					x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x

STT	Mã	Khối lượng (Tín chỉ)	Tên học phần	Chuẩn đầu ra																			
				Yêu cầu kiến thức								Yêu cầu kỹ năng chuyên môn					Yêu cầu kỹ năng mềm				Yêu cầu thái độ		
				1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
61	19107	2	Đại cương văn hóa Việt Nam	x	x	x				x	x					x	x	x			x	x	x
62	26101	2	Môi trường & bảo vệ MT					x		x						x	x	x	x		x	x	x

1.5. Về khả năng công tác

Sinh viên sau tốt nghiệp có thể công tác tại:

- *Nhóm 1:* Có khả năng làm việc tại các cơ quan nhà nước, bao gồm các cơ quan bảo vệ pháp luật như Tòa án, Viện kiểm sát, Cơ quan thi hành án, Công an, các cơ quan quản lý nhà nước về hàng hải, các Cảng vụ ... và các cơ quan nhà nước khác từ Trung ương đến địa phương.

- *Nhóm 2:* Làm việc cho các tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn pháp lý như luật sư, tư vấn viên trong các công ty, văn phòng luật, văn phòng công chứng trong và ngoài nước; chuyên viên pháp chế, tư vấn viên trong các doanh nghiệp có yêu cầu sử dụng nhân lực có chuyên môn cao trong lĩnh vực pháp luật và đặc biệt là Luật hàng hải trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

- *Nhóm 3:* Làm việc cho các tổ chức phi chính phủ, liên chính phủ hoặc các tổ chức quốc tế có các hoạt động liên quan đến các vấn đề pháp luật nói chung và luật hàng hải nói riêng.

- *Nhóm 4:* Giảng dạy và nghiên cứu tại các cơ sở nghiên cứu hoặc đào tạo về pháp luật, luật hàng hải như: Các trường đại học, cao đẳng, trung tâm, viện nghiên cứu về các lĩnh vực liên quan đến pháp luật và luật hàng hải.

1.6. Các chiến lược giảng dạy, học tập và kiểm tra đánh giá để đạt được kết quả và chứng minh kết quả đạt được

1.6.1. Chiến lược giảng dạy, học tập

Chiến lược giảng dạy, học tập được công bố công khai. Chương trình đào tạo ngành Luật với phương châm giáo dục đại học chung trên thế giới lấy người học làm trung tâm, phát huy tính tự chủ, tự nghiên cứu và làm việc theo nhóm của người học, áp dụng kết hợp các phương pháp sau:

Sinh viên có đầy đủ các thông tin về tiến trình đào tạo, được hướng dẫn để thực hiện theo chương trình đào tạo. Phương pháp dạy và học được thể hiện trong đề cương của mỗi môn học. Thêm vào đó, hệ thống phòng học được trang bị máy chiếu; các phòng thực hành được trang bị các thiết bị thực hành; cùng với đội ngũ giảng viên giàu kinh nghiệm trực tiếp giảng dạy tạo điều kiện đổi mới phương pháp giảng dạy, đồng thời cải thiện điều kiện học tập cho sinh viên.

1.6.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá

Trong mỗi đề cương học phần đều có thông tin về học tập và phương thức kiểm tra đánh giá tùy theo đặc thù của từng học phần do giảng viên đề xuất.

Điểm tổng hợp đánh giá học phần (gọi tắt là điểm học phần) bao gồm: điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập, điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận, điểm đánh giá phần thực hành, điểm chuyên cần, điểm thi kết thúc môn học.

Việc lựa chọn thi, kiểm tra và cách tính điểm tổng hợp đánh giá học phần do bộ môn quy định và phải được ghi rõ trong đề cương chi tiết của học phần.

Giảng viên trực tiếp ra đề thi, đề kiểm tra và cho điểm đánh giá bộ phận.

Chất lượng học tập của sinh viên được đánh giá bằng một hệ thống điểm A-F. Cụ thể như sau:

A+, A: kết quả đạt được ở mức cao nhất, sinh viên xuất sắc.

B+, B: kết quả tốt.

C+, C: kết quả trung bình, thỏa mãn được yêu cầu khóa học.

D+, D: kết quả đạt được thấp hơn yêu cầu môn học.

F: Không đạt yêu cầu môn học.

Tương ứng với những phân hạng trên là điểm bình quân theo thang điểm 4, cụ thể:

A, A+ = 4.0	C+ = 2.5	D = 1.0
B+ = 3.5	C = 2.0	F = 0.0
B = 3.0	D+ = 1.5	

Sinh viên phải tham dự tất cả các buổi học trừ các trường hợp vắng mặt được cho phép, điều này tùy thuộc vào đánh giá của cố vấn học tập mà với mỗi môn học có một chế độ thời gian hợp lý. Quy định thời gian nghỉ cho phép theo quy chế đào tạo hiện hành của Nhà trường, sinh viên không đáp ứng được yêu cầu về mặt thời gian lên lớp sẽ bị đánh trượt môn.

2. Thời gian đào tạo: 4 năm.

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 116 tín chỉ.

4. Đối tượng tuyển sinh

Theo quy chế tuyển sinh Đại học hệ chính quy của Bộ Giáo dục & Đào tạo và Trường Đại học Hàng hải Việt Nam.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Theo quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành theo quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ Giáo dục & Đào tạo và Quyết định số 2219/QĐ-ĐHNVN-ĐT ngày 28/8/2015 của Hiệu trưởng Trường ĐH Hàng hải Việt Nam.

6. Thang điểm

Thang điểm 10	Thang điểm 4	Thang điểm chữ
8,5 ÷ 10	4,0	A, A+
8,0 ÷ 8,4	3,5	B+
7,0 ÷ 7,9	3,0	B
6,5 ÷ 6,9	2,5	C+

5,5 ÷ 6,4	2,0	C
5,0 ÷ 5,4	1,5	D+
4,0 ÷ 4,9	1,0	D
< 4,0	0	F

7. Nội dung chương trình

Khối lượng kiến thức toàn khóa: 116TC

7.1. Khối kiến thức bắt buộc: 94 TC

a. Khối kiến thức giáo dục đại cương: 18 TC

b. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 76 TC

- Kiến thức cơ sở ngành: 39 TC

- Kiến thức chuyên ngành: 28 TC

- Thực tập tốt nghiệp: 3 TC

- Kiến thức tốt nghiệp: 6 TC

7.2. Khối kiến thức tự chọn: 32 TC

8. Kế hoạch giảng dạy

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	LT	TH	BT	HD	KT	Học kỳ	HP học trước
KHỐI KIẾN THỨC BẮT BUỘC			94							
I. KHỐI GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG			18							
I.1. Lý luận chính trị			10							
1	19106	Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin I <i>Basic principles of Marxism-Leninism I</i>	2	19	20			1	1	
2	19109	Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin II <i>Basic principles of Marxism-Leninism II</i>	3	29	30			1	2	19106
3	19201	Tư tưởng Hồ Chí Minh <i>Ho Chi Minh's Ideology</i>	2	19	20			1	3	19106
4	19301	Đường lối Cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam <i>Revolutionary strategies of Vietnam Communist Party</i>	3	29	30			1	4	19201
I.2. Khoa học tự nhiên - khoa học xã hội			8							
5	19401	Logic học <i>Logics</i>	2	21		8		1	1	
6	19105	Tâm lý học đại cương <i>General Psychology</i>	2	29				1	1	
7	11110	Đại cương hàng hải <i>General Marine</i>	2	30				2	2	
8	19202	Xã hội học đại cương <i>General Sociology</i>	2	21		8		1	3	

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	LT	TH	BT	HD	KT	Học kỳ	HP học trước
II. KHỐI GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP			76							
II.1. Kiến thức cơ sở ngành			39							
II.1.1. Cơ sở ngành			6							
9	11409	Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật <i>General theory of state and legislation</i>	3	39	10			1	1	
10	11455	Lịch sử nhà nước và pháp luật <i>History of State and Law</i>	3	39	10			1	2	
II.1.2. Cơ sở chuyên ngành			32							
11	11426	Luật hiến pháp Việt Nam <i>Constitution Law of Vietnam</i>	3	39	10			1	2	
12	11442	Luật Dân sự <i>Civil Law</i>	3	39	10			1	2	
13	11402	Luật biển <i>International Law of the Sea</i>	2	24	10			1	3	
14	11431	Luật Hành chính <i>Administration Law</i>	3	39	10			1	3	
15	11443	Luật Hình sự <i>Criminal Law</i>	3	39	10			1	3	
16	11445	Pháp luật Kinh doanh thương mại <i>Business Law</i>	2	24	10			1	3	11409 11442
17	11446	Công pháp quốc tế <i>Public International Law</i>	2	24	10			1	3	11409
18	11304	Quy tắc phòng ngừa đâm va trên biển <i>COLREG-72</i>	3	30			15		4	11402
19	11444	Luật Tố tụng hình sự <i>Criminal Procedure Law</i>	2	24	10			1	4	11443
20	11447	Tư pháp quốc tế <i>Private International Law</i>	3	39	10			1	4	11442
21	11448	Luật tố tụng dân sự <i>Civil Procedure Law</i>	2	24	10			1	4	11442
22	11436	Luật Lao động Việt Nam <i>Labour Law</i>	2	24	10			1	5	11409 11442
23	11450	Vận chuyển Hàng hóa <i>Cargo in marine transport (Carriage of Goods by Sea)</i>	2	24	10			1	5	
II.1.3. Thực tập cơ sở ngành			1							
24	11460	Thực tập cơ sở ngành <i>Basic Training</i>	1		30				5	
II.2. Kiến thức chuyên ngành			37							
II.2.1. Chuyên ngành			26							
25	11406	Kinh tế khai thác thương vụ <i>Shipping and Chartering Operation</i>	2	24	10			1	5	11402
26	11410	Các vấn đề pháp lý về Tàu biển và thuyền bộ tàu biển <i>Legal Issues for Ship and Crew</i>	2	24	10			1	5	11409
27	11412	Các vấn đề pháp lý về bắt giữ tàu	2	24	10			1	5	11402

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	LT	TH	BT	HD	KT	Học kỳ	HP học trước
		<i>Legal Issues for Ship Arrest</i>								
28	25450	Tiếng Anh chuyên ngành luật <i>Legal English</i>	4	32		18		2	5	
29	11438	Quản lý rủi ro hàng hải <i>Marine Risk Management</i>	2	24	10			1	6	
30	11449	Các công ước quốc tế về an toàn hàng hải của IMO <i>International Legislation of Maritime Safety</i>	3	39	10			1	6	11446
31	11451	Quản lý nhà nước về Hàng hải <i>State Port Authority</i>	2	24	10			1	6	
32	11413	Các sự cố và tai nạn hàng hải <i>Incidents and Accidents in Maritime Domain</i>	2	24	10			1	6	
33	11454	Bảo hiểm Hàng hải <i>Marine Insurance</i>	3	39	10			1	6	11409 11446
34	11439	Pháp luật quốc tế về lao động hàng hải <i>International Legislation of Maritime Labour</i>	2	24	10			1	7	
35	11450	Pháp luật về dịch vụ hàng hải <i>Law in maritime services</i>	2	24	10			1	7	11442
II.2.2. Thực tập chuyên ngành			2							
36	11461	Thực tập chuyên ngành LHH <i>Professional Training</i>	2		60				6	
II.2.3. Thực tập tốt nghiệp			3							
37	11462	Thực tập tốt nghiệp LHH <i>Graduation Training</i>	3		90				7	
II.2.4. Tốt nghiệp			6/12							
38	11463	Khóa luận tốt nghiệp <i>Graduation Thesis</i>	6				80		8	
Các học phần thay thế Tốt nghiệp			6							
39	11452	Kỹ năng giải quyết tranh chấp hàng hải <i>Skill of maritime dispute resolution</i>	2	24	10			1	8	11446 11412
40	11456	Tổn thất chung <i>General Average</i>	2	24	10			1	8	
41	11457	Giải quyết bồi thường trong bảo hiểm hàng hải	2	24	10			1	8	
KHỐI KIẾN THỨC TỰ CHỌN			32/46							
42	11116	Lịch sử Hàng hải <i>Maritime History</i>	2	28				2	3	
43	28201	Quản trị doanh nghiệp <i>Business management</i>	3	43				2	3	
44	15607	Khoa học giao tiếp <i>Science of contact</i>	2	28				1	3	
45	25102	Tiếng Anh cơ bản 2 <i>General English 2</i>	3	25		18		2	3	
46	25103	Tiếng Anh cơ bản 3 <i>General English 3</i>	3	25		18		2	4	25102
47	15301	Địa lý vận tải	2	26		2		2	4	

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	LT	TH	BT	HD	KT	Học kỳ	HP học trước
		<i>Geography of Transport</i>								
48	11458	Luật Tài chính – Ngân hàng <i>Law of Finance and Banking</i>	2	24	10			1	4	
49	15305	Kinh tế Cảng <i>Port Economics</i>	2	25		4		1	5	
50	15816	Logistics và vận tải đa phương thức <i>Logistics and Multi-Modal Transportation</i>	3	26		2		2	5	
51	15601	Thanh toán quốc tế <i>International Payment</i>	3	40		3		2	5	
52	11464	Giám định hàng hải <i>Survey of Maritime</i>	2	24	10			1	6	
53	11440	Kiểm tra nhà nước cảng biển (PSC) <i>Procedures for port state control investigation</i>	2	24	10			1	6	
54	11459	Luật thương mại quốc tế <i>International Trade Practice</i>	2	24	10			1	6	
55	11437	Giới hạn trách nhiệm dân sự trong hàng hải <i>Limitation of Civil Liability in Maritime Field</i>	2	24	10			1	6	
56	11441	Pháp luật quốc tế về vận chuyển hàng hóa bằng đường biển <i>International legislation of maritime cargo transpor</i>	2	24	10			1	7	
57	11450	Luật Hôn nhân và gia đình <i>The marriage and family law</i>	2	24	10			1	7	
58	11451	Kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính thông dụng <i>Skill of drafting some administrative documents</i>	2	24	10			1	7	
59	11452	Luật Cạnh tranh <i>Law on Competition</i>	2	24	10			1	7	
60	11453	Pháp luật thương mại ASEAN <i>Commercial law of ASEAN</i>	2	24	10			1	8	
61	19107	Đại cương văn hóa Việt Nam <i>Culture of Vietnam</i>	2	24	10			1	8	
62	26101	Môi trường & bảo vệ môi trường <i>Environment and Environmetal Protection</i>	2	24	10			1	8	

9. Hướng dẫn thực hiện chương trình

Học kỳ I

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH	BT	HD	KT	Loại HP
<i>Bắt buộc</i>			9						
1	19106	Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 1	2	19	20			1	I

2	11409	Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật	3	39	10			1	1
3	19401	Logic học	2	21		8		1	I
4	19105	Tâm lý học đại cương	2	29				1	1

Học kỳ II

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH	BT	HD	KT	Loại HP
<i>Bắt buộc</i>			14						
1	19109	Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin II	3	29	30			1	I
2	11207	Đại cương hàng hải	2	28				2	I
3	11455	Lịch sử nhà nước và pháp luật	3	39	10			1	I
4	11426	Luật hiến pháp Việt Nam	3	39	10			1	2
5	11442	Luật Dân sự	3	39	10			1	I

Học kỳ III

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH	BT	HD	KT	Loại HP
<i>Bắt buộc</i>			14						
1	19201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	19	20			1	I
2	19202	Xã hội học đại cương	2	21		8		1	I
3	11431	Luật Hành chính	3	39	10			1	I
4	11402	Luật biển	2	24	10			1	
5	11443	Luật Hình sự	3	39	10			1	I
6	11446	Công pháp quốc tế	2	24	10			1	
<i>Tự chọn</i>									
7	11116	Lịch sử Hàng hải	2	28				2	I
8	28201	Quản trị doanh nghiệp	3	43				2	I
9	15607	Khoa học giao tiếp	2	28				2	I
10	25102	Anh văn cơ bản 2	3	25		18		2	

Học kỳ IV

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH	BT	HD	KT	Loại HP
<i>Bắt buộc</i>			13						
1	19301	Đường lối Cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	3	35	20				I
2	11304	Quy tắc phòng ngừa đâm va trên biển	3	30		15			I
3	11444	Luật Tố tụng hình sự	2	24	10			1	
4	11447	Tư pháp quốc tế	3	39	10			1	I
5	11448	Luật tố tụng dân sự	2	24	10			1	
<i>Tự chọn</i>									
6	25103	Anh văn cơ bản 3	3	25		18		2	I
7	15301	Địa lý vận tải	2	26		2		2	I
8	11458	Luật Tài chính – Ngân Hàng	2	24	10			1	I

Học kỳ V

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH	BT	HD	KT	Loại HP
<i>Bắt buộc</i>			13						
1	11410	Các vấn đề pháp lý về Tàu biển và thuyền bộ tàu biển	2	24	10			1	I
2	11436	Luật Lao động Việt Nam	2	39	10			1	I
3	11445	Pháp luật Kinh doanh thương mại	2	39	10			1	
4	11460	Thực tập cơ sở ngành LHH	1		1				I
5	11450	Vận chuyển Hàng hóa	2	24	10			1	I
6	25450	Anh văn chuyên ngành luật	4	32		18		2	
<i>Tự chọn</i>									
7	15305	Kinh tế Cảng	2	25		4		1	I
8	15816	Logistics và vận tải đa phương thức	2	26		2		2	I
9	15601	Thanh toán quốc tế	3	40		3		2	I

Học kỳ VI

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH	BT	HD	KT	Loại HP
<i>Bắt buộc</i>			14						
1	11438	Quản lý rủi ro hàng hải	2	24	10			1	I
2	11449	Các công ước quốc tế về an toàn hàng hải của IMO	3	39	10			1	I
3	11451	Quản lý nhà nước về Hàng hải	2	24	10			1	
4	11413	Các sự cố và tai nạn hàng hải	2	24	10			1	
5	11454	Bảo hiểm Hàng hải	3	39	10			1	
6	11461	Thực tập chuyên ngành LHH	2		2				
<i>Tự chọn</i>									
7	11437	Giới hạn trách nhiệm dân sự trong hàng hải	2	24	10			1	
8	11440	Kiểm tra nhà nước cảng biển (PSC)	2	24	10			1	I
9	11459	Luật thương mại quốc tế	2	24	10			1	I
10	11464	Giám định hàng hải	2	24	10			1	I

Học kỳ VII

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH	BT	HD	KT	Loại HP
<i>Bắt buộc</i>			11						
1	11406	Kinh tế khai thác thương vụ	2	24	10			1	I
2	11412	Các vấn đề pháp lý về Bắt giữ hàng hải	2	24	10			1	
3	11439	Pháp luật quốc tế về lao động hàng hải	2	24	10			1	I
4	11450	Pháp luật về dịch vụ hàng hải	2	24	10			1	I
5	11462	Thực tập tốt nghiệp LHH	3		3				
<i>Tự chọn</i>									
6	11441	Pháp luật quốc tế về vận chuyển	2	24	10			1	

		hàng hóa bằng đường biển							
7	11450	Luật Hôn nhân và gia đình	2	24	10			1	I
8	11451	Kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính thông dụng	2	24	10			1	
9	11452	Luật cạnh tranh và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	2	24	10			1	

Học kỳ VIII

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH	BT	HD	KT	Loại HP
<i>Bắt buộc</i>			6						
1	11463	Khóa luận tốt nghiệp	6		6				
2	11452	Kỹ năng giải quyết tranh chấp hàng hải	2	24	10			1	I
3	11456	Tổn thất chung	2	24	10			1	I
4	11457	Giải quyết bồi thường trong bảo hiểm hàng hải	2	24	10			1	
<i>Tự chọn</i>									
5	11453	Pháp luật thương mại ASEAN	2	24	10			1	
6	19107	Đại cương văn hóa Việt Nam	2	24	10			1	
7	26101	Môi trường & bảo vệ môi trường	2	24	10			1	I

Ghi chú: Khi kết thúc chương trình đào tạo sinh viên phải hoàn thành 32TC tự chọn trong tổng số các học phần tự chọn của chương trình (trừ học phần tốt nghiệp).

10. Đề cương chi tiết các học phần

10.1. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1

Mã HP: 19106

a. Số tín chỉ: 02 TC

BTL

ĐAMH

b. Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin

c. Phân bổ thời gian:

- Tổng số (TS): 40 tiết.
- Lý thuyết (LT): 19 tiết.
- Thực hành (TH): 20 tiết.
- Bài tập (BT) : 0 tiết.
- Hướng dẫn BTL/ĐAMH (HD): 0 tiết.
- Kiểm tra (KT): 01 tiết.

d. Điều kiện đăng ký học phần: Không

e. Mục đích, yêu cầu của học phần:

Môn học Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin1 nhằm giúp cho sinh viên:

- *Kiến thức:* Xác lập cơ sở lý luận cơ bản nhất để từ đó có thể tiếp cận được nội dung môn học Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2, Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng;

- *Kỹ năng:* Vận dụng tiết học Mác-Lênin, từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học chuyên ngành được đào tạo.

- *Thái độ:* Xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng

f. Mô tả nội dung học phần

Trình bày khái lược các nội dung trọng tâm và quá trình hình thành phát triển của chủ nghĩa Mác Lê nin nhằm tạo ra cái nhìn tổng quát về đối tượng và phạm vi của môn học.

Bao quát những nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác Lê nin: là hệ thống những quan điểm duy vật biện chứng về tự nhiên và về xã hội, làm sáng tỏ nguồn gốc, động lực, những quy luật chung của sự vận động, phát triển của tự nhiên và của xã hội loài người.

g. *Người biên soạn:* Bộ môn Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin - Khoa Lý luận chính trị.

h. *Nội dung chi tiết học phần:*

TÊN CHƯƠNG MỤC	PHÂN PHỐI SỐ TIẾT					
	TS	LT	BT	TH	HD	KT
Chương mở đầu: Nhập môn Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin	1,0	1,0				
Phần thứ nhất: Thế giới quan, phương pháp luận của chủ nghĩa Mác-Lênin						
CHƯƠNG 1. Chủ nghĩa duy vật biện chứng	7,0	3,0		4,0		
1.1. Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy vật biện chứng	3,5	1,5		2,0		
1.2. Quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về vật chất, ý thức và mối quan hệ giữa vật chất và ý thức	3,5	1,5		2,0		
CHƯƠNG 2: Phép biện chứng duy vật	16	8,0		8,0		
2.1. Phép biện chứng và phép biện chứng duy vật	1,0	0,5		0,5		
2.2. Các nguyên lý cơ bản của phép biện chứng	3,0	1,5		1,5		
2.3. Các cặp phạm trù cơ bản của phép biện chứng duy vật	4,0	2,0		2,0		
2.4. Các quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật	4,0	2,0		2,0		
2.5. Lý luận nhận thức duy vật biện chứng	4,0	2,0		2,0		
CHƯƠNG 3: Chủ nghĩa duy vật lịch sử	16	7,0		8,0		1,0
3.1. Vai trò của sản xuất vật chất và quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất	3,0	1,5		1,5		
3.2. Biện chứng của cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng	2,5	1,0		1,5		
3.3. Tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội và tính độc lập tương đối của ý thức xã hội	2,0	1,0		1,0		
3.4. Phạm trù hình thái kinh tế- xã hội và quá trình lịch sử- tự nhiên của sự phát triển các hình thái tự nhiên- xã hội	2,0	1,0		1,0		
3.5. Vai trò của đấu tranh giai cấp và cách mạng xã hội đối với sự vận động, phát triển của xã hội có đối kháng	3,0	1,5		1,5		

TÊN CHƯƠNG MỤC	PHÂN PHỐI SỐ TIẾT					
	TS	LT	BT	TH	HD	KT
giai cấp						
3.6. Quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử về con người và vai trò sáng tạo lịch sử của quần chúng nhân dân	2,5	1,0		1,5		

i. Mô tả cách đánh giá học phần

- Điểm kiểm tra và thảo luận

Sinh viên tham gia học tập lý thuyết, thảo luận 75% số tiết trở lên mới đủ điều kiện dự thi hết học phần.

$$X = \frac{(X_1 + X_2)}{2} \quad (\text{điều kiện } X_1, X_2 \geq 4)$$

Trong đó: X_1 là điểm kiểm tra 01 bài trên lớp. Lịch kiểm tra phải được thông báo trước cho sinh viên biết và được ấn định trong Lịch trình giảng dạy.

X_2 : Điểm thảo luận dựa trên cơ sở chuẩn bị, thái độ, chất lượng thảo luận của sinh viên.

- Điểm thi (kết thúc học phần)
- + Hình thức thi tự luận.
- + Đề thi kết cấu gồm 3 câu ở dạng đóng (không được sử dụng tài liệu trong khi thi).
- + Phòng Đào tạo tổ chức thi tập trung, rọc phách.
- + Bộ môn ra đề thi và chấm thi.

Điểm đánh giá học phần : $Z = 0,5X + 0,5Y$; ($Y \geq 4$)

j. Giáo trình:

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2012.

k. Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình Triết học Mác-Lênin*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007.

10.2. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2

Mã HP: 19109

a. Số tín chỉ: 03 TC

BTL 0

ĐAMH 0

b. Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin

c. Phân bố thời gian:

- | | | | |
|----------------------------|----------|-------------------|----------|
| - Tổng số (TS): | 60 tiết. | - Lý thuyết (LT): | 29 tiết. |
| - Xêmina (XMN): | 30 tiết. | - Bài tập (BT): | 0 tiết. |
| - Hướng dẫn BTL/ĐAMH (HD): | 0 tiết. | - Kiểm tra (KT): | 01 tiết. |

d. Điều kiện đăng ký học phần:

Sinh viên đã học xong học phần Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1.

e. Mục đích, yêu cầu của học phần:

Môn học Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2 tiếp tục giúp cho sinh viên:

- *Kiến thức:* Xác lập cơ sở lý luận cơ bản nhất để từ đó có thể tiếp cận được nội dung môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng;

- *Kỹ năng:* Vận dụng triết học Mác - Lenin, từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học chuyên ngành được đào tạo.

- *Thái độ:* Xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng

f. Mô tả nội dung học phần

Căn cứ vào mục tiêu môn học, học phần trình bày ba nội dung trọng tâm thuộc học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác-Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa; bao gồm: học thuyết giá trị, học thuyết giá trị thặng dư, học thuyết về chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước.

Đồng thời, khái quát những nội dung cơ bản thuộc lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin về chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng.

g. Người biên soạn: Bộ môn Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin - Khoa Lý luận chính trị.

h. Nội dung chi tiết học phần:

TÊN CHƯƠNG MỤC	PHÂN PHỐI SỐ TIẾT					
	TS	LT	BT	TH	HD	KT
Phần thứ hai: Học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác- Lênin về phương thức sản xuất TBCN						
CHƯƠNG 4: Học thuyết giá trị	8,0	4,0		4,0		
4.1. Điều kiện ra đời, đặc trưng và ưu thế của sản xuất hàng hóa	2,0	1,0		1,0		
4.2. Hàng hóa	2,0	1,0		1,0		
4.3. Tiền tệ	2,0	1,0		1,0		
4.4. Quy luật giá trị	2,0	1,0		1,0		
CHƯƠNG 5: Học thuyết giá trị thặng dư	22	10		12		
5.1. Sự chuyển hóa của tiền thành tư bản	3,5	1,5		2,0		
5.2. Quá trình sản xuất ra giá trị thặng dư trong xã hội tư bản	5,5	2,5		3,0		
5.3. Tiền công trong chủ nghĩa tư bản	2,0	1,0		1,0		
5.4. Sự chuyển hóa của giá trị thặng dư thành tư bản-tích lũy tư bản	1,5	1,5		2,0		

TÊN CHƯƠNG MỤC	PHÂN PHỐI SỐ TIẾT					
	TS	LT	BT	TH	HD	KT
5.5. Quá trình lưu thông của tư bản và giá trị thặng dư	3,5	1,5		2,0		
5.6. Các hình thái tư bản và các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư	4,0	2,0		2,0		
CHƯƠNG 6: Học thuyết kinh tế về chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước	3,0	3,0				
6.1. Chủ nghĩa tư bản độc quyền	1,0	1,0				
6.2. Chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước	1,0	1,0				
6.3. Những nét mới trong sự phát triển của chủ nghĩa tư bản hiện đại	0,5	0,5				
6.4. Vai trò, hạn chế và xu hướng vận động của chủ nghĩa tư bản	0,5	0,5				
Phần thứ ba: Lý luận của chủ nghĩa Mác- Lênin về chủ nghĩa xã hội						
CHƯƠNG 7: Sự mệnh lịch sử của giai cấp công nhân và cách mạng xã hội chủ nghĩa	14	6,0		8,0		
7.1. Sự mệnh lịch sử của giai cấp công nhân	5,5	2,5		3,0		
7.2. Cách mạng xã hội chủ nghĩa	4,5	2,0		2,5		
7.3. Hình thái kinh tế- xã hội cộng sản chủ nghĩa	4,0	1,5		2,5		
CHƯƠNG 8: Những vấn đề chính trị xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa	11	4,0		6,0		1,0
8.1. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa	3,5	1,5		2,0		
8.2. Xây dựng nền văn hóa xã hội chủ nghĩa	3,5	1,5		2,0		
8.3. Giải quyết vấn đề dân tộc và tôn giáo	3,0	1,0		2,0		
CHƯƠNG 9: Chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng	2,0	2,0				
9.1. Chủ nghĩa xã hội hiện thực	0,5	0,5				
9.2. Sự khủng hoảng, sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội Xô viết và nguyên nhân của nó	1,0	1,0				
9.3. Triển vọng của chủ nghĩa xã hội	0,5	0,5				

i. Mô tả cách đánh giá học phần

- Điểm kiểm tra và thảo luận

Sinh viên tham gia học tập lý thuyết, thảo luận 75% số tiết trở lên mới đủ điều kiện dự thi hết học phần.

$$X = \frac{(X_1 + X_2)}{2} \quad (\text{điều kiện } X_1, X_2 \geq 4)$$

Trong đó: X_1 là điểm kiểm tra 01 bài trên lớp. Lịch kiểm tra phải được thông báo trước cho sinh viên biết và được ấn định trong Lịch trình giảng dạy.

X_2 : Điểm thảo luận dựa trên cơ sở chuẩn bị, thái độ, chất lượng thảo luận của sinh viên.

- Điểm thi (kết thúc học phần)
- + Hình thức thi tự luận.
- + Đề thi kết cấu gồm 3 câu ở dạng đóng (không được sử dụng tài liệu trong khi thi).
- + Phòng Đào tạo tổ chức thi tập trung, rọc phách.
- + Bộ môn ra đề thi và chấm thi.

Điểm đánh giá học phần : $Z = 0,5X + 0,5Y$; ($Y \geq 4$)

j. Giáo trình:

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2012.

k. Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007.

10.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh

Mã HP: 19201

a. Số tín chỉ: 02 TC

BTL ☐

ĐAMH ☐

b. Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Tư tưởng Hồ Chí Minh

c. Phân bố thời gian:

- | | | | |
|----------------------------|----------|-------------------|----------|
| - Tổng số (TS): | 40 tiết. | - Lý thuyết (LT): | 19 tiết. |
| - Thực hành (TH): | 20 tiết. | - Bài tập (BT): | 0 tiết. |
| - Hướng dẫn BTL/ĐAMH (HD): | 0 tiết. | - Kiểm tra (KT): | 01 tiết. |

d. Điều kiện đăng ký học phần: Sinh viên phải học xong học phần Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1.

e. Mục đích, yêu cầu của học phần:

- *Kiến thức*: Sinh viên tiếp tục được biết và hiểu thêm những tri thức có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hoá Hồ Chí Minh; từ đó hiểu sâu thẳm kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin.

- *Kỹ năng*: Sinh viên có khả năng vận dụng sáng tạo những giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh trong thực tiễn cuộc sống; hình thành và phát triển kỹ năng phân tích, tổng hợp, hệ thống hóa những kiến thức đã thu nhận được của người học; hình thành và phát triển kỹ năng bình luận, đánh giá, so sánh của người học về những nội dung đã học để vận dụng vào thực tiễn.

- *Thái độ*: Cùng với tiền đề là môn học *Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin*, sinh viên tạo lập những hiểu biết về nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng và của cách mạng nước ta. - Góp phần xây dựng nền tảng đạo đức con người mới.

f. Mô tả nội dung học phần:

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh khái quát những nội dung cơ bản về con đường cách mạng Việt Nam, bao gồm: Tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc, về chủ nghĩa xã hội, về Đảng, về Nhà nước cũng như tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức và xây dựng con người mới, trong đó nội dung cốt lõi là Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Chỉ ra cơ sở khách quan - chủ quan trong quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh. Trên cơ sở đó, sinh viên nhận thức rõ giá trị và sức sống tư tưởng Hồ Chí Minh đối với dân tộc và nhân loại.

g. Người biên soạn: Bộ môn Tư tưởng Hồ Chí Minh - Khoa Lý luận chính trị

h. Nội dung chi tiết học phần:

TÊN CHƯƠNG MỤC	PHÂN PHỐI SỐ TIẾT					
	TS	LT	BT	TH	HD	KT
Chương mở đầu: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh	1,0	1,0				
CHƯƠNG 1: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh	6,0	3,0		3,0		
1.1. Cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh	2,0	1,0		1,0		
1.2. Quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh	2,0	1,0		1,0		
1.3. Giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh	2,0	1,0		1,0		
CHƯƠNG 2: Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc	6,0	3,0		3,0		
2.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc	3,0	1,5		1,5		
2.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc	3,0	1,5		1,5		
CHƯƠNG 3: Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	4,0	2,0		2,0		
3.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	2,0	1,0		1,0		
3.2. Con đường, biện pháp quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	2,0	1,0		1,0		
CHƯƠNG 4: Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam	6,0	3,0		3,0		

TÊN CHƯƠNG MỤC	PHÂN PHỐI SỐ TIẾT					
	TS	LT	BT	TH	HD	KT
4.1. Quan niệm của Hồ Chí Minh về vai trò và bản chất của Đảng Cộng sản Việt Nam	3,0	1,5		1,5		
4.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam trong sạch, vững mạnh	3,0	1,5		1,5		
CHƯƠNG 5: Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế	6,0	2,0		3,0		1,0
5.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc	2,5	1,0		1,5		
5.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế	2,5	1,0		1,5		
CHƯƠNG 6: Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân	4,0	2,0		2,0		
6.1. Xây dựng Nhà nước thể hiện quyền là chủ và làm chủ của nhân dân	1,0	0,5		0,5		
6.2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về sự thống nhất giữa bản chất giai cấp công nhân với tính nhân dân và tính dân tộc của Nhà nước	1,0	0,5		0,5		
6.3. Xây dựng Nhà nước có hiệu lực pháp lý mạnh mẽ	1,0	0,5		0,5		
6.4. Xây dựng Nhà nước trong sạch, hoạt động có hiệu quả	1,0	0,5		0,5		
CHƯƠNG 7: Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức và xây dựng con người mới	7,0	3,0		4,0		
7.1. Những quan điểm cơ bản của Hồ Chí Minh về văn hóa	2,5	1,0		1,5		
7.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức	2,5	1,0		1,5		
7.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng con người mới	2,0	1,0		1,0		

i. Mô tả cách đánh giá học phần

- Điểm kiểm tra và thảo luận

Sinh viên tham gia học tập lý thuyết, thảo luận 75% số tiết trở lên mới đủ điều kiện dự thi hết học phần.

$$X = \frac{(X_1 + X_2)}{2} \quad (\text{điều kiện } X_1, X_2 \geq 4)$$

Trong đó: X_1 là điểm kiểm tra 01 bài trên lớp. Lịch kiểm tra phải được thông báo trước cho sinh viên biết và được ấn định trong Lịch trình giảng dạy.

X_2 : Điểm thảo luận dựa trên cơ sở chuẩn bị, thái độ, chất lượng thảo luận của sinh viên.

- Điểm thi (kết thúc học phần)
- + Hình thức thi tự luận.
- + Đề thi kết cấu gồm 3 câu ở dạng đóng (không được sử dụng tài liệu trong khi thi).
- + Phòng Đào tạo tổ chức thi tập trung, rọc phách.
- + Bộ môn ra đề thi và chấm thi.

Điểm đánh giá học phần : $Z = 0,5X + 0,5Y$; ($Y \geq 4$)

j. Giáo trình:

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2012.

k. Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Tư tưởng Hồ Chí Minh*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội, 2008.

2. Hội đồng Trung ương, *Giáo trình quốc gia các môn khoa học Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003.

3. Hồ Chí Minh, *toàn tập, tuyển tập, đĩa CDROM*.

4. PGS. TS Hoàng Trang, *Hỏi và đáp Tư tưởng Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị - Hành chính, Hà Nội, 2011.

10.4. Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam

Mã HP: 19301

a. Số tín chỉ: 03 TC

BTL ☐

ĐAMH ☐

b. Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam

c. Phân bố thời gian:

- | | | | |
|----------------------------|----------|-------------------|----------|
| - Tổng số (TS): | 60 tiết. | - Lý thuyết (LT): | 29 tiết. |
| - Xêmina (XMN): | 30 tiết. | - Bài tập (BT): | 0 tiết. |
| - Hướng dẫn BTL/ĐAMH (HD): | 0 tiết. | - Kiểm tra (KT): | 01 tiết. |

d. Điều kiện đăng ký học phần:

Sinh viên phải học xong học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh.

e. Mục đích, yêu cầu của học phần:

- *Kiến thức*: sinh viên hiểu những nội dung cơ bản của đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, trong đó chủ yếu tập trung vào đường lối của Đảng thời kỳ đổi mới trên một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội phục vụ cho cuộc sống và công tác. Xây dựng cho sinh viên niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, theo mục tiêu, lý tưởng của Đảng.

- *Kỹ năng*: vận dụng kiến thức chuyên ngành để chủ động, tích cực trong giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội theo đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.

- *Thái độ*: Tin tưởng, ủng hộ vào đường lối, chủ trương, quan điểm lãnh đạo cách mạng của Đảng; Tin tưởng vào sự thắng lợi của công cuộc đổi mới, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước do Đảng lãnh đạo; Góp phần tuyên truyền đường lối, chủ trương, quan điểm của Đảng vào trong nhân dân.

f. Mô tả nội dung học phần:

Môn học Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam đề cập đến các vấn đề: Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam, đường lối đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975); đường lối công nghiệp hoá; đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; đường lối xây dựng hệ thống chính trị; đường lối xây dựng văn hoá và giải quyết các vấn đề xã hội; đường lối đối ngoại.

Thông qua những vấn đề trên, nội dung chủ yếu của môn học là cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản có hệ thống về đường lối của Đảng, đặc biệt là đường lối trong thời kỳ đổi mới.

g. Người biên soạn: Bộ môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam - Khoa Lý luận chính trị

h. Nội dung chi tiết học phần:

TÊN CHƯƠNG MỤC	PHÂN PHỐI SỐ TIẾT					
	TS	LT	BT	TH	HD	KT
Chương mở đầu: Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	1,0	1,0				
CHƯƠNG 1. Sự ra đời của Đảng Cộng Sản Việt Nam và cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng	7,0	3,0		4,0		
1.1. Hoàn cảnh lịch sử ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam	4,0	2,0		2,0		
1.2. Hội nghị thành lập Đảng và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng	3,0	1,0		2,0		
CHƯƠNG 2. Đường lối đấu tranh giành chính quyền (1930-1945)	7,0	3,0		4,0		
2.1. Chủ trương đấu tranh 1930 – 1939	3,5	1,5		2,0		
2.2. Chủ trương đấu tranh từ năm 1939 đến năm 1945	3,5	1,5		2,0		
CHƯƠNG 3. Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1954)	11	5,0		6,0		
3.1. Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945- 1954)	5,5	2,5		3,0		
3.2. Đường lối kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, thống nhất Tổ quốc (1954- 1975)	5,5	2,5		3,0		
CHƯƠNG 4. Đường lối công nghiệp hóa	6,0	3,0		2,0		1,0
4.1. Công nghiệp hoá thời kỳ trước đổi mới	2,5	1,5		1,0		
4.2. Công nghiệp hoá, hiện đại hoá thời kỳ đổi mới	2,5	1,5		1,0		
CHƯƠNG 5. Đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa	7,0	3,0		4,0		

TÊN CHƯƠNG MỤC	PHÂN PHỐI SỐ TIẾT					
	TS	LT	BT	TH	HD	KT
5.1. Quá trình đổi mới nhận thức về kinh tế thị trường	4,0	2,0		2,0		
5.2. Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta	3,0	1,0		2,0		
CHƯƠNG 6. Đường lối xây dựng hệ thống chính trị	7,0	3,0		4,0		
6.1. Đường lối xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ trước đổi mới (1945-1985)	3,5	1,5		2,0		
6.2. Đường lối xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ đổi mới	3,5	1,5		2,0		
CHƯƠNG 7. Đường lối xây dựng và phát triển nền văn hóa và giải quyết các vấn đề xã hội	8,0	4,0		4,0		
7.1. Quá trình nhận thức và nội dung đường lối xây dựng và phát triển nền văn hóa	4,0	2,0		2,0		
7.2. Quá trình nhận thức và chủ trương giải quyết những vấn đề xã hội	4,0	2,0		2,0		
CHƯƠNG 8. Đường lối đối ngoại	6,0	4,0		2,0		
8.1. Đường lối đối ngoại thời kỳ từ năm 1975 đến năm 1986	3,0	2,0		1,0		
8.2. Đường lối đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế thời kỳ đổi mới	3,0	2,0		1,0		

i. Mô tả cách đánh giá học phần

- Điểm kiểm tra và thảo luận

Sinh viên tham gia học tập lý thuyết, thảo luận 75% số tiết trở lên mới đủ điều kiện dự thi hết học phần.

$$X = \frac{(X_1 + X_2)}{2} \quad (\text{điều kiện } X_1, X_2 \geq 4)$$

Trong đó: X_1 là điểm kiểm tra 01 bài trên lớp. Lịch kiểm tra phải được thông báo trước cho sinh viên biết và được ấn định trong Lịch trình giảng dạy.

X_2 : Điểm thảo luận dựa trên cơ sở chuẩn bị, thái độ, chất lượng thảo luận của sinh viên.

- Điểm thi (kết thúc học phần)

+ Hình thức thi tự luận.

+ Đề thi kết cấu gồm 3 câu ở dạng đóng (không được sử dụng tài liệu trong khi thi).

+ Phòng Đào tạo tổ chức thi tập trung, rọc phách.

+ Bộ môn ra đề thi và chấm thi.

Điểm đánh giá học phần : $Z = 0,5X + 0,5Y$; ($Y \geq 2$)

j. Giáo trình:

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2012.

k. Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Chương trình môn học Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam*.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam*, NXB Chính trị quốc gia, 2012.

3. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh: *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003.

10.5. Logic học

Mã HP: 19401

a. Số tín chỉ: 02 TC

BTL ☐

ĐAMH ☐

b. Đơn vị giảng dạy: Khoa lý luận chính trị

c. Phân bố thời gian:

- Tổng số (TS):	30 tiết.	- Lý thuyết (LT):	21 tiết.
- Xêmina (XMN):	0 tiết	- Bài tập (BT):	8 tiết.
-Hướng dẫn BTL/ĐAMH(HD):	0 tiết.	- Kiểm tra (KT):	01 tiết.

d. Điều kiện đăng ký học phần: Không

e. Mục đích, yêu cầu của học phần:

- *Kiến thức*: Sinh viên nắm được những kiến thức và phương pháp tư duy cần thiết để nắm bắt những tri thức khoa học;

- *Kỹ năng*: Sinh viên hình thành phương pháp tư duy một cách nhanh nhất, tránh được mò mẫm, mù quáng; giúp cho sinh viên trong giao tiếp, tranh luận, chứng minh, hay bác bỏ một điều gì đó bằng những lập luận logic chính xác, phát hiện những mập mờ, nguy hiểm những sai lầm trong lập luận của mình cũng như của người khác.

- *Thái độ*: Nâng cao năng lực tư duy logic, độc lập suy nghĩ của sinh viên; hình thành niềm say mê nghiên cứu khoa học, tinh thần không ngừng học hỏi; hình thành thái độ học tập đúng và nâng cao ý thức học tập

f. Mô tả nội dung học phần:

Nhập môn Logic học gồm hai phần:

- Phần logic hình thức trình bày những quy luật của tư duy bao gồm quy luật đồng nhất, quy luật cấm mâu thuẫn, quy luật bài trung và quy luật lý do đầy đủ; đồng thời học phần cũng giới thiệu các hình thức cơ bản của tư duy bao gồm khái niệm, phán đoán, suy luận; từ đó học phần giới thiệu các thao tác của tư duy bao gồm chứng minh và bác bỏ.

- Phần logic biện chứng giới thiệu những nguyên tắc cơ bản, hình thức tư duy và các quy luật của logic biện chứng.

g. Tập thể biên soạn: Khoa Lý luận chính trị

h. Nội dung chi tiết học phần:

TÊN CHƯƠNG MỤC	PHÂN PHỐI SỐ TIẾT					
	TS	LT	BT	TH	HD	KT
CHƯƠNG 1: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn Logic học	3,0	3,0				
1.1. Đối tượng của Logic học	1	1,0				
1.2. Mối quan hệ giữa Logic học và các khoa học khác	0,5	0,5				
1.3. Phương pháp của Logic học	0,5	0,5				
1.4. Khái lược về lịch sử phát triển của Logic học	0,5	0,5				
1.5. Ý nghĩa của việc nghiên cứu Logic học	0,5	0,5				
CHƯƠNG 2: Những quy luật cơ bản của tư duy	5,0	3,0	2,0			
2.1. Quy luật là gì và các đặc điểm chung của các quy luật cơ bản của Logic học	1	1,0				
2.2. Những quy luật cơ bản của Logic học	4	2,0	2,0			
CHƯƠNG 3: Các hình thức cơ bản của tư duy	18,0	11,0	6,0			1,0
3.1. Khái niệm	5	3,0	2,0			
3.2. Phán đoán	6	4,0	2,0			
3.3. Suy luận	7	4,0	2,0			1,0
CHƯƠNG 4: Những vấn đề cơ bản của Logic biện chứng	4,0	4,0				
4.1. Những nguyên tắc cơ bản của Logic biện chứng	1,5	1,5				
4.2. Những hình thức tư duy trong Logic biện chứng	1,5	1,5				
4.3. Những quy luật cơ bản của phép biện chứng với tư cách là những quy luật của Logic biện chứng	1,0	1,0				

i. Mô tả cách đánh giá học phần

- Điểm kiểm tra

Sinh viên tham gia học tập 75% số tiết trở lên mới đủ điều kiện dự thi hết học phần.

X là điểm kiểm tra 01 bài trên lớp ($X \geq 4$). Lịch kiểm tra phải được thông báo trước cho sinh viên biết và được ấn định trong Lịch trình giảng dạy.

- Điểm thi (kết thúc học phần)

+ Hình thức thi tự luận.

+ Đề thi kết cấu gồm 3 câu ở dạng đóng (không được sử dụng tài liệu trong khi thi).

+ Phòng Đào tạo tổ chức thi tập trung, rọc phách.

+ Bộ môn ra đề thi và chấm thi.

j. Giáo trình:

Chương trình giáo trình đại học, Nhập môn Logic học, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1997.

k. Tài liệu tham khảo:

1. Bùi Thanh Quát, Nguyễn Tuấn Chi, Giáo trình Logic hình thức, Đại học Tổng hợp Hà Nội, 1994.
2. Bùi Thanh Quát, Logic hình thức, Đại học Tổng hợp Hà Nội, 1994.
3. Tô Duy Hợp, Nguyễn Anh Tuấn, Logic học, Nxb Đồng Nai, 1997.
4. Hồ Minh Đồng, Nguyễn Văn Hoà, Logic học, Nxb Giáo dục, 1999.
5. Lê Duy Ninh, Logic học, Nxb Tp HCM, 2001.
6. Phan Trọng Hoà, Logic học, Nxb Thuận Hoá, 2003.
7. Phạm Đình Nghiệm, Nhập môn Logic học, Nxb Đại học Quốc gia Tp Hồ Chí Minh, 2006.

10.6. Tâm lý học đại cương

Mã HP: 19105

a. Số tín chỉ: 02 TC

BTL ☐

ĐAMH ☐

b. Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin

c. Phân bổ thời gian:

- | | | | |
|----------------------------|----------|-------------------|----------|
| - Tổng số (TS): | 30 tiết. | - Lý thuyết (LT): | 29 tiết. |
| - Xêmina (XMN): | 0 tiết. | - Bài tập (BT) : | 0 tiết. |
| - Hướng dẫn BTL/ĐAMH (HD): | 0 tiết. | - Kiểm tra (KT): | 01 tiết. |

d. Điều kiện đăng ký học phần: Không

e. Mục đích, yêu cầu của học phần:

Môn học Tâm lý học đại cương nhằm giúp cho sinh viên:

- *Kiến thức:* Trang bị những kiến thức cơ bản nhất về bản chất hoạt động tâm lý, các quy luật nảy sinh và phát triển tâm lý, cơ chế diễn biến và thể hiện tâm lý con người, trên cơ sở đó người học có thể vận dụng để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong cuộc sống cũng như trong hoạt động nghề nghiệp sau này.

- *Kỹ năng:* Hình thành các phẩm chất nhân cách phù hợp với yêu cầu của thời kỳ hội nhập; kỹ năng giao tiếp ứng xử trong cộng đồng; tác phong làm việc khoa học; phát triển năng lực tư duy sáng tạo độc lập...

- *Thái độ:* Nâng cao năng lực tư duy logic, độc lập suy nghĩ của sinh viên; hình thành niềm say mê nghiên cứu khoa học, tinh thần không ngừng học hỏi; hình thành thái độ học tập đúng và nâng cao ý thức học tập

f. Mô tả nội dung học phần:

Trình bày khái lược các nội dung trọng tâm và quá trình hình thành phát triển của tâm lý, ý thức nhằm tạo ra cái nhìn tổng quát về đối tượng và phạm vi của môn học.

Bao quát những nội dung cơ bản của tâm lý học: về nhận thức và sự học; về nhân cách và sự hình thành nhân cách; về sự sai lệch hành vi cá nhân và hành vi xã hội.

g. Người biên soạn: Bộ môn Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, Khoa Lý luận chính trị.

h. Nội dung chi tiết học phần:

TÊN CHƯƠNG MỤC	PHÂN PHỐI SỐ TIẾT					
	TS	LT	BT	TH	HD	KT
PHẦN I: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG CỦA TÂM LÝ HỌC	8	8				
CHƯƠNG 1. Tâm lý học là một khoa học	2	2				
1.1. Đối tượng, nhiệm vụ của tâm lý học	0,5	0,5				
1.2. Bản chất, chức năng, phân loại các hiện tượng tâm lý	1	1				
1.3. Các nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu tâm lý	0,5	0,5				
<i>Nội dung tự học (4 tiết): Tự đọc bài giảng: Mục 1.1.2; 1.3.2</i>						
CHƯƠNG 2: Cơ sở tự nhiên và cơ sở xã hội của tâm lý người	3	3				
2.1. Cơ sở tự nhiên của tâm lý người	1,5	1,5				
2.2. Cơ sở xã hội của tâm lý người	1,5	1,5				
<i>Nội dung tự học (6 tiết): Tự đọc bài giảng: Mục 2.1.3; 2.1.4; 2.1.6; 2.2.2</i>						
CHƯƠNG 3: Sự hình thành và phát triển tâm lý, ý thức	3	3				
3.1. Sự hình thành và phát triển tâm lý	1,5	1,5				
3.2. Sự hình thành và phát triển ý thức	1,5	1,5				
<i>Nội dung tự học (tiết): Tự đọc bài giảng: Mục 3.1.1, 3.2.1, 3.2.3</i>						
PHẦN II. NHẬN THỨC VÀ SỰ HỌC						
CHƯƠNG 1: Cảm giác và tri giác						
1.1. Cảm giác						
1.2. Tri giác						
<i>Nội dung tự học (4 tiết): 1.1.2; 1.1.4; 1.2.2; 1.2.5</i>						
CHƯƠNG 2: Tư duy và tưởng tượng	2	2				1
2.1. Tư duy	1	1				1
2.2. Tưởng tượng	1	1				
<i>Nội dung tự học (4 tiết): 2.1.2, 2.1.3, 2.2.3, 2.2.4</i>						
CHƯƠNG 3: Trí nhớ và nhận thức						

TÊN CHƯƠNG MỤC	PHÂN PHỐI SỐ TIẾT					
	TS	LT	BT	TH	HD	KT
3.1. Khái niệm chung về trí nhớ						
3.2. Các loại trí nhớ						
3.3. Những quá trình trí nhớ						
3.4. Sự khác biệt cá nhân về trí nhớ						
<i>Nội dung tự học (6 tiết): 3.1.3, 3.1.4, 3.2, 3.3, Chương 3</i>						
CHƯƠNG 4: Ngôn ngữ và nhận thức	3	3				
4.1. Khái niệm chung về ngôn ngữ và hoạt động lời nói	1	1				
4.2. Các loại lời nói (hoạt động lời nói)	1	1				
4.3. Các cơ chế lời nói						
4.4. Vai trò của ngôn ngữ đối với nhận thức	1	1				
<i>Nội dung tự học (6 tiết): 4.4.1, 4.3</i>						
CHƯƠNG 5: Sự học và nhận thức	5	5				
5.1. Khái niệm chung về sự học	1,5	1,5				
5.2. Sự học ở động vật và ở người	2	2				
5.3. Các loại và mức độ học tập ở người						
5.4. Vai trò của sự học đối với nhận thức và phát triển tâm lý, ý thức, nhân cách con người	1.5	1.5				
<i>Nội dung tự học (10 tiết): 5.2.5, 5.3</i>						
PHẦN III: NHÂN CÁCH VÀ SỰ HÌNH THÀNH NHÂN CÁCH	8	7				1
1. Khái niệm chung về nhân cách	1	1				
2. Cấu trúc tâm lý của nhân cách	1	1				
3. Các kiểu nhân cách	1	1				
4. Các phẩm chất tâm lý của nhân cách	2	2				
5. Những thuộc tính tâm lý của nhân cách	1	1				1
6. Sự hình thành và phát triển nhân cách	2	1				
<i>Nội dung tự học (16 tiết): 3.1.2, 3.3.4, 3.4.2, 3.5.1, 3.5.3</i>						
PHẦN IV: SỰ SAI LỆCH HÀNH VI CÁ NHÂN VÀ HÀNH VI XÃ HỘI	2					
1. Sự sai lệch hành vi cá nhân về mặt tâm lý và cách khắc phục hành vi sai lệch này	1					
2. Sự sai lệch hành vi xã hội và sự giáo dục sửa	1					

TÊN CHƯƠNG MỤC	PHÂN PHỐI SỐ TIẾT					
	TS	LT	BT	TH	HD	KT
chữa các hành vi lệch chuẩn mực đạo đức của xã hội						
<i>Nội dung tự học (4 tiết): 4.1.2, 4.2.2</i>						

i. Mô tả cách đánh giá học phần:

- Điểm kiểm tra

Sinh viên tham gia học tập 75% số tiết trở lên mới đủ điều kiện dự thi hết học phần.

X là điểm kiểm tra 01 bài trên lớp ($X \geq 4$). Lịch kiểm tra phải được thông báo trước cho sinh viên biết và được ấn định trong Lịch trình giảng dạy.

- Điểm thi kết thúc học phần (điểm Y)

+ Hình thức thi vấn đáp.

+ Đề thi kết cấu gồm 3 câu ở dạng đóng (không được sử dụng tài liệu trong khi thi).

+ Nhà trường tổ chức thi tập trung.

+ Bộ môn ra đề thi và hỏi thi, chấm thi.

- Điểm đánh giá học phần: $Z = 0.5X + 0.5Y$

Thang điểm: thang điểm chữ A+, A, B+, B, C+, C, D+, D, F.

j. Giáo trình:

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình Tâm lý học đại cương*, NXB, Hà Nội, 2012.

k. Tài liệu tham khảo:

1. Phạm Minh Hạc (Chủ biên), *Tâm lý học*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2001.

2. Bùi Văn Huệ, *Giáo trình tâm lý học*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội 2000.

3. Trần Trọng Thủy (Chủ biên), *Tâm lý học đại cương*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2000.

4. Trần Trọng Thủy (Chủ biên), *Bài tập thực hành tâm lý học*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2002.

5. Nguyễn Quang Uẩn (Chủ biên), *Tâm lý học đại cương*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2015.

10.7. Đại cương hàng hải

Mã HP : 11110

a. Số tín chỉ: 02 TC

BTL ☐

ĐAMH ☐

b. Đơn vị giảng dạy: Khoa Hàng hải

c. Phân bổ thời gian:

- Tổng số (TS): 30 tiết.

- Lý thuyết (LT): 28 tiết.

- Thực hành (TH): 0 tiết.

- Bài tập (BT): 0 tiết.

- Hướng dẫn BTL/ĐAMH (HD): 0 tiết.

- Kiểm tra (KT): 02 tiết.

d. Điều kiện đăng ký học phần:

Sinh viên cần phải học các môn: Không.

e. Mục đích, yêu cầu của học phần:

- *Kiến thức*: Nhằm khai thác an toàn và hiệu quả kinh tế, học phần đã đưa ra được các khái niệm, nguyên lý cơ bản về hàng hải cách xác định phương hướng, hoạt động của các trang thiết bị máy điện, luật giao thông, ... từ đó giúp cho người học có một cái nhìn tổng quan về công tác hàng hải, vận chuyển hàng hóa trên biển.

- *Kỹ năng*: Hình thành và phát triển kỹ năng tìm kiếm thông tin, xử lý thông tin và đánh giá thông tin. Đồng thời vận dụng kiến thức vào các tình huống cụ thể.

- *Thái độ*: Nâng cao năng lực tư duy logic, độc lập suy nghĩ của sinh viên; hình thành niềm say mê nghiên cứu khoa học, tinh thần không ngừng học hỏi; hình thành thái độ học tập đúng và nâng cao ý thức học tập

f. Mô tả nội dung học phần:

Học phần Đại cương hàng hải giúp sinh viên có được cái nhìn tổng quan về kiến thức Hàng hải khi hoạt động trong lĩnh vực tàu biển, đồng thời nắm vững kiến thức về phương pháp hàng hải trên biển, cách tính và lập tuyến đường hàng hải, nguyên lý hoạt động và khai thác hiệu quả các trang thiết bị phụ trợ hàng hải, luật giao thông và công tác tìm kiếm cứu nạn trên biển, phương pháp vận chuyển, bảo quản các loại hàng hóa bằng phương thức vận tải đường biển và các công ước quốc tế về hàng hải.

g. Người biên soạn: PGS.TS. Nguyễn Viết Thành - Khoa Hàng hải.

h. Nội dung chi tiết học phần:

TÊN CHƯƠNG MỤC	PHÂN PHỐI SỐ TIẾT					
	TS	LT	BT	TH	HD	KT
CHƯƠNG 1. Khái niệm cơ bản về hàng hải học	6,0	6,0				
1.1. Khái niệm cơ bản	1,0	1,0				
1.2. Xác định phương hướng trên biển	0,5	0,5				
1.3. Xác định quãng đường tàu chạy trên biển	0,5	0,5				
1.4. Hải đồ	1,0	1,0				
1.5. Thiên cầu và các hệ tọa độ thiên văn	1,0	1,0				
1.6. Đặc điểm chuyển động nhìn thấy của thiên thể	1,0	1,0				
1.7. Đo thời gian	1,0	1,0				
CHƯƠNG 2. Tổng quan về công tác vận chuyển hàng hóa bằng đường biển	6,0	5,0				1,0
2.1. Hàng hóa trong vận tải biển	1,0	1,0				
2.2. Một số khái niệm và thông số cơ bản	1,0	1,0				
2.3. Dấu chuyên chở và bản đồ vùng mùa	1,0	1,0				
2.4. Mớn nước	0,5	0,5				
2.5. Ổn định tàu	0,5	0,5				
2.6. Lập sơ đồ xếp hàng tàu hàng khô	1,0	1,0				1

TÊN CHƯƠNG MỤC	PHÂN PHỐI SỐ TIẾT					
	TS	LT	BT	TH	HD	KT
Bài kiểm tra	1,0					1,0
CHƯƠNG 3. Các hệ thống Máy điện - Vô tuyến điện phục vụ công tác dẫn tàu	6,0	6,0				
3.1. Máy đo sâu	0,5	0,5				
3.2. Máy lái tự động	1,0	1,0				
3.3. Tốc độ kế	0,5	0,5				
3.4. La bàn con quay	1,0	1,0				
3.5. Hệ thống định vị toàn cầu GPS (Global Positioning System)	1,0	1,0				
3.6. Vi phân GPS (DGPS)	0,5	0,5				
3.7. Hệ thống tự động nhận dạng tàu thuyền AIS (Automatic Identification System)	0,5	0,5				
3.8. Radar hàng hải	0,5	0,5				
3.9. Hộp đen tàu biển (Maritime Black Box)	0,5	0,5				
CHƯƠNG 4. Điều động tàu và các điều luật liên quan	5,0	5,0				
4.1. Tính năng điều động tàu	3,0	3,0				
4.2. Các điều luật liên quan trong điều khiển tàu	2,0	2,0				
CHƯƠNG 5. Những kiến thức chung về pháp luật hàng hải	7,0	6,0				1,0
5.1. Khái niệm chung về vùng nội thủy và chế độ pháp lý vùng nội thủy	0,5	0,5				
5.2. Khái niệm về lãnh hải trong luật biển quốc tế và chế độ pháp lý vùng lãnh hải	1,0	1,0				
5.3. Vùng tiếp giáp lãnh hải	0,5	0,5				
5.4. Vùng đặc quyền kinh tế	0,25	0,25				
5.5. Khái niệm về thềm lục địa trong luật biển quốc tế	0,25	0,25				
5.6. Khái niệm về biên cả	0,25	0,25				
5.7. Các eo biển quốc tế	0,25	0,25				
5.8. Khái niệm tàu biển trong luật hàng hải	1,0	1,0				
5.9. Những khái niệm chung về hợp đồng vận chuyển đường biển	1,0	1,0				
5.10. Tổn thất chung (General Average)	0,5	0,5				
5.11. Tổn thất riêng (Particular Average)	0,5	0,5				

TÊN CHƯƠNG MỤC	PHÂN PHỐI SỐ TIẾT					
	TS	LT	BT	TH	HD	KT
Bài kiểm tra	1,0					1,0

i. Mô tả cách đánh giá học phần:

- Số tiết tham gia trên lớp của sinh viên phải $\geq 75\%$ tổng số tiết của học phần;

- Điểm kiểm tra do giáo viên dạy chấm, theo thang điểm phải ≥ 4 .

Cách tính điểm X theo quy chế.

Điểm đánh giá học phần: $Z = 0,5X + 0,5Y$.

Thang điểm: Thang điểm chữ A+, A, B+, B, C+, C, D+, D, F.

Thi viết tập trung, rọc phách.

Thời gian làm bài: 60 phút

j. Giáo trình:

1. Nguyễn Viết Thành, *Đại cương hàng hải*, Đại học Hàng hải Việt Nam.

k. Tài liệu tham khảo:

1. A.K. Zudro và I.Kh.Dzaval, *Pháp luật Hàng hải*, NXB Vận tải biển Matxcova 1974

2. Bộ luật Hàng hải Việt Nam, NXB Pháp lý Hà Nội 2005

3. Chrley & Giles, *Shipping Law*, NXB Giao thông Vận tải Hà Nội 1992

4. Tiểu Văn Kinh, *Nghiep vụ hàng hải*, 2008

10.8. Xã hội học đại cương

Mã HP: 19202

a. Số tín chỉ: 02 TC

BTL ☐

ĐAMH ☐

b. Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Tư tưởng Hồ Chí Minh

c. Phân bố thời gian:

- Tổng số (TS): 30 tiết.

- Lý thuyết (LT): 21 tiết.

- Xêmina (XMN): 0 tiết.

- Bài tập (BT): 08 tiết.

- Hướng dẫn BTL/ĐAMH (HD): 0 tiết.

- Kiểm tra (KT): 01 tiết.

d. Điều kiện đăng ký học phần: Không

e. Mục đích của học phần:

- Kiến thức

+ Hiểu được những vấn đề cơ bản về hệ thống xã hội, cơ cấu xã hội và con người trên phương diện lý luận và thực tiễn của xã hội học.

+ Biết cách tiếp cận và phân tích, đánh giá các hiện tượng xã hội theo phương pháp khoa học xã hội học.

+ Biết phân tích, lý giải khoa học một số hiện tượng xã hội trong giai đoạn hiện nay dưới góc độ khoa học xã hội học.

- Kỹ năng

+ Có khả năng tư duy một cách khoa học, thực tiễn về các vấn đề xã hội trên góc độ tiếp cận của khoa học xã hội học.

+ Có khả năng tổ chức, làm việc theo nhóm, trao đổi thảo luận vấn đề.

+ Có khả năng tiếp cận, tìm hiểu, phân tích, đánh giá những thông tin mới về tình hình kinh tế, chính trị, xã hội trên thế giới và trong nước. Đặc biệt là những vấn đề xã hội có liên quan đến an ninh trật tự.

+ Có khả năng vận dụng những kiến thức của khoa học xã hội học vào công tác tham mưu, công tác xây dựng lực lượng và công tác nghiệp vụ của ngành công an.

- *Thái độ*

+ Hình thành niềm say mê, hứng thú học tập, yêu thích môn học.

+ Có ý thức tự học, tự nghiên cứu, động cơ và thái độ học tập nghiêm túc.

+ Chủ động, tích cực, có trách nhiệm, có ý chí, năng động, sáng tạo trong học tập.

f. Mô tả nội dung học phần:

Môn Xã hội học gồm có các nội dung sau: Những vấn đề cơ bản nhất về xã hội: quan hệ xã hội, mạng lưới xã hội, các nhóm xã hội, các tổ chức xã hội; Các phương pháp, kỹ thuật cơ bản về nghiên cứu, điều tra thu thập thông tin về các vấn đề xã hội nói chung; Nghiên cứu về dư luận xã hội với tư cách là một vấn đề xã hội thuộc về đám đông bằng phương pháp tiếp cận của xã hội học; Nghiên cứu về truyền thông đại chúng - một mô hình thiết lập, duy trì và phát triển các mối quan hệ xã hội trong xã hội hiện đại và ảnh hưởng của thiết chế này đối với sự phát triển của mỗi cá nhân và cả hệ thống xã hội nói chung; Nghiên cứu về tội phạm dưới góc độ xã hội học với tư cách là một hiện tượng xã hội tiêu cực.

g. Người biên soạn: Khoa Lý luận chính trị

h. Nội dung chi tiết học phần:

TÊN CHƯƠNG MỤC	PHÂN PHỐI SỐ TIẾT					
	TS	LT	BT	TH	HD	KT
CHƯƠNG 1: Đối tượng, chức năng và nhiệm vụ của xã hội học	03	03				
1.1. Khoa học xã hội học	03	03				
1.2. Đối tượng nghiên cứu, cơ cấu và quan hệ của khoa học xã hội học với các ngành khoa học xã hội khác						
1.3. Chức năng của xã hội học						
<i>Nội dung tự học (5 tiết): Tự đọc bài giảng: Mục 1.2.; 1.3</i>						
CHƯƠNG 2: Sự ra đời và phát triển của xã hội học	03	03				
2.1. Những điều kiện và tiền đề ra đời khoa học xã hội học	01	01				
2.2. Một số đóng góp của các nhà sáng lập xã hội học	02	02				
<i>Nội dung tự học (5 tiết): Tự đọc bài giảng: Mục 2.3.3.; 2.3.4</i>						

CHƯƠNG 3: Một số khái niệm trong xã hội học	04	03	01			
3.1. Cơ cấu xã hội	01	01				
3.2. Xã hội hóa	01	01				
3.3. Hành động xã hội và tương tác xã hội	01	01				
3.4. Một số khái niệm khác	01		01			
<i>Nội dung tự học (6 tiết):</i> Tự đọc bài giảng: Mục 3.1.2.c; 3.1.2.d; 3.1.2.e; 3.4.						
CHƯƠNG 4: Phương pháp nghiên cứu xã hội học	05	03	02			
4.1. Lý thuyết về phương pháp nghiên cứu xã hội học	02	02				
4.2. Các giai đoạn tiến hành điều tra xã hội học thực nghiệm	03	01	02			
<i>Nội dung tự học (10 tiết):</i> Tự đọc bài giảng: Mục 4.1.2						
CHƯƠNG 5: Xã hội học đô thị	05	03	01			01
5.1. Khái niệm, đối tượng nghiên cứu của xã hội học đô thị	01	01				
5.2. Các nội dung nghiên cứu cơ bản của xã hội học đô thị	02	02				
5.3. Một số vấn đề xã hội học đô thị được quan tâm nghiên cứu ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay	02		01			01
<i>Nội dung tự học (10 tiết):</i> Tự đọc bài giảng: Mục 5.1.2; 5.3						
CHƯƠNG 6: Xã hội học nông thôn (Tự nghiên cứu)	0					
6.1. Khái niệm, đối tượng nghiên cứu của xã hội học nông thôn						
6.2. Một số nội dung nghiên cứu xã hội học nông thôn Việt Nam						
<i>Nội dung tự học (10 tiết):</i> Tự đọc bài giảng: Mục 6.1 ; 6.2						
CHƯƠNG 7: Xã hội học gia đình	05	03	02			
7.1. Khái niệm, đối tượng nghiên cứu của xã hội học gia đình	1,5	1,5				
7.2. Nội dung nghiên cứu cơ bản của xã hội học gia đình	3,5	1,5	02			
<i>Nội dung tự học (7 tiết):</i> Tự đọc bài giảng: Mục 7.2.1 ; 7.2.2 ; 7.2.3.c						
CHƯƠNG 8: Xã hội học truyền thông đại chúng	05	04	01			
8.1. Tổng quan về xã hội học truyền thông đại chúng	01	01				

8.2. Lịch sử và đối tượng của xã hội học truyền thống đại chúng	01	01				
8.3. Nội dung nghiên cứu của xã hội học truyền thống đại chúng	03	02	01			
<i>Nội dung tự học (7 tiết): Tự đọc bài giảng: Mục 8.1.2 ; 8.2.2 ; 8.3.8</i>						

i. Mô tả cách đánh giá học phần:

- Sinh viên tham gia học tập lý thuyết 75% số tiết trở lên mới đủ điều kiện dự thi hết học phần.

$$X = \frac{(X_2 + X_3)}{2} \quad (\text{điều kiện } X_2, X_3 \geq 4; X_2, X_3 < 4 \text{ thì } X=0)$$

Trong đó: X_2 là điểm kiểm tra.

X_3 : Điểm bài tập.

* Công thức tính điểm X đối với sinh viên học cùng lúc 2 chương trình

- Sinh viên tham gia học tập lý thuyết 50% số tiết trở lên mới đủ điều kiện dự thi hết học phần.

$$X = \frac{(X_2 + X_3)}{2} \quad (\text{điều kiện } X_2, X_3 \geq 4; X_2, X_3 < 4 \text{ thì } X=0)$$

Trong đó: X_2 là điểm kiểm tra.

X_3 : Điểm bài tập.

- Điểm thi (kết thúc học phần)

+ Hình thức thi tự luận.

+ Đề thi kết cấu gồm 3 câu ở dạng đóng (không được sử dụng tài liệu trong khi thi).

+ Phòng Đào tạo tổ chức thi tập trung, rọc phách.

+ Bộ môn ra đề thi và chấm thi.

+ Điểm đánh giá học phần: $Z = 0,5X + 0,5 Y$ ($Y \geq 4$, $Y < 4$ thì $Z=0$)

+ Thang điểm: thang điểm chữ A^+ , A , B^+ , B , C^+ , C , D^+ , D , F

j. Giáo trình:

1. PGS.TS Vũ Hào Quang – TS. Lưu Hồng Minh (đồng chủ biên), *Giáo trình Nhập môn Xã hội học*, NXB Lý luận chính trị, Hà Nội, 2015.

k. Tài liệu tham khảo:

1. GS. Phạm Tất Dong – TS. Lê Ngọc Hùng (đồng chủ biên), *Giáo trình Xã hội học*, NXB Thế giới, Hà Nội, 2013.

2. Trần Đức Châm, Hà Bắc Đầu, *Một số nội dung cơ bản của xã hội học*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004.

3. Phan Trọng Ngọc (chủ biên), *Xã hội học đại cương*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1997.

4. TS Nguyễn Quý Thanh, *Xã hội học dư luận xã hội*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội, 2010.

5. Claudia Mast, *Truyền thông đại chúng những kiến thức cơ bản*, Nxb Thông tấn, Hà Nội, 2003.

6. Phạm Văn Quyết, Nguyễn Quý Thanh, *Phương pháp nghiên cứu Xã hội học*, NXB ĐHQG, Hà Nội, 2001.

10.9. Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật.

Mã HP: 11409

a. Số tín chỉ: 03TC

BTL ☐

ĐAMH ☐

b. Đơn vị giảng dạy: Khoa Hàng hải

c. Phân bố thời gian:

- Tổng số (TS): 45 tiết

- Lý thuyết (LT): 39 tiết

- Thực hành (TH): 10 tiết

- Bài tập (BT): 0 tiết

- Hướng dẫn BTL/ĐAMH (HD): 0 tiết

- Kiểm tra (KT): 01 tiết

d. Điều kiện đăng ký học phần: Không

e. Mục đích, yêu cầu của học phần:

Nhiệm vụ của sinh viên: Lên lớp đầy đủ và chấp hành mọi quy định của Nhà trường.

+ Về kiến thức

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, có hệ thống về nhà nước và pháp luật: Về quy luật hình thành, phát triển của nhà nước và pháp luật; Những khái niệm, phạm trù cơ bản của nhà nước và pháp luật. Môn học trang bị hệ thống các kiến thức cơ bản về mối quan hệ giữa nhà nước, pháp luật, xã hội, xu hướng phát triển của các hiện tượng, quá trình của đời sống nhà nước và pháp luật.

Sinh viên biết vận dụng kiến thức của các khoa học Lý luận, Lịch sử nhà nước và pháp luật vào việc nghiên cứu, phân tích, giải quyết các vấn đề pháp lý trong thực tiễn, trong nghiên cứu các môn học khác

+ Về kỹ năng

Có phương pháp tiếp cận khoa học, kỹ năng phân tích, đánh giá các vấn đề pháp luật - xã hội - pháp lý. Sinh viên được trang bị kỹ năng vận dụng các quy luật chung, các khái niệm cơ bản về nhà nước và pháp luật vào đời sống thực tiễn.

+ Về phẩm chất đạo đức

- Có phẩm chất đạo đức nhân văn, đạo đức nghề nghiệp của luật gia, có ý thức, lối sống đạo đức, tôn trọng và chấp hành pháp luật.

- Có bản lĩnh nghề nghiệp, mạnh dạn tranh luận, bày tỏ quan điểm và biết lắng nghe.

- Có tinh thần làm việc nghiêm túc, khoa học, trách nhiệm với công việc được giao và có tinh thần làm việc hợp tác, phối hợp với người khác và trong tập thể.

f. Mô tả nội dung học phần:

- Môn học Lý luận nhà nước và pháp luật là một môn học bắt buộc chung trong chương trình đào tạo cử nhân ngành Luật. Lý luận nhà nước và pháp luật là khoa học pháp lý cơ bản có tính chất phương pháp luận nhằm trang bị hệ thống kiến thức cơ bản về nhà nước, pháp luật để có thể tiếp cận với các môn khoa học khác cũng như tiếp cận các vấn đề, hiện tượng pháp lý – xã hội nói chung.

- Về tổng thể, nội dung môn học được chia thành 3 phần chính sau đây:

(i) Phần Nhập môn với các nội dung chủ yếu về vị trí vai trò, đối tượng, phương pháp luận của Lý luận Nhà nước và pháp luật trong hệ thống các khoa học xã hội và pháp lý. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu, phương hướng phát triển của ngành khoa học;

(ii) Phần Lý luận Nhà nước: phân tích các khái niệm cơ bản về nhà nước, các quan điểm khác nhau về nguồn gốc, bản chất nhà nước, vai trò, chức năng bộ máy nhà nước, các mối liên hệ của nhà nước, các kiểu và hình thức Nhà nước vv. Nội dung môn học có chủ đề Nhà nước pháp quyền và hệ thống chính trị. Lý luận nhà nước bao gồm những vấn đề lý luận cơ bản về nhà nước nói chung và những vấn đề lý luận cơ bản về nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam.

(iii) Lý luận Pháp luật gồm các vấn đề cơ bản sau đây: sự hình thành, phát triển của pháp luật, các trường phái pháp luật; các khái niệm cơ bản về pháp luật, vai trò, giá trị, các mối liên hệ của pháp luật, hình thức, nguồn pháp luật; kiểu lịch sử của pháp luật, quy phạm và quan hệ pháp luật, ý thức pháp luật; pháp chế; thực hiện và áp dụng luật; hệ thống pháp luật...

g. Người biên soạn: ThS. Đỗ Văn Cường - Bộ môn Luật hàng hải.

h. Nội dung chi tiết học phần:

TÊN CHƯƠNG MỤC	PHÂN PHỐI SỐ TIẾT					
	TS	LT	BT	TH	BT	KT
CHƯƠNG I. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu của lý luận về nhà nước và pháp luật	2.5	2.5				
1. Đối tượng nghiên cứu của lý luận về nhà nước và pháp luật	0.5	0.5				
2. Lý luận về nhà nước và pháp luật trong hệ thống khoa học xã hội và khoa học pháp lý	0.5	0.5				
3. Phương pháp nghiên cứu của lý luận về nhà nước và pháp luật	0.5	0.5				
4. Sự phát triển của lý luận về nhà nước và pháp luật	0.5	0.5				
5. Ý nghĩa và yêu cầu của môn học	0.5	0.5				
CHƯƠNG II. Nguồn gốc của nhà nước và pháp luật	2	2				
1. Chế độ cộng sản nguyên thủy và tổ chức thị tộc - bộ lạc	0.5	0.5				
2. Quyền lực xã hội và quy phạm xã hội trong chế	0.5	0.5				

TÊN CHƯƠNG MỤC	PHÂN PHỐI SỐ TIẾT					
	TS	LT	BT	TH	BT	KT
độ cộng sản nguyên thủy						
3. Sự tan rã của tổ chức thị tộc và sự xuất hiện nhà nước	0.5	0.5				
4. Nguồn gốc của pháp luật	0.5	0.5				
CHƯƠNG III. Bản chất, các kiểu và hình thức nhà nước.	2	2				
1. Bản chất nhà nước	0.5	0.5				
2. Khái niệm chức năng của nhà nước và bộ máy nhà nước	0.5	0.5				
3. Các kiểu nhà nước	0.5	0.5				
4. Hình thức nhà nước	0.5	0.5				
CHƯƠNG IV. Bản chất, đặc trưng, vai trò, các kiểu và hình thức pháp luật	2	2				
1. Bản chất và những đặc trưng cơ bản của pháp luật	0.5	0.5				
2. Vai trò của pháp luật	0.5	0.5				
3. Các kiểu pháp luật	0.5	0.5				
4. Các hình thức pháp luật	0.5	0.5				
CHƯƠNG V. Nhà nước và pháp luật chủ nô	2.5			5,0		
1. Nhà nước chủ nô	1			2		
2. Pháp luật chủ nô	1.5			3		
CHƯƠNG VI. Nhà nước và pháp luật phong kiến	2	2				
1. Nhà nước phong kiến	1	1				
2. Pháp luật phong kiến	1	1				
CHƯƠNG VII. Nhà nước tư sản	2	2				
1. Cơ sở kinh tế-xã hội và bản chất giai cấp của nhà nước tư sản	0.5	0.5				
2. Chức năng của nhà nước tư sản	0.5	0.5				
3. Hình thức của nhà nước tư sản	0.5	0.5				
4. Bộ máy nhà nước tư sản	0.5	0.5				
CHƯƠNG VIII. Pháp luật tư sản	1.5	1.5				
1. Bản chất và ý nghĩa xã hội của pháp luật tư sản	0.5	0.5				
2. Hình thức và hệ thống pháp luật tư sản	0.5	0.5				
3. Vấn đề pháp chế tư sản	0.5	0.5				

TÊN CHƯƠNG MỤC	PHÂN PHỐI SỐ TIẾT					
	TS	LT	BT	TH	BT	KT
CHƯƠNG IX. Sự ra đời và bản chất của nhà nước xã hội chủ nghĩa	1.5	1.5				
1. Tính tất yếu khách quan và sự ra đời của nhà nước xã hội chủ nghĩa	0.5	0.5				
2. Bản chất của nhà nước xã hội chủ nghĩa	0.5	0.5				
3. Bản chất và những đặc trưng cơ bản của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	0.5	0.5				
CHƯƠNG X. Các chức năng cơ bản của nhà nước xã hội chủ nghĩa	1.5	1.5				
1. Khái niệm chức năng nhà nước xã hội chủ nghĩa	0.5	0.5				
2. Các chức năng đối nội	0.5	0.5				
3. Các chức năng đối ngoại	0.5	0.5				
CHƯƠNG XI. Các hình thức nhà nước xã hội chủ nghĩa	1.5	1.5				
1. Khái niệm hình thức nhà nước xã hội chủ nghĩa	0.5	0.5				
2. Các hình thức nhà nước xã hội chủ nghĩa	0.5	0.5				
3. Mối quan hệ giữa bản chất và hình thức của nhà nước xã hội chủ nghĩa	0.5	0.5				
CHƯƠNG XII. Bộ máy nhà nước xã hội chủ nghĩa	2.0	2.0				
1. Khái niệm bộ máy nhà nước xã hội chủ nghĩa	0.5	0.5				
2. Các loại cơ quan nhà nước xã hội chủ nghĩa	0.5	0.5				
3. Các nguyên tắc tổ chức và hoạt động cơ bản của nhà nước xã hội chủ nghĩa	0.5	0.5				
4. Vấn đề xây dựng và hoàn thiện bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	0.5	0.5				
CHƯƠNG XIII. Hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa	2.5	2.5				
1. Khái niệm và đặc điểm của hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa	0.5	0.5				
2. Nhà nước trong hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa	0.5	0.5				
3. Quan hệ giữa nhà nước và Đảng cộng sản trong hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa	0.5	0.5				
4. Quan hệ giữa nhà nước và các tổ chức xã hội trong hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa	0.5	0.5				

TÊN CHƯƠNG MỤC	PHÂN PHỐI SỐ TIẾT					
	TS	LT	BT	TH	BT	KT
5. Đổi mới hệ thống chính trị Việt Nam và vấn đề nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam	0.5	0.5				
CHƯƠNG XIV. Bản chất, vai trò và hệ nguyên tắc cơ bản của pháp luật xã hội chủ nghĩa	2	2				
1. Bản chất của pháp luật xã hội chủ nghĩa	0.5	0.5				
2. Vai trò của pháp luật xã hội chủ nghĩa	0.5	0.5				
3. Hệ nguyên tắc cơ bản của pháp luật xã hội chủ nghĩa	1	1				
CHƯƠNG XV. Hình thức pháp luật xã hội chủ nghĩa	1.5	1.5				
1. Khái niệm hình thức pháp luật xã hội chủ nghĩa	0.5	0.5				
2. Các loại văn bản quy phạm pháp luật ở Việt Nam	0.5	0.5				
3. Hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật	0.5	0.5				
CHƯƠNG XVI. Quy phạm pháp luật	2	2				
1. Khái niệm quy phạm pháp luật	0.5	0.5				
2. Cấu trúc của quy phạm pháp luật	0.5	0.5				
3. Những cách thức thể hiện quy phạm pháp luật trong các điều luật	0.5	0.5				
4. Phân loại các quy phạm pháp luật	0.5	0.5				
CHƯƠNG XVII. Hệ thống pháp luật xã hội chủ nghĩa	2	2				
1. Khái niệm hệ thống pháp luật	0.5	0.5				
2. Những tiêu chuẩn cơ bản để xác định mức độ hoàn thiện của một hệ thống pháp luật	0.5	0.5				
3. Các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam	0.5	0.5				
4. Xây dựng pháp luật và hệ thống hóa pháp luật	0.5	0.5				
CHƯƠNG XVIII. Ý thức pháp luật xã hội chủ nghĩa	2.5			5		
1. Khái niệm ý thức pháp luật xã hội chủ nghĩa	0.5			1		
2. Cấu trúc và phân loại ý thức pháp luật xã hội chủ nghĩa	0.5			1		
3. Mối quan hệ giữa ý thức pháp luật và pháp luật xã hội chủ nghĩa	0.5			1		
4. Vấn đề bồi dưỡng và giáo dục nâng cao ý thức	1			2		

TÊN CHƯƠNG MỤC	PHÂN PHỐI SỐ TIẾT					
	TS	LT	BT	TH	BT	KT
pháp luật xã hội chủ nghĩa						
CHƯƠNG XIX. Quan hệ pháp luật xã hội chủ nghĩa	1.5	1.5				
1. Khái niệm quan hệ pháp luật	0.5	0.5				
2. Cấu thành của quan hệ pháp luật	0.5	0.5				
3. Sự kiện pháp lý	0.5	0.5				
CHƯƠNG XX. Thực hiện pháp luật và áp dụng pháp luật	2.5	2.5				
1. Thực hiện pháp luật	0.5	0.5				
2. Áp dụng pháp luật	0.5	0.5				
3. Các giai đoạn của quá trình áp dụng pháp luật	0.5	0.5				
4. Áp dụng pháp luật tương tự	0.5	0.5				
5. Giải thích pháp luật	0.5	0.5				
CHƯƠNG XXI. Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý	1.5	1.5				
1. Khái niệm vi phạm pháp luật	0.5	0.5				
2. Trách nhiệm pháp lý	0.5	0.5				
3. Đấu tranh phòng và chống vi phạm pháp luật	0.5	0.5				
CHƯƠNG XXII. Pháp chế xã hội chủ nghĩa	1.5	1.5				
1. Khái niệm pháp chế xã hội chủ nghĩa	0.5	0.5				
2. Những yêu cầu cơ bản của pháp chế xã hội chủ nghĩa	0.5	0.5				
3. Vấn đề tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa	0.5	0.5				
CHƯƠNG XXIII. Điều chỉnh pháp luật, cơ chế điều chỉnh pháp luật và hiệu quả của pháp luật	1.5	1.5				
1. Điều chỉnh pháp luật	0.5	0.5				
2. Cơ chế điều chỉnh pháp luật	0.5	0.5				
3. Hiệu quả của pháp luật	0.5	0.5				
Kiểm tra	1					1

i. Mô tả cách đánh giá học phần:

Điều kiện để được dự thi cuối học kỳ:

- Số tiết tham gia trên lớp của sinh viên phải $\geq 75\%$ tổng số tiết của học phần;

Hình thức và tiêu chuẩn đánh giá sinh viên : Thi vấn đáp, hoặc thi tự luận.

Thang điểm : Thang điểm chữ A+, A, B+, B, C+, C, D+, D, F.

Điểm đánh giá học phần: $Z = 0.5X + 0.5Y$

+ Cách tính điểm X theo quy chế.

j. *Giáo trình*: Tài liệu học tập, trường đại học Hàng hải Việt Nam

k. *Tài liệu tham khảo*:

1. Giáo trình Lý luận nhà nước và pháp luật, trường đại học Luật Hà Nội, NXB Công an nhân dân 2014

10.10. Lịch sử nhà nước và pháp luật

Mã HP: 11455

a. *Số tín chỉ*: 03 TC

BTL ☐

ĐAMH ☐

b. *Đơn vị giảng dạy*: Khoa Hàng hải

c. *Phân bổ thời gian*:

- Tổng số (TS): 45 tiết.

- Lý thuyết (LT): 39 tiết.

- Thực hành (TH): 10 tiết.

- Bài tập (BT): 0 tiết.

- Hướng dẫn BTL/ĐAMH (HD): 0 tiết.

- Kiểm tra (KT): 1 tiết.

d. *Điều kiện đăng ký học phần*:

e. *Mục đích, yêu cầu của học phần*:

* *Kiến thức*:

Môn học Lịch sử nhà nước và pháp luật cung cấp cho sinh viên những kiến thức về sự hình thành và phát triển của các kiểu nhà nước và pháp luật trên thế giới trong lịch sử nhân loại và sự hình thành và phát triển của nhà nước và pháp luật ở Việt Nam.

* *Kỹ năng*:

- Có kỹ năng tìm kiếm, thu thập, phân loại, hệ thống hoá, tổng hợp và xử lý các nguồn sử liệu một cách khoa học khách quan. Xác định các yếu tố tác động, phân tích được nội dung, cơ chế tác động của chúng dẫn đến sự hình thành phát triển của nhà nước và pháp luật thế giới và Việt Nam qua các giai đoạn phát triển của lịch sử.

- Tạo lập kỹ năng tư duy khái quát và chi tiết, kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn, phân tích các vấn đề lịch sử một cách đầy đủ, toàn diện, sâu sắc. Nêu rõ những ưu việt và hạn chế làm cơ sở tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hoá pháp lý của hệ thống pháp luật trong nguồn di sản nhân loại và của dân tộc.

- Rèn luyện cách làm việc độc lập và liên kết theo nhóm với tinh thần hợp tác và xây dựng.

- Đưa ra chính kiến, nhận xét của cá nhân đồng thời đề xuất những giải pháp nhằm kế thừa những nhân tố tích cực, khắc phục những yếu tố tiêu cực thuộc về di sản văn hoá pháp lý trong việc xây dựng Nhà nước pháp quyền ở nước ta hiện nay.

* *Thái độ nghề nghiệp*:

- Có được hứng thú, sự say mê môn học.

- Thấy được giá trị học thuật, giá trị lịch sử và giá trị thực tiễn của môn học.

- Có nhu cầu muốn được nghiên cứu tiếp những vấn đề liên quan đến môn học.

f. *Mô tả nội dung học phần*:

Việc nghiên cứu Lịch sử nhà nước và pháp luật thế giới nhằm giúp cho sinh viên luật có được những kiến thức cơ bản về sự hình thành và phát triển của nhà nước và pháp luật trên thế giới, đồng thời trang bị cho sinh viên các kỹ năng phân tích về nhà nước, pháp luật. Việc nghiên cứu về Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam giúp cho sinh viên luật có được những kiến thức cơ bản về quá trình ra đời, tồn tại và phát triển của nhà nước và pháp luật ở Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử; Nhận thức được quy luật về tổ chức, hoạt động của nhà nước Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử; Hiểu được những nội dung chính của pháp luật phong kiến Việt Nam ở giai đoạn phát triển nhất - giai đoạn thời Lê sơ.

g. *Người biên soạn:* Khoa Hàng hải

h. *Nội dung chi tiết học phần:*

TÊN CHƯƠNG MỤC	PHÂN PHỐI SỐ TIẾT					
	TS	LT	BT	TH	HD	KT
CHƯƠNG 1. Lịch sử nhà nước và pháp luật thế giới	16	13		4		
1.1. Nhà nước và pháp luật chiếm hữu nô lệ	4.5	4		1		
1.2. Nhà nước và pháp luật phong kiến	4.75	4		1.5		
1.3. Nhà nước và pháp luật tư sản	6.75	5		1.5		
CHƯƠNG 2. . Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam	30	26		6		
2.1. Nhà nước Việt Nam từ nguồn gốc cho đến thế kỷ thứ X	4.5	4		1		
2.2. Tổ chức bộ máy nhà nước Việt Nam trong thời kỳ phong kiến (X - XIX)	6.5	6		1		
2.3. Pháp luật Việt Nam thời kỳ Lê sơ	4.5	4		1		
2.4. Nhà nước và pháp luật Việt Nam từ cuối thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX	6.5	7		1		
2.5. Nhà nước và pháp luật Việt Nam thời kỳ hiện đại	7	5		2		
Kiểm tra	1					1

i. *Mô tả cách đánh giá học phần:*

- Điều kiện được dự thi: sinh viên phải tham gia học tập trên lớp $\geq 75\%$ số tiết và làm hai bài kiểm tra đạt điểm trung bình ≥ 4 .

- Cách tính điểm X :

X_2 là điểm trung bình hai bài kiểm tra giữa học kỳ, làm tròn đến một chữ số thập phân sau dấu phẩy (điểm của mỗi bài kiểm tra có tính đến điểm khuyến khích thái độ học tập trên lớp, tinh thần tự học của sinh viên).

$X = X_2$, làm tròn đến một chữ số thập phân sau dấu phẩy. $X_2 < 4$ thì $X=0$

- Thi kết thúc học phần (điểm Y): bài thi tự luận, thời gian làm bài từ 120 phút.

- Điểm đánh giá học phần:

Nếu sinh viên không đủ điều kiện dự thi ($X = 0$) hoặc có điểm $Y < 4$ thì $Z = 0$. Trong trường hợp ngược lại $Z = 0,5X + 0,5Y$.

- Thang điểm: thang điểm chữ A+, A, B+, B, C+, C, D+, D, F.

j. Giáo trình:

1. Trường Đại học Luật Hà nội, Giáo trình Lịch sử nhà nước và pháp luật, Nhà xuất bản Công an nhân dân, 2007.

k. Tài liệu tham khảo:

1. Vũ Thị Phụng, Giáo trình Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà nội, 2003.

10.11. Luật Hiến pháp Việt Nam

Mã HP: 11426

a. Số tín chỉ: 3TC

BTL ☐

ĐAMH ☐

b. Đơn vị giảng dạy: Khoa Hàng hải

c. Phân bổ thời gian:

- Tổng số (TS): 45 tiết.

- Lý thuyết (LT): 39 tiết.

- Xêmina (TL): 10 tiết.

- Bài tập (BT): 0 tiết.

- Hướng dẫn BTL/ĐAMH (HD): 0 tiết.

- Kiểm tra (KT): 01 tiết.

d. Điều kiện đăng ký học phần: không

e. Mục đích, yêu cầu của học phần:

- *Kiến thức:* Môn học Luật Hiến pháp Việt Nam trang bị cho sinh viên một cách có hệ thống và khoa học các vấn đề cơ bản về: Chế độ chính trị, bầu cử, chế độ kinh tế, văn hóa, giáo dục, khoa học công nghệ, quốc phòng và an ninh, quyền con người, các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, cơ cấu tổ chức bộ máy nhà nước.

- *Kỹ năng:* Sinh viên sẽ có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào nghiên cứu các môn khoa học pháp lý chuyên ngành tiếp theo trong chương trình đào tạo; khả năng phân tích, đánh giá các vấn đề lý luận và thực tiễn, đưa ra được ý kiến cá nhân về các vấn đề trong lĩnh vực Luật hiến pháp.

- *Thái độ:* Có ý thức đúng đắn, nghiêm túc và khoa học về bản chất của chế độ xã hội hiện hành ở Việt Nam. Nhận thức được vai trò quan trọng của luật hiến pháp trong hệ thống pháp luật. Có ý thức vận dụng kiến thức đã học trong việc nghiên cứu các môn khoa học tiếp theo.

f. Mô tả nội dung học phần:

Học phần Luật dân sự và tổ tụng dân sự Việt Nam gồm các nội dung: Khái niệm Luật Hiến pháp; Chế độ chính trị, bầu cử, chế độ kinh tế, văn hóa, giáo dục, khoa học công nghệ, quốc phòng và an ninh, quyền con người, các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, cơ cấu tổ chức bộ máy nhà nước.

Sinh viên phải thường xuyên cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật về các nội dung có liên quan đến môn học.

g. Người biên soạn: ThS. Trần Gia Ninh & ThS. Bùi Hưng Nguyên – Giảng viên Bộ môn Luật Hàng hải.

h. Nội dung chi tiết học phần:

TÊN CHƯƠNG MỤC	PHÂN PHỐI SỐ TIẾT					
	TS	LT	BT	TL	HD	KT
CHƯƠNG 1. Khái niệm Luật hiến pháp	6	6				
1.1. Đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh của Luật Hiến pháp	2	2				
1.2 Nguồn của Luật hiến pháp	2	2				
1.3. Quan hệ Luật hiến pháp.	2	2				
CHƯƠNG 2. Chế độ chính trị, chế độ kinh tế, Chính sách văn hóa - xã hội, đối ngoại và quốc phòng an ninh; Quyền con người và Quyền, nghĩa vụ cơ bản của công dân	13	11		2		1
2.1. Chế độ chính trị	3	3				
2.2. Chế độ kinh tế	2	2				
2.3. Chính sách văn hóa – xã hội, đối ngoại và quốc phòng an ninh	4	3		2		
2.4. Quyền con người và Quyền, nghĩa vụ cơ bản của công dân	4	3				1
CHƯƠNG 3. Chế độ bầu cử	11	9		4		
3.1. Khái niệm chế độ bầu cử và các nguyên tắc bầu cử	2	2				
3.2. Quyền bầu cử và ứng cử	2	2				
3.3. Các tổ chức phụ trách bầu cử	2	2				
3.4. Trình tự bầu cử	5	3		4		
CHƯƠNG 4. Bộ máy nhà nước	15	12		4		1
4.1. Quốc hội	2	2				
4.2. Chủ tịch nước	2	2				
4.3. Chính phủ	3	2				1
4.4. Tòa án nhân dân	2	2				
4.5. Viện kiểm sát nhân dân	4	2		4		
4.6. Hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân	2	2				

i. Mô tả cách đánh giá học phần:

- Thi viết rọc phách.
- Thời gian làm bài: 60 phút.
- Thang điểm: Thang điểm chữ A+, A, B+, B, C+, C, D+, D, F.
- Điểm X là điểm chuyên cần. Để được dự thi sinh viên phải tham dự $\geq 75\%$ số tiết và có các điểm $X_i \geq 4$.
- Điểm đánh giá học phần: $Z = 0,3X + 0,7Y$.

j. Giáo trình:

1. Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội, *Giáo trình Luật hiến pháp Việt Nam*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội

2. Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình Luật hiến pháp*, NXB Công an nhân dân
k. *Tài liệu tham khảo:*

1. Võ Đình Toàn, *Giáo trình lý luận chung về nhà nước và pháp luật*, NXB Công an nhân dân, 2003.

2. Võ Xuân Thu, *Giáo trình lý luận chung về nhà nước và pháp luật*, NXB Thống kê, 2005.

3. Hoàng Thị Kim Quế, *Giáo trình Lý luận chung về nhà nước và pháp luật*, NXB Đại học quốc gia Hà nội, 2005.

4. Nguyễn Đăng Dung, *Sự hạn chế quyền lực Nhà nước*, NXB Đại học quốc gia Hà nội, 2005.

5. Quốc hội, *Hiến pháp*, 2013.

6. Quốc hội, *Luật phòng chống tham nhũng*, 2005.

7. Quốc hội, *Luật phòng chống tham nhũng sửa đổi*, 2007.

8. Quốc hội, *Luật phòng chống tham nhũng sửa đổi*, 2012.

9. Quốc hội, *Luật tổ chức Quốc hội*, 2001.

10. Quốc hội, *Luật tổ chức Chính phủ*, 2001.

11. Quốc hội, *Luật tổ chức Tòa án nhân dân*, 2002.

12. Quốc hội, *Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân*, 2002

13. Quốc hội, *Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân*, 2003.

10.12. Luật biển

Mã HP: 11402

a. *Số tín chỉ:* 2 TC

BTL ☐

ĐAMH ☐

b. *Đơn vị giảng dạy:* Bộ môn Luật Hàng hải

c. *Phân bổ thời gian:*

- Tổng số (TS): 30 tiết

- Lý thuyết (LT): 24 tiết

- Thực hành (TH): 10 tiết

- Bài tập (BT): 0 tiết

- Hướng dẫn BTL/ĐAMH (HD): 0 tiết

- Kiểm tra (KT): 01 tiết

d. *Điều kiện đăng ký học phần:*

Học phần bắt buộc phải hoàn thành trong chương trình đào tạo cơ sở chuyên ngành đối với tất cả sinh viên ngành điều khiển tàu biển.

e. *Mục đích, yêu cầu của học phần:*

- *Kiến thức:* Thông qua môn học Luật biển, sinh viên hiểu và phân tích được những kiến thức cơ bản về pháp luật nói chung và những kiến thức cần thiết của luật biển nói riêng để vận dụng trong công tác sau này trong quá trình sản xuất vận tải biển trong và ngoài nước.

- *Kỹ năng:* Hình thành và phát triển kỹ năng tìm kiếm thông tin, xử lý thông tin và đánh giá thông tin. Đồng thời vận dụng kiến thức vào các tình huống cụ thể.

- *Thái độ*: Nâng cao năng lực tư duy logic, độc lập suy nghĩ của sinh viên; hình thành niềm say mê nghiên cứu khoa học, tinh thần không ngừng học hỏi; hình thành thái độ học tập đúng và nâng cao ý thức học tập.

f. Mô tả nội dung học phần:

Nội dung chính của học phần: Khái niệm về vùng nội thủy; chế độ pháp lý của vùng nội thủy; chế độ pháp lý của cảng biển; khái niệm về lãnh hải trong luật biển quốc tế; lãnh hải Việt Nam; vùng tiếp giáp lãnh hải; vùng đặc quyền kinh tế; thềm lục địa; khái niệm về biển cả; chế độ pháp lý về biển cả; các eo biển và kênh đào quốc tế.

g. Người biên soạn: ThS. Bùi Thanh Sơn – Trưởng Bộ môn Luật Hàng hải

h. Nội dung chi tiết học phần:

TÊN CHƯƠNG MỤC	PHÂN PHỐI SỐ TIẾT					
	TS	LT	BT	TH	HD	KT
CHƯƠNG 1. Vùng nội thủy	8	8				
1.1. Khái niệm về vùng nội thủy.	2	2				
1.1.1. Định nghĩa về vùng nội thủy.	1	1				
1.1.2. Các thành phần của vùng nội thủy.	1	1				
1.2. Chế độ pháp lý của vùng nội thủy	1.5	1.5				
1.2.1. Đặc điểm của chủ quyền quốc gia trong vùng nội thủy.	0.5	0.5				
1.2.2. Quy chế pháp lý chung về hoạt động của tàu thuyền nước ngoài trong vùng nội thủy.	0.5	0.5				
1.2.3. Quyền tài phán của quốc gia ven biển đối với tàu thuyền nước ngoài trong vùng nội thủy.	0.5	0.5				
1.3. Chế độ pháp lý của cảng biển.	4.5	4.5				
1.3.1. Khái niệm về chế độ pháp lý cảng biển.	0.5	0.5				
1.3.2. Quy định về việc cho phép tàu biển nước ngoài vào, ra cảng.	0.5	0.5				
1.3.3. Luật lệ tàu phải tuân theo khi ở trong cảng.	0.5	0.5				
1.3.4. Công tác thủ tục khi tàu vào ra cảng.	0.5	0.5				
1.3.5. Quy định đi bờ đối với thuyền viên.	0.5	0.5				
1.3.6. Cảng phí và lệ phí.	0.5	0.5				
1.3.7. Quyền tài phán của nước ven biển.	1.5	1.5				
CHƯƠNG 2. Lãnh hải	5	5				
2.1. Khái niệm về lãnh hải trong luật biển quốc tế.	3	3				
2.1.1. Khái niệm về lãnh hải.	0.5	0.5				
2.1.2. Đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải.	0.5	0.5				
2.1.3. Xác định ranh giới phía ngoài của lãnh hải.	1	1				
2.1.4. Chiều rộng lãnh hải.	0.5	0.5				

TÊN CHƯƠNG MỤC	PHÂN PHỐI SỐ TIẾT					
	TS	LT	BT	TH	HD	KT
<i>2.1.5. Chế độ pháp lý của vùng lãnh hải.</i>	0.5	0.5				
2.2. Lãnh hải Việt Nam	2	2				
2.2.1. Chiều rộng lãnh hải của Việt Nam	1	1				
2.2.2. Chế độ pháp lý của vùng lãnh hải Việt Nam	1	1				
CHƯƠNG 3. Vùng tiếp giáp lãnh hải và vùng đặc quyền kinh tế	4	4				
3.1. Vùng tiếp giáp lãnh hải	2	2				
3.1.1. Khái niệm vùng tiếp giáp lãnh hải.	0.5	0.5				
3.1.2. Chế độ pháp lý của vùng tiếp giáp lãnh hải.	0.5	0.5				
3.1.3. Vùng tiếp giáp lãnh hải Việt Nam.	1	1				
3.2. Vùng đặc quyền kinh tế	2	2				
3.2.1. Khái niệm về vùng đặc quyền kinh tế.	0.5	0.5				
3.2.2. Chế độ pháp lý vùng đặc quyền kinh tế.	0.5	0.5				
3.2.3. Vùng đặc quyền kinh tế Việt Nam.	1	1				
CHƯƠNG 4. Thềm lục địa	5	2		6		
4.1. Khái niệm về thềm lục địa.	0.5	0.5				
4.2. Chế độ pháp lý của thềm lục địa.	1	1				
4.3. Phân chia thềm lục địa giữa các nước.	3.5	0.5		6		
CHƯƠNG 5. Biển cả	3	3				
5.1. Khái niệm về biển cả.	0.5	0.5				
5.2. Chế độ pháp lý về biển cả.	2.5	2.5				
5.2.1. Hai quan niệm về chế độ pháp lý của biển cả.	0.5	0.5				
5.2.2. Các quyền tự do ở biển cả.	0.5	0.5				
5.2.3. Quốc tịch tàu biển và nguyên tắc đặc quyền tài phán của nước tàu mang cờ trên biển cả.	0.5	0.5				
5.2.4. Khai thác vùng đáy biển của biển cả.	0.5	0.5				
5.2.5. Biển đóng, biển kín và nửa kín.	0.5	0.5				
CHƯƠNG 6. Các eo biển và kênh đào quốc tế	4	2		4		
6.1. Các eo biển quốc tế.	2	1		2		
6.1.1. Khái niệm chung về các eo biển quốc tế và chế độ pháp lý của chúng.	0.5	0.5				
6.1.2. Chế độ pháp lý của một số eo biển quốc tế quan trọng.	1.5	0.5		2		
6.2. Các kênh đào quốc tế.	2	1		2		

TÊN CHƯƠNG MỤC	PHÂN PHỐI SỐ TIẾT					
	TS	LT	BT	TH	HD	KT
6.2.1. Khái niệm chung về các kênh đào quốc tế.	0.5	0.5				
6.2.2. Chế độ pháp lý của các kênh đào quốc tế quan trọng.	1.5	0.5		2		
Kiểm tra	1					1

i. Mô tả cách đánh giá học phần:

Hình thức và tiêu chuẩn đánh giá sinh viên : Thi vấn đáp, hoặc thi tự luận.

Thang điểm : Thang điểm chữ A+, A, B+, B, C+, C, D+, D, F.

Điểm đánh giá học phần: $Z = 0.5X + 0.5Y$

+ Cách tính điểm X theo quy chế.

j. Giáo trình:

1. Bộ môn Luật Hàng hải. *Bài giảng Luật biển*. Khoa Hàng hải- Đại học hàng hải

k. Tài liệu tham khảo:

1. Công ước của LHQ về Luật Biển 1982. Nhà xuất bản Thành phố HCM.

2. Phạm Giảng. *Luật Biển*. Nhà xuất bản pháp lý. 1983.

3. Choley & Giles. *SHIPPING LAW*. Shouthampton.1987.

4. *Business and Law for the ship's Master*

10.13. Luật dân sự

Mã HP: 11442

a. Số tín chỉ: 3TC

BTL ☐

ĐAMH ☐

b. Đơn vị giảng dạy: Khoa Hàng hải

c. Phân bổ thời gian:

- Tổng số (TS): 45 tiết

- Lý thuyết (LT): 39 tiết

- Thực hành (TH): 10 tiết

- Bài tập (BT): 0 tiết

- Hướng dẫn BTL/ĐAMH (HD): 0 tiết

- Kiểm tra (KT): 01 tiết

d. Điều kiện đăng ký học phần: không

e. Mục đích, yêu cầu của học phần:

- *Kiến thức*: Môn học Luật dân sự trang bị cho sinh viên một cách có hệ thống và khoa học các vấn đề cơ bản về: Cách ứng xử của các chủ thể trong giao dịch dân sự nhằm bảo đảm sự ổn định và lành mạnh hóa các quan hệ dân sự và các quy định.

- *Kỹ năng*: Hình thành và phát triển kỹ năng tìm kiếm thông tin, xử lý thông tin và đánh giá thông tin. Đồng thời vận dụng kiến thức vào các tình huống cụ thể.

- *Thái độ*: Nâng cao năng lực tư duy logic, độc lập suy nghĩ của sinh viên; hình thành niềm say mê nghiên cứu khoa học, tinh thần không ngừng học hỏi; hình thành thái độ học tập đúng và nâng cao ý thức học tập

f. Mô tả nội dung học phần:

Học phần Luật dân sự gồm các nội dung: Khái niệm Luật dân sự; Quan hệ pháp luật dân sự; Giao dịch dân sự; Quyền sở hữu; Quyền thừa kế.

Sinh viên phải thường xuyên cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật về các nội dung có liên quan đến môn học.

g. *Người biên soạn:* ThS. Trần Gia Ninh - Giảng viên Bộ môn Luật Hàng hải.

h. *Nội dung chi tiết học phần:*

TÊN CHƯƠNG MỤC	PHÂN PHỐI SỐ TIẾT					
	TS	LT	BT	TL	HD	KT
CHƯƠNG 1. Khái niệm Luật Dân sự	6	6				
1.1. Đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh của Luật dân sự	1	1				
1.2 Những nguyên tắc cơ bản của Luật dân sự.	1	1				
1.3. Quan hệ pháp luật dân sự.	4	4				
CHƯƠNG 2. Chủ thể của Luật Dân sự	6	6				
2.1. Cá nhân	3	3				
2.2. Tổ chức	3	3				
CHƯƠNG 2. Giao dịch dân sự, đại diện, thời hạn, thời hiệu	8	7		2		
2.1. Khái niệm và phân loại giao dịch dân sự	1	1				
2.2. Một số giao dịch dân sự thông dụng	7	4				
2.3. Đại diện, thời hạn và thời hiệu	3	2		2		
CHƯƠNG 3. Quyền sở hữu	8	7		2		
3.1. Tài sản	2	2				
3.2. Khái niệm sở hữu và quyền sở hữu	1	1				
3.3. Quan hệ pháp luật dân sự về sở hữu	2	2				
3.4. Căn cứ xác lập và chấm dứt quyền sở hữu	3	2		2		
CHƯƠNG 4. Chế định Thừa kế	9	7		4		
3.4. Khái niệm và các nguyên tắc của quyền thừa kế	2	2				
3.5. Thừa kế theo pháp luật	6	4		4		
3.6. Thừa kế theo di chúc	1	1				
CHƯƠNG 5. Nghĩa vụ dân sự	3	3				
5.1. Khái niệm	1	1				
5.2. Xác lập, thực hiện, chấm dứt nghĩa vụ dân sự	1	1				
5.3. Bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự	1	1				
CHƯƠNG 6. Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng	4	3		2		
6.1. Bồi thường thiệt hại do hành vi của người gây ra	2	1		2		
6.2. Bồi thường thiệt hại do hành vi của tài sản gây ra	2	2				

Kiểm tra	1					1
-----------------	----------	--	--	--	--	----------

i. *Mô tả cách đánh giá học phần:*

Hình thức và tiêu chuẩn đánh giá sinh viên : Thi vấn đáp, hoặc thi tự luận.

Thang điểm : Thang điểm chữ A+, A, B+, B, C+, C, D+, D, F.

Điểm đánh giá học phần: $Z = 0.5X + 0.5Y$

+ Cách tính điểm X theo quy chế.

j. *Giáo trình:*

1. Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình Luật dân sự Việt Nam*, NXB Công an nhân dân, 2017.

k. *Tài liệu tham khảo:*

1. Phạm Duy Nghĩa, *Chuyên khảo luật kinh tế*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2004.
2. Nguyễn Ngọc Hà, *Giáo trình Pháp luật kinh tế*, NXB Thống kê, 2007.
3. Hoàng Hồng Hạnh, *Giáo trình Luật kinh tế*, NXB Công an nhân dân, 2007.
4. Trường ĐH Luật Hà Nội, *Giáo trình Luật thương mại – Tập 1&2*, NXB Công an nhân dân, 2007.
5. Quốc hội, *Bộ luật dân sự*, 2015.

10.14. Luật hành chính

Mã HP: 11431

a. *Số tín chỉ:* 3TC

BTL ☐

ĐAMH ☐

b. *Đơn vị giảng dạy:* Khoa Hàng hải

c. *Phân bổ thời gian:*

- | | | | |
|----------------------------|---------|-------------------|---------|
| - Tổng số (TS): | 45 tiết | - Lý thuyết (LT): | 39 tiết |
| - Thực hành (TH): | 10 tiết | - Bài tập (BT): | 0 tiết |
| - Hướng dẫn BTL/ĐAMH (HD): | 0 tiết | - Kiểm tra (KT): | 01 tiết |

d. *Điều kiện đăng ký học phần:* không

e. *Mục đích, yêu cầu của học phần:*

- *Kiến thức:* Môn học Luật hành chính Việt Nam trang bị cho sinh viên một cách có hệ thống và khoa học các vấn đề cơ bản về hoạt động quản lý hành chính nhà nước: những khái niệm chung về quản lý, quản lý nhà nước, quản lý hành chính nhà nước; bộ máy hành chính nhà nước; khái niệm và chế độ của cán bộ, công chức và công vụ; vi phạm hành chính và trách nhiệm hành chính; quyền, nghĩa vụ hành chính của tổ chức, công dân và người nước ngoài cư trú, học tập, công tác, sinh sống ở Việt Nam.

- *Kỹ năng:* Hình thành và phát triển kỹ năng tìm kiếm thông tin, xử lý thông tin và đánh giá thông tin. Đồng thời vận dụng kiến thức vào các tình huống cụ thể.

- *Thái độ:* Nâng cao năng lực tư duy logic, độc lập suy nghĩ của sinh viên; hình thành niềm say mê nghiên cứu khoa học, tinh thần không ngừng học hỏi; hình thành thái độ học tập đúng và nâng cao ý thức học tập

f. *Mô tả nội dung học phần:*

Học phần Luật hành chính Việt Nam gồm các nội dung: Khái niệm Luật hành chính, quản lý hành chính nhà nước, thủ tục hành chính, địa vị pháp lý hành chính của cơ quan hành chính nhà nước, quy chế pháp lý của cán bộ, công chức, quy chế pháp lý của công dân Việt Nam, người nước ngoài tại Việt Nam; vi phạm hành chính và trách nhiệm hành chính; những biện pháp pháp lý bảo đảm pháp chế trong quản lý hành chính nhà nước.

Sinh viên phải thường xuyên cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật về các nội dung có liên quan đến môn học.

g. *Người biên soạn:* ThS. Bùi Hưng Nguyên – Giảng viên Bộ môn Luật Hành hải

h. *Nội dung chi tiết học phần:*

TÊN CHƯƠNG MỤC	PHÂN PHỐI SỐ TIẾT					
	TS	LT	BT	TL	HD	KT
CHƯƠNG 1. Khái niệm Luật hành chính và quản lý hành chính nhà nước	10	10				
1.1. Khái niệm Luật hành chính	2	2				
1.2 Quản lý hành chính nhà nước	2	2				
1.3. Các nguyên tắc quản lý hành chính nhà nước.	2	2				
1.4. Hình thức quản lý hành chính nhà nước	2	2				
1.5. Phương pháp quản lý hành chính nhà nước	2	2				
CHƯƠNG 2. Thủ tục hành chính và quyết định hành chính	13	10		4		
2.1. Khái niệm và phân loại thủ tục hành chính	2	2				
2.2. Cải cách thủ tục hành chính	2	2				
2.3. Khái niệm quyết định hành chính	2	2				
2.4. Các loại quyết định hành chính	2	2				
2.5. Khiếu nại và giải quyết khiếu nại	5	3		4		
CHƯƠNG 3. Cơ quan hành chính nhà nước	12	10		4		
3.1. Khái niệm và phân loại cơ quan hành chính nhà nước	2	2				
3.2. Địa vị pháp lý hành chính của cơ quan hành chính nhà nước	2	2				
3.3. Khái niệm, đặc điểm cán bộ, công chức nhà nước	2	2				
3.4. Quy chế pháp lý hành chính của cán bộ, công chức	2	2				
3.5. Khen thưởng và xử lý vi phạm đối với cán bộ công chức	4	2		4		
CHƯƠNG 4. Quy chế pháp lý hành chính của công dân Việt Nam và người nước ngoài ở Việt	4	4				

TÊN CHƯƠNG MỤC	PHÂN PHỐI SỐ TIẾT					
	TS	LT	BT	TL	HD	KT
Nam						
4.1. Quy chế pháp lý của công dân Việt Nam	2	2				
4.2. Quy chế pháp lý của người nước ngoài ở Việt Nam	2	2				
CHƯƠNG 5. Vi phạm hành chính và trách nhiệm hành chính	5	4		2		
5.1. Vi phạm hành chính	3	2		2		
5.2. Trách nhiệm pháp lý hành chính	2	2				
Kiểm tra	1					1

i. Mô tả cách đánh giá học phần:

Hình thức và tiêu chuẩn đánh giá sinh viên : Thi vấn đáp, hoặc thi tự luận.

Thang điểm : Thang điểm chữ A+, A, B+, B, C+, C, D+, D, F.

Điểm đánh giá học phần: $Z = 0.5X + 0.5Y$

+ Cách tính điểm X theo quy chế.

j. Giáo trình:

Nguyễn Thị Thuỷ, *Giáo trình Luật hành chính Việt Nam*, NXB Giáo dục Việt Nam.

k. Tài liệu tham khảo:

1. Quốc hội, *Hiến pháp*, 2013.
2. Quốc hội, *Luật Tổ chức Chính phủ*, 2001.
3. Quốc hội, *Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân*, 2003.
4. Quốc hội, *Luật Cán bộ, công chức*, 2008.
5. Quốc hội, *Luật Khiếu nại*, 2011.
6. Quốc hội, *Luật Xử lý vi phạm hành chính*, 2012.

10.15. Luật hình sự

Mã HP: 15725

a. Số tín chỉ: 3TC

BTL ☐

ĐAMH ☐

b. Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Luật Hàng hải

c. Phân bố thời gian:

- | | | | |
|----------------------------|---------|-------------------|---------|
| - Tổng số (TS): | 45 tiết | - Lý thuyết (LT): | 39 tiết |
| - Thực hành (TH): | 10 tiết | - Bài tập (BT): | 0 tiết |
| - Hướng dẫn BTL/ĐAMH (HD): | 0 tiết | - Kiểm tra (KT): | 01 tiết |

d. Điều kiện đăng ký học phần: không

e. Mục đích, yêu cầu của học phần:

- *Kiến thức*: Môn học Luật hình sự trang bị cho sinh viên một cách có hệ thống và khoa học các vấn đề cơ bản về: Khái niệm tội phạm, phân loại tội phạm, hệ thống các hình phạt trong Luật hình sự.

- *Kỹ năng*: Hình thành và phát triển kỹ năng tìm kiếm thông tin, xử lý thông tin và đánh giá thông tin. Đồng thời vận dụng kiến thức vào các tình huống cụ thể: định tội danh, bình luận vụ án, góp ý hoàn thiện sửa đổi pháp luật

- *Thái độ*: Nâng cao năng lực tư duy logic, độc lập suy nghĩ của sinh viên; hình thành niềm say mê nghiên cứu khoa học, tinh thần không ngừng học hỏi; hình thành thái độ học tập đúng và nâng cao ý thức học tập. Góp phần định hướng đào tạo thẩm phán, kiểm sát viên, luật sư trong giai đoạn tiếp theo.

f. Mô tả nội dung học phần:

Học phần Luật hình sự gồm các nội dung: Khái niệm Luật hình sự; Tội phạm và cấu thành tội phạm; Các giai đoạn thực hiện tội phạm, đồng phạm; Trách nhiệm hình sự và hình phạt; Các tội phạm cụ thể.

Sinh viên phải thường xuyên cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật về các nội dung có liên quan đến môn học.

g. Người biên soạn: ThS. Bùi Hưng Nguyên – Giảng viên Bộ môn Luật Hàng hải.

h. Nội dung chi tiết học phần:

TÊN CHƯƠNG MỤC	PHÂN PHỐI SỐ TIẾT					
	TS	LT	BT	TH	HD	KT
CHƯƠNG 1. Khái niệm Luật hình sự	4	4				
1.1. Đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh của Luật hình sự	2	2				
1.2 Những nguyên tắc cơ bản của Luật hình sự.	2	2				
CHƯƠNG 2. Tội phạm và đồng phạm	14	13		2		
2.1. Khái niệm tội phạm	1	1				
2.2. Cấu thành tội phạm	5	4		2		
2.3. Các giai đoạn thực hiện tội phạm	2	2				
2.4. Đồng phạm	6	6				
CHƯƠNG 3. Trách nhiệm hình sự và hình phạt	10	8		4		
3.1. Trách nhiệm hình sự	2	2				
3.2. Hình phạt	5	5				
3.3. Những tình tiết loại trừ tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi	3	1		4		
CHƯƠNG 4. Các tội phạm cụ thể	16	14		4		
4.1. Các tội xâm phạm an ninh quốc gia	2	2				
4.2. Các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người.	4	3		2		

TÊN CHƯƠNG MỤC	PHÂN PHỐI SỐ TIẾT					
	TS	LT	BT	TH	HD	KT
4.3. Các tội xâm phạm sở hữu	3	3				
4.4. Các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế	3	3				
4.5. Các tội phạm về chức vụ và các loại tội phạm khác.	3	2		2		
Kiểm tra	1					1

i. Mô tả cách đánh giá học phần:

Hình thức và tiêu chuẩn đánh giá sinh viên : Thi vấn đáp, hoặc thi tự luận.

Thang điểm : Thang điểm chữ A+, A, B+, B, C+, C, D+, D, F.

Điểm đánh giá học phần: $Z = 0.5X + 0.5Y$

+ Cách tính điểm X theo quy chế

j. Giáo trình: Tài liệu học tập, Trường đại học Hàng hải Việt Nam

k. Tài liệu tham khảo:

1. Quốc hội, *Bộ luật hình sự* 2016

2. Trường Đại học Luật Hà nội, *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam tập 1&2*, NXB Công an nhân dân, 2015.

10.16. Pháp luật Kinh doanh thương mại

Mã HP: 11445

a. Số tín chỉ: 2TC

BTL ☐

ĐAMH ☐

b. Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Luật Hàng hải

c. Phân bố thời gian:

- | | | | |
|----------------------------|---------|-------------------|---------|
| - Tổng số (TS): | 30 tiết | - Lý thuyết (LT): | 24 tiết |
| - Thực hành (TH): | 10 tiết | - Bài tập (BT): | 0 tiết |
| - Hướng dẫn BTL/ĐAMH (HD): | 0 tiết | - Kiểm tra (KT): | 01 tiết |

d. Điều kiện đăng ký học phần: Sinh viên phải học qua môn Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật; Luật Dân sự

e. Mục đích tiêu của học phần:

- *Kiến thức*: Thông qua học phần này, sinh viên nắm được kiến thức tổng quan về quy chế hoạt động của thương nhân và các hoạt động thương mại hiện nay tại Việt Nam, các phương thức giải quyết tranh chấp thương mại.

- *Kỹ năng*: Thành thạo một số kỹ năng tìm, tra cứu và sử dụng các quy định của pháp luật để giải quyết các tình huống nảy sinh trong thực tiễn kinh doanh. Vận dụng kiến thức về hoạt động thương mại của thương nhân và chế tài thương mại để tư vấn đàm phán, soạn thảo hợp đồng trong thương mại. Vận dụng kiến thức về hoạt động thương mại của thương nhân và chế tài thương mại để tư vấn giải quyết một số tranh chấp phát sinh từ hợp đồng thương mại. Vận dụng kiến thức về thương mại và giải quyết tranh chấp thương mại để tham gia trực tiếp vào việc giải quyết tranh chấp thương mại

- *Thái độ*: Hình thành nhận thức và thái độ đúng đắn về quyền tự do hợp đồng, quyền tự do hoạt động thương mại của tổ chức, cá nhân; thái độ khách quan đối với những phương thức giải quyết tranh chấp thương mại khác nhau, đặc biệt là các phương thức giải quyết tranh chấp thương mại ngoài toà án.

f. Mô tả nội dung của học phần:

Học phần luật kinh doanh thương mại bao gồm các nội dung: Địa vị pháp lý của thương nhân; Pháp luật về mua bán hàng hóa; Pháp luật về trung gian thương mại; Pháp luật về xúc tiến thương mại; Pháp luật về các hoạt động thương mại khác.

g. Người biên soạn: ThS. Trần Gia Ninh – Bộ môn Luật Hàng hải

h. Nội dung chi tiết học phần

TÊN CHƯƠNG MỤC	PHÂN PHỐI SỐ TIẾT					
	TS	LT	BT	TH	HD	KT
CHƯƠNG 1. Pháp luật về thương nhân	7	5		4		
1.1. Khái niệm	0.5	0.5				
1.2. Phân loại	0.5	0.5				
1.3. Địa vị pháp lý của thương nhân	4	3		2		
1.4. Giải thể và phá sản	2	1		2		
CHƯƠNG 2. Pháp luật về các hoạt động thương mại	8	7		2		
2.1. Pháp luật về mua bán hàng hóa	1	1				
2.2. Pháp luật về cung ứng dịch vụ thương mại	2	2				
2.3. Pháp luật về trung gian thương mại	1.5	1.5				
2.4. Pháp luật về xúc tiến thương mại	3	2		2		
2.5. Pháp luật về đấu thầu và đấu giá	0.5	0.5				
CHƯƠNG 3. Pháp luật về cạnh tranh	6	5		2		
3.1. Những vấn đề lý luận về cạnh tranh và luật cạnh tranh	0.25	0.5				
3.2. Căn cứ xác định hành vi hạn chế cạnh tranh	1.5	1.5				
3.3. Kiểm soát thỏa thuận hạn chế cạnh tranh	0.5	0.5				
3.4. Kiểm soát lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, vị trí độc quyền	1	1				
3.5. Kiểm soát tập trung kinh tế	0.5	0.5				
3.6. Cạnh tranh không lành mạnh	1.5	0.5		2		
3.7. Tổ tụng cạnh tranh và xử lý vi phạm pháp luật cạnh tranh	0.5	0.5				
CHƯƠNG 4: Giải quyết tranh chấp thương mại và Chế tài thương mại	8	7		2		
4.1. Những vấn đề chung về giải quyết tranh chấp thương mại và giải quyết tranh chấp thương mại	3	3				

4.2. Chế tài thương mại và miễn trách nhiệm	5	4		2		
Kiểm tra	1					1

i. Mô tả cách đánh giá học phần

- Thi rọc phách, thời gian làm bài 60 phút
- Thang điểm: Thang điểm chữ A+, A, B+, B, C+, C, D+, D, F.
- Điểm đánh giá học phần: $Z=0,5X+0,5Y$

j. Giáo trình

1. Giáo trình Luật thương mại 1, Đại học Luật Hà Nội, 2008
2. Giáo trình Luật thương mại 2, Đại học quốc gia Hà Nội, 2006

k. Tài liệu tham khảo

1. Giáo trình Pháp luật đại cương, Đại học quốc gia Hà Nội, 2003
2. Giáo trình Pháp luật kinh tế, Đại học Kinh tế quốc dân, 2005
3. Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương, Trường đại học Ngoại thương, 2006

10.17. Công pháp quốc tế

Mã HP: 11446

a. Số tín chỉ: 02TC

BTL ☐

ĐAMH ☐

b. Đơn vị giảng dạy: Khoa Luật Hàng hải

c. Phân bổ thời gian:

- | | | | |
|----------------------------|---------|-------------------|---------|
| - Tổng số (TS): | 30 tiết | - Lý thuyết (LT): | 24 tiết |
| - Thực hành (TH): | 10 tiết | - Bài tập (BT): | 0 tiết |
| - Hướng dẫn BTL/ĐAMH (HD): | 0 tiết | - Kiểm tra (KT): | 01 tiết |

d. Điều kiện đăng ký học phần:

Học phần bắt buộc phải học trước khi học học phần này: Lý luận chung về nhà nước và pháp luật.

e. Mục đích, yêu cầu của học phần:

- *Kiến thức:* Sinh viên nắm được kiến thức cơ bản về các ngành, chế định và những vấn đề pháp lý cụ thể của hệ thống pháp luật quốc tế như luật điều ước quốc tế, luật biển quốc tế, luật ngoại giao, lãnh sự, luật tổ chức quốc tế, trách nhiệm pháp lý quốc tế.

- *Kỹ năng:* Hình thành và phát triển kỹ năng tổng hợp, so sánh, phân tích, đánh giá và xây dựng lập luận để giải quyết tình huống cụ thể của luật quốc tế. Thành thạo năng lực thu thập, xử lý thông tin, sử dụng phương tiện hiện đại để truy cập thông tin tư liệu điện tử của quốc tế.

- *Thái độ:* Hình thành sự chủ động trong bổ sung, củng cố và nâng cao trình độ nhận thức về các vấn đề quốc tế trong bối cảnh hội nhập. Chủ động vận dụng các kiến thức đã học trong phân tích và giải quyết các vấn đề hội nhập của Việt Nam

f. Mô tả nội dung học phần:

Công pháp quốc tế (luật quốc tế) là môn khoa học pháp lý chuyên ngành, cung cấp những kiến thức lý luận cơ bản về hệ thống pháp luật quốc tế. Học phần cung cấp cho SV

những kiến thức cơ bản về luật pháp quốc tế: Khái niệm và lịch sử hình thành, phát triển của luật quốc tế, các nguyên tắc cơ bản của luật quốc tế. Các vấn đề cơ bản trong công pháp quốc tế như: Vấn đề lãnh thổ trong luật quốc tế, luật tổ chức quốc tế, luật ngoại giao, lãnh sự, giữ gìn hoà bình và an ninh quốc tế, giải quyết tranh chấp quốc tế, trách nhiệm pháp lý quốc tế...

g. *Người biên soạn:* Bộ môn Luật Hàng hải

h. *Nội dung chi tiết học phần:*

TÊN CHƯƠNG MỤC	PHÂN PHỐI SỐ TIẾT					
	TS	LT	BT	TH	HD	KT
CHƯƠNG 1: Khái niệm, lịch sử hình thành, phát triển và các nguyên tắc cơ bản của Luật quốc tế	8	6		4		
1.1 Khái niệm luật quốc tế	1	1				
1.2. Lịch sử hình thành và phát triển của luật quốc tế	1	1				
1.3. Mối quan hệ giữa luật quốc tế với các ngành luật khác	2	1		2		
1.4. Nguồn của luật quốc tế	1	1				
1.5 Các nguyên tắc cơ bản của luật quốc tế	3	2		2		
CHƯƠNG 2: Chủ thể của Luật Quốc tế	5	4		2		
1. Quốc gia	1	1				
2. Dân tộc đang đấu tranh giành độc lập	0.5	0.5				
3. Tổ chức liên chính phủ	2	2				
4. Chủ thể khác	1.5	0.5		2		
CHƯƠNG 3. Lãnh thổ trong luật quốc tế	3	3				
2.1. Khái niệm lãnh thổ	0.5	0.5				
2.2. Lãnh thổ quốc gia	1	1				
2.3. Lãnh thổ quốc gia có quyền chủ quyền	1	1				
2.4. Lãnh thổ quốc tế	0.5	0.5				
CHƯƠNG 4. Luật ngoại giao, lãnh sự	4	4				
4.1. Khái niệm	1	1				
4.2. Cơ quan đại diện ngoại giao	1	1				
4.3. Quyền ưu đãi miễn trừ ngoại giao, lãnh sự	2	2				
CHƯƠNG 5. Giải quyết tranh chấp quốc tế	6	4		4		
5.1. Khái niệm tranh chấp quốc tế	1	1				
5.2. Các biện pháp hoà bình giải quyết tranh chấp quốc tế	5	3		4		
CHƯƠNG 6. Trách nhiệm pháp lý quốc tế	3	3				
6.1. Khái niệm	1	1				
6.2. Trách nhiệm pháp lý chủ quan	1	1				

TÊN CHƯƠNG MỤC	PHÂN PHỐI SỐ TIẾT					
	TS	LT	BT	TH	HD	KT
6.3. Trách nhiệm pháp lý khách quan	1	1				
Kiểm tra	1					1

i. Mô tả cách đánh giá học phần:

Hình thức và tiêu chuẩn đánh giá sinh viên : Thi vấn đáp, hoặc thi tự luận.

Thang điểm : Thang điểm chữ A+, A, B+, B, C+, C, D+, D, F.

Điểm đánh giá học phần: $Z = 0.5X + 0.5Y$

+ Cách tính điểm X theo quy chế

j. Giáo trình: Tài liệu học tập, Trường đại học Hàng hải Việt Nam

k. Tài liệu tham khảo:

1. Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình luật quốc tế*, Nxb. CAND, Hà Nội, 2007.
2. Khoa luật - Đại học quốc gia Hà Nội, *Giáo trình luật quốc tế*, Nxb. ĐHQG, Hà Nội, 1997.
3. Lê Mai Anh & Trần Văn Thắng, *Luật quốc tế - Lí luận và thực tiễn*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2001.
4. Lê Mai Anh, *Luật biển quốc tế hiện đại*, Nxb. Lao động, Hà Nội, 2005.
5. *Các văn bản công pháp quốc tế và văn bản pháp luật Việt Nam có liên quan*, Nxb. CTQG, Hà Nội, 2006.
6. Trang Web của IMO: www.imo.org

10.18. Quy tắc phòng ngừa đâm va trên biển (COLREG-72)

Mã HP: 11304

a. Số tín chỉ: 3 TC

BTL ☒

ĐAMH ☐

b. Đơn vị giảng dạy: Khoa Hàng hải

c. Phân bố thời gian:

- | | | | |
|----------------------------|---------|-------------------|---------|
| - Tổng số (TS): | 45 tiết | - Lý thuyết (LT): | 30 tiết |
| - Thực hành (TH): | 0 tiết | - Bài tập (BT): | 0 tiết |
| - Hướng dẫn BTL/ĐAMH (HD): | 15 tiết | - Kiểm tra (KT): | 0 tiết |

d. Điều kiện đăng ký học phần:

Sinh viên phải học qua các môn học: An toàn lao động hàng hải, phải hoàn thành chương trình thực tập thủy thủ.

e. Mục đích, yêu cầu của học phần:

- *Kiến thức*: Sinh viên nắm vững các điều luật về đèn, dấu hiệu, biện pháp phán đoán chuẩn xác. Công tác cảnh giới, trực ca khi hành trình.

- *Kỹ năng*: Hình thành và phát triển kỹ năng tìm kiếm thông tin, xử lý thông tin và đánh giá thông tin. Đồng thời vận dụng kiến thức vào các tình huống cụ thể.

- *Thái độ*: Nâng cao năng lực tư duy logic, độc lập suy nghĩ của sinh viên; hình thành niềm say mê nghiên cứu khoa học, tinh thần không ngừng học hỏi; hình thành thái độ học tập đúng và nâng cao ý thức học tập

f. Mô tả nội dung học phần:

Học phần giới thiệu cho sinh viên lịch sử hình thành và phát triển của bản Quy tắc quốc tế phòng ngừa đâm va tàu thuyền trên biển 1972. Phạm vi áp dụng của bản quy tắc cũng như phạm vi áp dụng của các nhóm điều luật. Các điều luật chung, các điều luật áp dụng cho mọi điều kiện tầm xa, trong điều kiện nhìn thấy nhau bằng mắt thường và trong điều kiện tầm nhìn xa bị hạn chế. Ngoài ra học phần cũng giới thiệu các quy định về đèn và dấu hiệu của các loại tàu thuyền đang hành trình và làm nhiệm vụ đặc biệt.

g. Người biên soạn: Khoa Hàng hải

h. Nội dung chi tiết học phần:

TÊN CHƯƠNG MỤC	PHÂN PHỐI SỐ TIẾT					
	TS	LT	BT	TH	HD	KT
Lịch sử phát triển của qui tắc	1,0	1,0				
1.1 Tầm quan trọng	0,1	0,1				
1.3 Nội dung cơ bản của qui tắc	0,2	0,2				
1.4 Lịch sử phát triển	0,4	0,4				
Phần A : Qui tắc chung	2,75	2,75				
2.1. Điều 1 - Phạm vi áp dụng	1,0	1,0				
2.2. Điều 2: Trách nhiệm	0,75	0,75				
2.3. Điều 3: Những định nghĩa	1,0	1,0				
Phần B: qui tắc hành trình và điều động						
Chương 1. Hành trình trong mọi điều kiện tầm nhìn xa	5,25	5,25				
2.4. Điều 4: Phạm vi áp dụng và giải thích	0,25	0,25				
2.5. Điều 5: Cảnh giới	0,75	0,75				
2.6. Điều 6: Tốc độ an toàn	0,75	0,75				
2.7. Điều 7: Nguy cơ va chạm	0,75	0,75				
2.8. Điều 8: Hành động tránh va	1,0	1,0				
2.9. Điều 9: Hành trình trong luồng lạch hẹp	0,75	0,75				
2.10. Điều 10: Hành trình trong hệ thống phân luồng giao thông	0,75	0,75				
Chương 2. Hành trình của tàu thuyền khi nhìn thấy nhau	6,0	6,0				
2.11. Điều 11: Phạm vi áp dụng	0,75	0,75				
2.12. Điều 12: Tàu thuyền buồm	0,75	0,75				
2.13. Điều 13: Tàu thuyền vượt	0,75	0,75				

TÊN CHƯƠNG MỤC	PHÂN PHỐI SỐ TIẾT					
	TS	LT	BT	TH	HD	KT
2.14 Điều 14: Tàu thuyền đối hướng	0,75	0,75				
2.15. Điều 15: Tàu thuyền cắt hướng	0,75	0,75				
2.16. Điều 16: Hành động của tàu thuyền phải nhường đường	0,75	0,75				
2.17 Điều 17: Hành động của tàu thuyền được nhường đường	0,75	0,75				
2.18 Điều 18: Trách nhiệm tương quan giữa các tàu thuyền	0,75	0,75				
Chương 3. Hành trình của tàu thuyền khi tầm nhìn xa bị hạn chế	3,0	3,0				
2.19 Điều 19: Điều khiển tàu trong tầm nhìn xa bị hạn chế	0,3	0,3				
Phần C : Đèn và dấu hiệu	23,0	8,0			15,0	
2.20 Điều 20: Phạm vi áp dụng	0,25	0,25				
2.21 Điều 21: Định nghĩa	0,5	0,5				
2.22 Điều 22: Tầm xa của đèn	0,5	0,5				
2.23 Điều 23: Tàu thuyền máy đang hành trình	0,75	0,75				
2.24 Điều 24: Tàu thuyền lai	1,0	1,0				
2.25 Điều 25: Tàu thuyền buồm	0,5	0,5				
2.26 Điều 26: Tàu thuyền đánh cá	1,0	1,0				
2.27 Điều 27: Tàu thuyền mất khả năng điều động và bị hạn chế khả năng điều động	1,0	1,0				
2.28 Điều 28 : Tàu thuyền bị hạn chế bởi mớn nước	0,75	0,75				
2.29 Điều 29 : Tàu thuyền hoa tiêu	0,75	0,75				
2.30 Điều 30 : Tàu thuyền mắc cạn	0,75	0,75				
2.31 Điều 31 : Thủy phi cơ	0,25	0,25				
Hướng dẫn BTL: Làm BTL về phần đèn và dấu hiệu	15,0				15,0	
Phần D : Tín hiệu âm thanh và tín hiệu ánh sáng	2,0	2,0				
2.32 Điều 32 : Định nghĩa	0,25	0,25				
2.33 Điều 33 : Tín hiệu âm thanh	0,25	0,25				
2.34 Điều 34: Tín hiệu điều động và thông báo	0,5	0,5				
2.35 Điều 35: Tín hiệu âm thanh trong tầm nhìn xa bị hạn chế	0,5	0,5				

TÊN CHƯƠNG MỤC	PHÂN PHỐI SỐ TIẾT					
	TS	LT	BT	TH	HD	KT
2.36 Điều 36 : Tín hiệu thu hút sự chú ý	0,25	0,25				
2.37 Điều 37 : Tín hiệu kêu cứu	0,25	0,25				
Phần E : Miễn trừ & phụ lục	2,0	2,0				
2.38 Điều 38 : Miễn trừ	0,5	0,5				
2.39 Phụ lục 1	0,5	0,5				
2.40 Phụ lục 2	0,25	0,25				
2.41 Phụ lục 3	0,25	0,25				
2.42 Phụ lục 4	0,5	0,5				

i. *Mô tả cách đánh giá học phần:*

Hình thức và tiêu chuẩn đánh giá sinh viên : Thi vấn đáp, hoặc thi tự luận.

Thang điểm : Thang điểm chữ A+, A, B+, B, C+, C, D+, D, F.

Điểm đánh giá học phần: $Z = 0.5X + 0.5Y$

+ Cách tính điểm X theo quy chế.

j. *Giáo trình:*

1. Phạm Văn Thuần, *Quy tắc phòng ngừa đâm va tàu thuyền trên biển 1972*, Trường ĐH Hàng hải, 2012

k. *Tài liệu tham khảo:*

1. IMO, *International Regulation for prevention collisions at sea 1972*, London. 1972.

2. IMO, *A guide to the collision Avoidance*, London 1989.

3. Trần Đức Sửu, Nguyễn Văn Phòng, *Hướng dẫn qui tắc phòng ngừa va chạm tàu thuyền trên biển (có sửa đổi năm 87 và 89)*, Hải Phòng 1994.

4. Nguyễn Văn Thư, *Hướng dẫn qui tắc phòng ngừa va chạm tàu thuyền trên biển*, ĐH Giao thông vận tải TP Hồ Chí Minh.

10.19. Luật tổ tụng hình sự

Mã HP: 11444

a. *Số tín chỉ:* 2TC

BTL ☐

ĐAMH ☐

b. *Đơn vị giảng dạy:* Bộ môn Luật Hàng hải

c. *Phân bổ thời gian:*

- Tổng số (TS): 30 tiết

- Lý thuyết (LT): 24 tiết

- Thực hành (TH): 10 tiết

- Bài tập (BT): 0 tiết

- Hướng dẫn BTL/ĐAMH (HD): 0 tiết

- Kiểm tra (KT): 01 tiết

d. *Điều kiện đăng ký học phần:* sinh viên đã hoàn thành học phần Luật hình sự

e. *Mục đích, yêu cầu của học phần:*

- *Kiến thức:* Môn học Luật tổ tụng hình sự trang bị cho sinh viên một cách có hệ thống và khoa học các vấn đề cơ bản về: các quy định, thủ tục giải quyết vụ án hình sự.

- *Kỹ năng*: Có khả năng nhận diện và xác định đúng tư cách tố tụng của những người tham gia tố tụng; lựa chọn biện pháp ngăn chặn phù hợp để áp dụng với từng đối tượng và trong từng trường hợp cụ thể; lựa chọn, vận dụng phù hợp các quy định của luật TTHS để giải quyết các tình huống cụ thể trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử

- *Thái độ*: Hình thành niềm say mê nghề nghiệp, tư tưởng không ngừng học hỏi, tích cực đổi mới tư duy và cách thức giải quyết những vấn đề pháp lý

f. Mô tả nội dung học phần:

Học phần Luật hình sự và tố tụng hình sự Việt Nam gồm các nội dung: Những vấn đề lý luận chung về TTHS và những giai đoạn tố tụng cụ thể trong trình tự tố tụng giải quyết vụ án hình sự.

Môn học luật TTHS nghiên cứu các quy định của pháp luật và những quan điểm khoa học về trình tự, thủ tục khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ giữa các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng; nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của những người có thẩm quyền tiến hành tố tụng; quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng, của các cơ quan, tổ chức và công dân; hợp tác quốc tế trong TTHS.

Sinh viên phải thường xuyên cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật về các nội dung có liên quan đến môn học.

g. Người biên soạn: ThS. Bùi Hưng Nguyên – Giảng viên Bộ môn Luật Hàng hải

h. Nội dung chi tiết học phần:

TÊN CHƯƠNG MỤC	PHÂN PHỐI SỐ TIẾT					
	TS	LT	BT	TL	HD	KT
CHƯƠNG 1. Khái niệm luật TTHS; nhiệm vụ và các nguyên tắc cơ bản của TTHS	2	2				
1.1. Khái niệm TTHS, luật TTHS, các giai đoạn TTHS, khoa học luật TTHS và mối liên quan với các ngành khoa học khác	1	1				
1.2 Nhiệm vụ của luật TTHS. Nguồn của luật TTHS	0.5	0.5				
1.3. Các nguyên tắc cơ bản của TTHS	0.5	0.5				
CHƯƠNG 2. Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia TTHS	3	3				
2.1. Cơ quan tiến hành tố tụng	1	1				
2.2. Người tiến hành tố tụng	1	1				
2.3. Người tham gia tố tụng	1	1				
CHƯƠNG 3. Chứng cứ và chứng minh	2	2				
3.1. Chứng cứ	1	1				
3.2. Chứng minh	1	1				
CHƯƠNG 4. Biện pháp ngăn chặn	2	2				
4.1. Các biện pháp ngăn chặn	1	1				

4.2. Thay đổi, huỷ bỏ biện pháp ngăn chặn.	1	1				
CHƯƠNG 5. Khởi tố vụ án hình sự	2	2				
4.1. Thẩm quyền khởi tố vụ án	0.5	0.5				
4.2. trình tự khởi tố vụ án	1	1				
5.3. Quyền hạn, trách nhiệm của VKS trong giai đoạn khởi tố vụ án	0.5	0.5				
CHƯƠNG 6. Điều tra vụ án hình sự	2	2				
6.1. Thẩm quyền điều tra; các quyết định của cơ quan điều tra	1	1				
6.2. Tiến hành điều tra	1	1				
CHƯƠNG 7. Truy tố	2	2				
7.1. Các quyết định của VKS trong giai đoạn truy tố	0.5	0.5				
7.2. Khái niệm, nhiệm vụ, ý nghĩa của giai đoạn truy tố	0.5	0.5				
7.3. Các hoạt động của VKS trong giai đoạn truy tố: Nhận và nghiên cứu hồ sơ	1	1				
CHƯƠNG 8. Xét xử sơ thẩm vụ án hình sự	4	2		4		
8.1. Thẩm quyền xét xử sơ thẩm của toà án	2	1		2		
8.2. Trình tự thủ tục tố tụng tại tòa sơ thẩm	2	1		2		
CHƯƠNG 9. Xét xử phúc thẩm vụ án hình sự	4	2		4		
9.1. Kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm và thẩm quyền của toà án cấp phúc thẩm	0.5	0.5				
9.2. Trình tự, thủ tục tố tụng tại tòa phúc thẩm	2	1		2		
9.3. Phúc thẩm các quyết định của toà án sơ thẩm	1.5	0.5		2		
CHƯƠNG 10. Thi hành bản án, quyết định của toà án	2	2				
10.1. Những quy định chung về thi hành bản án và quyết định của toà án	1	1				
10.2. Khái niệm, nhiệm vụ, ý nghĩa của thi hành án hình sự; thi hành hình phạt tử hình, hình phạt tù; hoãn, tạm đình chỉ thi hành án phạt tù	0.5	0.5				
10.3. Thi hành các loại hình phạt khác; giảm thời hạn, miễn chấp hành hình phạt; xoá án tích	0.5	0.5				
CHƯƠNG 11. Thủ tục xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của toà án	3	2		2		
11.1. Tính chất của giám đốc thẩm, tái thẩm; căn cứ kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm	1	1				
11.2. Những vấn đề pháp lí khác về giám đốc thẩm và tái thẩm	0.5	0.5				

11.3. Phân biệt thủ tục giám đốc thẩm với xét xử sơ thẩm, phúc thẩm và thủ tục tái thẩm	1.5	0.5		2		
Kiểm tra	1					1

i. Mô tả cách đánh giá học phần:

- Thi viết rọc phách.
- Thời gian làm bài: 60 phút.
- Thang điểm: Thang điểm chữ A+, A, B+, B, C+, C, D+, D, F.
- Điểm X là điểm chuyên cần. Để được dự thi sinh viên phải tham dự $\geq 75\%$ số tiết và có các điểm $X_i \geq 4$.
- Điểm đánh giá học phần: $Z = 0,5X + 0,7Y$.

j. Giáo trình:

1. Trường Đại học Luật Hà nội, *Giáo trình Luật Tổ tụng hình sự Việt Na*, NXB Công an nhân dân.

k. Tài liệu tham khảo:

1. Võ Khánh Vinh, *Bình luận khoa học Bộ luật tố tụng hình sự*, NXB Tư pháp, 2013.
2. Quốc hội, *Bộ luật tố tụng hình sự 2015*.

10.20. Tư pháp quốc tế

Mã HP: 11447

a. Số tín chỉ: 03 TC

BTL ☐

ĐAMH ☐

b. Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Luật Hàng hải

c. Phân bổ thời gian:

- | | | | |
|----------------------------|---------|-------------------|---------|
| - Tổng số (TS): | 45 tiết | - Lý thuyết (LT): | 39 tiết |
| - Thực hành (TH): | 10 tiết | - Bài tập (BT): | 0 tiết |
| - Hướng dẫn BTL/ĐAMH (HD): | 0 tiết | - Kiểm tra (KT): | 01 tiết |

d. Điều kiện đăng ký học phần:

Học phần bắt buộc phải học trước khi học học phần này: Luật dân sự

e. Mục đích, yêu cầu của học phần:

- *Kiến thức*: Thông qua học phần Tư pháp quốc tế, sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về xung đột pháp luật và giải quyết xung đột pháp luật trong quan hệ dân sự (theo nghĩa rộng) có yếu tố nước ngoài, phương thức giải quyết tranh chấp dân sự quốc tế.

- *Kỹ năng*: Lựa chọn, vận dụng một cách phù hợp các nguồn luật áp dụng, lựa chọn cơ quan tài phán trong việc giải quyết các vụ việc dân sự quốc tế; Thành thạo một số kỹ năng tìm các quy định của pháp luật trong hệ thống pháp luật quốc gia, điều ước quốc tế, phán quyết của toà án, trọng tài trong nước và quốc tế... sử dụng phương tiện hiện đại để truy cập kho thông tin tư liệu điện tử của quốc tế;

- *Thái độ*: Nâng cao năng lực tư duy logic, độc lập suy nghĩ của sinh viên; hình thành niềm say mê nghiên cứu khoa học, tinh thần không ngừng học hỏi; hình thành thái độ học tập đúng và nâng cao ý thức học tập

f. Mô tả nội dung học phần:

Học phần cung cấp cho SV những kiến thức cơ bản về Tư pháp quốc tế: Khái niệm, các nguyên tắc cơ bản, nguồn, xung đột pháp luật, quyền sở hữu và thừa kế, hợp đồng và trách nhiệm ngoài hợp đồng, tố tụng dân sự quốc tế, trọng tài thương mại quốc tế...

g. Người biên soạn: Bộ môn Luật Hàng hải

h. Nội dung chi tiết học phần:

TÊN CHƯƠNG MỤC	PHÂN PHỐI SỐ TIẾT					
	TS	LT	BT	TH	HD	KT
CHƯƠNG 1. Khái quát về Tư pháp quốc tế	8	7		2		
1.1 Khái niệm Tư pháp quốc tế quốc tế	1	1				
1.2. Nguồn luật	1	1				
1.3. Các nguyên tắc cơ bản của Tư pháp quốc tế	2	2				
1.4. Mối quan hệ giữa tư pháp quốc tế với Công pháp quốc tế và Luật quốc gia	1	1				
1.5. Xung đột pháp luật	3	2		2		
CHƯƠNG 2. Chủ thể trong tư pháp quốc tế	5	5				
2.1. Người nước ngoài	2	2				
2.2. Pháp nhân nước ngoài	1	1				
2.3. Quốc gia	1	1				
2.4. Quy chế pháp lý đặc biệt của quốc gia trong tư pháp quốc tế	1	1				
CHƯƠNG 3. Quyền sở hữu và thừa kế trong tư pháp quốc tế	5	5				
3.1. Khái niệm quyền sở hữu trong tư pháp quốc tế	0.5	0.5				
3.2. Giải quyết xung đột pháp luật về quyền sở hữu có yếu tố nước ngoài	1	1				
3.3. Xác định thời điểm chuyển dịch rủi ro đối với tài sản mua bán	2	2				
3.4. Vấn đề quốc hữu hoá trong tư pháp quốc tế	0.5	0.5				
3.5. Quyền sở hữu của người nước ngoài tại Việt Nam	1	1				
CHƯƠNG 4. Hợp đồng và trách nhiệm ngoài hợp đồng trong tư pháp quốc tế	14	11		6		
4.1. Khái niệm hợp đồng trong tư pháp quốc tế	1	1				
4.2. Mối quan hệ giữa pháp luật và hợp đồng	1	1				
4.3. Xung đột pháp luật trong lĩnh vực hợp đồng	2	1		2		
4.4. Nguyên tắc chọn luật áp dụng trong hợp đồng quốc tế	3	2		2		
4.5. Khái niệm, luật áp dụng điều chỉnh hợp đồng	1	1				

TÊN CHƯƠNG MỤC	PHÂN PHỐI SỐ TIẾT					
	TS	LT	BT	TH	HD	KT
mua bán hàng hoá quốc tế						
4.6. Các trường hợp trách nhiệm và những căn cứ miễn trách nhiệm	1	1				
4.7. Khái niệm trách nhiệm ngoài hợp đồng trong tư pháp quốc tế	1	1				
4.8. Luật áp dụng đối với trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng	3	2		2		
CHƯƠNG 5. Tổ tụng dân sự quốc tế	6	5		2		
5.1. Khái niệm và những nguyên tắc cơ bản của tổ tụng dân sự quốc tế	0.5	0.5				
5.2. Các điều ước quốc tế về tổ tụng dân sự quốc tế	0.5	0.5				
5.3. Thẩm quyền xét xử dân sự quốc tế	1	1				
5.4. Địa vị pháp lí của người nước ngoài trong tổ tụng dân sự quốc tế	1	1				
5.5. Vấn đề uỷ thác tư pháp quốc tế	2	1		2		
5.6. Công nhận và thi hành các bản án, quyết định dân sự của toà án nước ngoài	0.5	0.5				
5.7. Công nhận và thi hành bản án, quyết định dân sự của toà án nước ngoài tại Việt Nam	0.5	0.5				
CHƯƠNG 6. Trọng tài thương mại quốc tế	6	6				
6.1. Khái niệm trọng tài thương mại quốc tế	0.5	0.5				
6.2. Vai trò của trọng tài trong giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế	0.5	0.5				
6.3. Các hình thức trọng tài	1	1				
6.4. Thẩm quyền trọng tài	1	1				
6.5. Các nguyên tắc giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại quốc tế	1	1				
6.6. Luật áp dụng trong trọng tài thương mại quốc tế	1	1				
6.7. Tổ tụng trọng tài	0.5	0.5				
6.8. Công nhận và thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài	0.5	0.5				
Kiểm tra	1					1

i. Mô tả cách đánh giá học phần:

Hình thức và tiêu chuẩn đánh giá sinh viên : Thi vấn đáp, hoặc thi tự luận.

Thang điểm : Thang điểm chữ A+, A, B+, B, C+, C, D+, D, F.

Điểm đánh giá học phần: $Z = 0.5X + 0.5Y$

+ Cách tính điểm X theo quy chế.

j. Giáo trình:

1. Tài liệu học tập, Trường đại học Hàng hải Việt Nam

k. Tài liệu tham khảo:

1. Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình tư pháp quốc tế*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội, 2007.

2. *Tư pháp quốc tế*, Nhà pháp luật Việt - Pháp, Nxb. CTQG, Hà Nội, 2005.

10.21. Luật tố tụng dân sự

Mã HP: 11448

a. Số tín chỉ: 2 TC

BTL ☐

ĐAMH ☐

b. Đơn vị giảng dạy: Khoa Hàng hải

c. Phân bổ thời gian:

- Tổng số (TS): 30 tiết

- Lý thuyết (LT): 24 tiết

- Thực hành (TH): 10 tiết

- Bài tập (BT): 0 tiết

- Hướng dẫn BTL/ĐAMH (HD): 0 tiết

- Kiểm tra (KT): 01 tiết

d. Điều kiện đăng ký học phần: sinh viên cần hoàn thành học phần Luật dân sự

e. Mục đích, yêu cầu của học phần:

- *Kiến thức:* Thông qua học phần Luật tố tụng dân sự, sinh viên nắm được một cách có hệ thống và khoa học các vấn đề cơ bản về: các quy định, thủ tục giải quyết các tranh chấp dân sự tại tòa án, nhằm xây dựng một xã hội dân sự trong điều kiện phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

- *Kỹ năng:* Hình thành và phát triển kỹ năng tìm kiếm thông tin, xử lý thông tin và đánh giá thông tin. Đồng thời vận dụng kiến thức vào các tình huống cụ thể.

- *Thái độ:* Nâng cao năng lực tư duy logic, độc lập suy nghĩ của sinh viên; hình thành niềm say mê nghiên cứu khoa học, tinh thần không ngừng học hỏi; hình thành thái độ học tập đúng và nâng cao ý thức học tập

f. Mô tả nội dung học phần:

Học phần Luật tố tụng dân sự gồm các nội dung: Khái niệm Luật tố tụng dân sự; Thẩm quyền xét xử của tòa án nhân dân; Thủ tục giải quyết các vụ án dân sự.

Sinh viên phải thường xuyên cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật về các nội dung có liên quan đến môn học.

g. Người biên soạn: ThS. Trần Gia Ninh – Giảng viên Bộ môn Luật Hàng hải.

h. Nội dung chi tiết học phần:

TÊN CHƯƠNG MỤC	PHÂN PHỐI SỐ TIẾT					
	TS	LT	BT	TL	HD	KT
Chương 1. Khái niệm Luật tố tụng dân sự	3	3				
1.1. Đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh	1	1				

1.2 Những nguyên tắc cơ bản	1	1				
1.3. Quan hệ pháp luật tố tụng dân sự.	1	1				
Chương 2. Thẩm quyền của toà án nhân dân	6	4		4		
2.1. Khái niệm và cơ sở xác định thẩm quyền của toà án	2	1		2		
2.2. Những vụ việc dân sự thuộc thẩm quyền của toà án	1	1				
2.3. Sự phân định thẩm quyền giữa các toà án	2	1		2		
2.4. Chuyển vụ việc dân sự; giải quyết tranh chấp về thẩm quyền; tách và nhập vụ án dân sự	1	1				
Chương 3. Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng dân sự	3	3				
3.1. Các chủ thể trong tố tụng dân sự	1	1				
3.2. Nhiệm vụ và quyền hạn của các chủ thể tiến hành tố tụng	1	1				
3.3. Quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng dân sự	1	1				
Chương 4. Chứng minh và chứng cứ trong tố tụng dân sự	2	2				
4.1. Chứng minh trong tố tụng dân sự	0.5	0.5				
4.2. Chứng cứ trong tố tụng dân sự	0.5	0.5				
4.3. Thủ tục giải quyết vụ án dân sự và việc dân sự	1	1				
Chương 5. Biện pháp khẩn cấp tạm thời; cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng; thời hạn tố tụng, thời hiệu khởi kiện và thời hiệu yêu cầu	1	1				
Chương 6. Án phí, lệ phí và chi phí tố tụng	1	1				
Vấn đề 7. Thủ tục giải quyết vụ án dân sự tại toà án cấp sơ thẩm	5	3		4		
7.1. Khởi kiện vụ án dân sự	1	1				
7.2. Thụ lí vụ án dân sự; căn cứ và thủ tục trả lại đơn khởi kiện vụ án dân sự	1.5	0.5		2		
7.3. Chuẩn bị xét xử vụ án dân sự, hoà giải, tạm đình chỉ, đình chỉ giải quyết vụ án dân sự và quyết định đưa vụ án dân sự ra xét xử	0.5	0.5				
7.4. Khái niệm, ý nghĩa, nguyên tắc và thủ tục tiến hành phiên toà sơ thẩm; những việc tiến hành sau phiên toà	2	1		2		
Chương 8. Thủ tục giải quyết vụ án dân sự tại toà	3	3				

án cấp phúc thẩm						
1. Khái niệm và ý nghĩa phúc thẩm dân sự	1	1				
2. Kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm	1	1				
3. Xét xử phúc thẩm vụ án dân sự		1				
Chương 9. Thủ tục xét lại bản án, quyết định giải quyết vụ án dân sự của toà án đã có hiệu lực pháp luật	2	2				
8.1. Khái niệm, ý nghĩa của giám đốc thẩm; kháng nghị và thủ tục xét lại bản án, quyết định giải quyết vụ án dân sự của toà án đã có hiệu lực pháp luật theo thủ tục giám đốc thẩm	1	1				
8.2. Khái niệm, ý nghĩa của tái thẩm; kháng nghị và thủ tục xét lại bản án, quyết định giải quyết vụ án dân sự của toà án đã có hiệu lực pháp luật theo thủ tục tái thẩm	1	1				
Chương 10. Thủ tục giải quyết việc dân sự	3	2		2		
9.1. Những quy định chung về thủ tục giải quyết việc dân sự	0.5	0.5				
9.2. Thủ tục giải quyết việc dân sự tại toà án cấp sơ thẩm	1.5	1		1		
9.3. Thủ tục phúc thẩm quyết định giải quyết việc dân sự	1	0.5		1		
Kiểm tra	1					1

i. Mô tả cách đánh giá học phần:

- Thi viết rọc phách.
- Thời gian làm bài: 60 phút.
- Thang điểm: Thang điểm chữ A+, A, B+, B, C+, C, D+, D, F.
- Điểm X là điểm chuyên cần. Để được dự thi sinh viên phải tham dự $\geq 75\%$ số tiết và có các điểm $X_i \geq 4$.
- Điểm đánh giá học phần: $Z = 0,5X + 0,5Y$.

k. Giáo trình:

1. Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình Luật tố tụng dân sự Việt Nam*, NXB Công an nhân dân, 2012.

l. Tài liệu tham khảo:

1. Quốc hội, *Bộ luật tố tụng dân sự*, 2015.

10.22. Luật Lao động Việt Nam

Mã HP: 11436

a. Số tín chỉ: 02 TC

BTL ☐

ĐAMH ☐

b. Đơn vị giảng dạy: Khoa Hàng hải

c. Phân bổ thời gian:

- Tổng số (TS):	30 tiết	- Lý thuyết (LT):	24 tiết
- Thực hành (TH):	10 tiết	- Bài tập (BT):	0 tiết
- Hướng dẫn BTL/ĐAMH (HD):	0 tiết	- Kiểm tra (KT):	01 tiết

d. Điều kiện đăng ký học phần:

- Học xong kiến thức về môn Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật; Luật Dân sự.

e. Mục đích, yêu cầu của học phần:

- *Kiến thức:* Sinh viên sau khi học xong môn học có cái nhìn chung nhất về bộ Luật lao động Việt Nam. Giải thích được những vấn đề đã xảy ra liên quan đến luật Lao động Việt Nam trong giai đoạn qua. Có những hướng phát triển luật Lao động Việt Nam trong những trường hợp giả định mà giáo viên và sinh viên cùng đưa ra. Hoàn thiện những vấn đề còn khiến khuyết trong bộ Luật thông qua quá trình thảo luận.

- *Kỹ năng:* SV phải biết cách tìm kiếm, vận dụng các kiến thức pháp lý về lĩnh vực luật lao động như: tư vấn lao động, soạn thảo văn bản thông dụng

- *Thái độ:* Nâng cao năng lực tư duy logic, độc lập suy nghĩ của sinh viên; hình thành niềm say mê nghiên cứu khoa học, tinh thần không ngừng học hỏi; hình thành thái độ học tập đúng và nâng cao ý thức học tập

f. Mô tả nội dung học phần:

Nội dung học phần cung cấp tương đối đầy đủ nội dung trong bộ Luật lao động Việt Nam mới nhất, nhằm cung cấp cho sinh viên cái nhìn chung nhất về bộ luật về kết cấu, nội dung, và các vấn đề trong chương, mục.

Kết hợp với việc thảo luận trên lớp và các tiết học thực hành, hoàn thiện cho sinh viên về mặt lý luận và thực tiễn, giúp sinh viên có một kỹ năng và trình độ chuyên môn cơ bản nhất về bộ Luật lao động Việt Nam.

Gắn liền với các câu hỏi trắc nghiệm và bài tập tình huống đưa sinh viên vào vận dụng các điều luật trong trường hợp cụ thể, áp dụng các điều luật và đưa ra kết luận thực tế, từ đó thảo luận đưa ra ý kiến đúng nhất, giúp sinh viên có cái nhìn sâu rộng về bộ Luật này.

g. Người biên soạn: ThS. Lại Thế Việt –BM Hàng hải, Khoa Hàng hải

h. Nội dung chi tiết học phần:

TÊN CHƯƠNG MỤC	PHÂN PHỐI SỐ TIẾT					
	TS	LT	BT	TH	HD	KT
CHƯƠNG 1. Lý luận chung về Luật lao động	2	2				
1.1. Đối tượng và phương pháp điều chỉnh	0.5	0.5				
1.2. Chủ thể	0.5	0.5				
1.3. Các nguyên tắc cơ bản	1	1				
CHƯƠNG 2. Hợp đồng lao động	3	2		2		
2.1. Khái niệm, đặc điểm, nguyên tắc ký kết và các loại hợp đồng lao động	0.5	0.5				
2.2. Giao kết và thực hiện hợp đồng	2	1		2		

2.3. Hợp đồng học nghề	0.5	0.5				
CHƯƠNG 3. Bảo hiểm xã hội	3	2		2		
3.1. Những vấn đề chung	0.25	0.25				
3.2. Bảo hiểm xã hội bắt buộc	0.5	0.5				
3.3. Bảo hiểm xã hội tự nguyện	0.5	0.5				
3.4. Bảo hiểm xã hội thất nghiệp	0.25	0.25				
3.5. Bảo hiểm xã hội và các chế độ an sinh liên quan đến thuyền viên	1.5	0.5		2		
CHƯƠNG 4. Giải quyết lao động và đình công	4	3		2		
4.1 Khái niệm tranh chấp lao động	0.5	0.5				
4.2. Đặc điểm của tranh chấp lao động	0.5	0.5				
4.3. Phân loại tranh chấp lao động	0.5	0.5				
4.4. Giới thiệu các cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp lao động	1	1				
4.5. Quy trình giải quyết tranh chấp lao động cá nhân và tranh chấp lao động tập thể	2	1		2		
4.6. Đình công	0.5	0.5				
CHƯƠNG 5. Đối thoại tại nơi làm việc, thương lượng và thảo ước lao động tập thể	4	4				
5.1. Những vấn đề chung về thỏa ước lao động tập thể	1	1				
5.2. Nội dung, trình tự ký kết và hiệu lực của thỏa ước lao động	3	3				
CHƯƠNG 6. An toàn lao động, vệ sinh lao động	4	3		2		
6.1. Khái niệm	0.5	0.5				
6.2. Ý nghĩa	0.5	0.5				
6.3. Các nguyên tắc	0.5	0.5				
6.4. Chế độ bảo hộ lao động	0.5	0.5				
6.5. Quyền và nghĩa vụ các bên trong quan hệ lao động đối với việc bảo hộ lao động	0.5	0.5				
6.6. An toàn lao động và vệ sinh lao động khi người lao động làm việc trên tàu biển	1.5	0.5		2		
CHƯƠNG 7. Kỷ luật lao động – Trách nhiệm vật chất	3	2				
7.1. Kỷ luật lao động	1.5	1.5				
7.2. Trách nhiệm vật chất của người lao động trong quan hệ lao động	1.5	1.5				

CHƯƠNG 8. Thời giờ làm việc – Thời giờ nghỉ ngơi	2	2				
8.1. Thời giờ làm việc	1	1				
8.2. Thời giờ nghỉ ngơi	1	1				
CHƯƠNG 9. Tiền lương	3	2		2		
9.1. Những vấn đề chung	0.5	0.5				
9.2. Quyền và nghĩa vụ của các bên trong	2	1		2		
9.3. Một số quy định trả lời khác	0.5	0.5				
CHƯƠNG 10. Vai trò công đoàn đối với việc quản trị quan hệ lao động	2	2				
10.1. Khái quát về tổ chức công đoàn	0.5	0.5				
10.2. Quyền hạn của công đoàn	0.5	0.5				
10.3. Công đoàn với việc bảo vệ quyền và lợi ích của thuyền viên	1	1				
Kiểm tra	1					1
Nội dung tự học: <i>Chương 11. Quản lý Nhà nước về lao động trong nền kinh tế thị trường</i> <i>11.1. Khái niệm quản lý nhà nước về lao động</i> <i>11.2. Hệ thống các cơ quan quản lý nhà nước về lao động</i>						

i. Mô tả cách đánh giá học phần:

Điều kiện để được dự thi cuối học kỳ:

- Số tiết tham gia trên lớp của sinh viên phải $\geq 75\%$ tổng số tiết của học phần;
- Điểm đánh giá học phần: $Z = 0,5X + 0,5Y$
- Thang điểm: Thang điểm chữ A⁺, A, B⁺, B, C⁺, C, D⁺, D, F.
- Thi trắc nghiệm trên giấy, rọc phách.
- Thời gian làm bài: 60 phút.

k. Giáo trình: Tài liệu học tập, Trường đại học Hàng hải Việt Nam

l. Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Luật lao động Việt Nam năm 2013.
2. Tài liệu hướng dẫn học tập môn “Luật Lao động” do nhóm giảng viên Đại Học Mở Tp.HCM biên soạn.
3. Giáo trình Luật Lao động của Đại Học Luật Hà Nội.
4. Giáo trình Luật lao động cơ bản của Viện Đại học Mở Hà Nội.
5. Các văn bản pháp luật về những vấn đề được trình bày trong môn học, như: Bộ luật Lao động, Bộ luật Tổ tụng Dân sự, Luật Bảo hiểm xã hội, Luật Công Đoàn, các Nghị Định, ...
6. Báo chí, các trang web phổ thông và chuyên ngành về pháp luật để thu thập thông tin và tình huống (ví dụ: Người lao động, Tuổi trẻ, Thanh niên, Pháp luật, ...).

7. Nghị định của Chính Phủ số: 17, 29, 41, 43, 44, 45, 46, 49, 50, 51/năm 2013 của Chính Phủ và các Thông tư liên quan.

10.23. Vận chuyển hàng hóa

Mã HP: 11450

a. Số tín chỉ: 02 TC

BTL: ☐

ĐAMH: ☐

b. Đơn vị giảng dạy: Bộ môn: Quản lý-khai thác đội tàu

c. Phân bổ thời gian:

- Tổng số (TS):	30 tiết	- Lý thuyết (LT):	24 tiết
- Thực hành (TH):	10 tiết	- Bài tập (BT):	0 tiết
- Hướng dẫn BTL/ĐAMH (HD):	0 tiết	- Kiểm tra (KT):	01 tiết

d. Điều kiện đăng ký học phần: Không bắt buộc

e. Mục đích, yêu cầu của học phần:

- *Kiến thức*: Thông qua học phần, sinh viên nắm được kiến thức về hàng hoá trong vận tải cho sinh viên.

- *Kỹ năng*: Hình thành và phát triển kỹ năng tìm kiếm thông tin, xử lý thông tin và đánh giá thông tin. Đồng thời vận dụng kiến thức vào các tình huống cụ thể.

- *Thái độ*: Nâng cao năng lực tư duy logic, độc lập suy nghĩ của sinh viên; hình thành niềm say mê nghiên cứu khoa học, tinh thần không ngừng học hỏi; hình thành thái độ học tập đúng và nâng cao ý thức học tập.

f. Mô tả nội dung chủ yếu

- Đặc tính vận tải của hàng hoá
- Các thông số của hàng hoá
- Những điều kiện bên ngoài ảnh hưởng tới hàng hoá trong quá trình vận tải
- Tính chất các loại hàng hoá.
- Kho cảng- Việc chất xếp hàng hợp lý ở kho cảng

g. Người biên soạn: TS. Nguyễn Hữu Hùng – Khoa Kinh tế vận tải-Đại học Hàng hải

h. Nội dung chi tiết học phần:

TÊN CHƯƠNG MỤC	PHÂN PHỐI SỐ TIẾT				
	TS	LT	BT	TH	KT
Chương 1. Khái niệm về hàng hoá và đặc tính vận tải của hàng hoá	5	5			
1.1. Hàng hoá và đặc tính vận tải của hàng hoá	1	1			
1.2. Phân loại hàng hoá	1	1			
1.3. Các phương pháp kiểm định hàng hoá	1	1			
1.4. Bao bì và đóng gói bao bì	1	1			
1.5. Nhãn hiệu hàng hoá	0.5	0.5			
1.6. Lượng giảm tự nhiên và tổn thất hàng hoá	0.5	0.5			

Chương 2. Các thông số của hàng hoá	5	4	1		
2.1. Hệ thống đơn vị đo	0.5	0.5			
2.2. xác định thể tích và khối lượng hàng lỏng	1.5	1.5			
2.3. Xác định khối lượng hàng rời và hàng đồ đóng	0.5	0.5			
2.4. Xác định khối lượng hàng theo món nước	1	1			
2.5. Xác định khối lượng hàng bằng phương pháp cân, đếm, nguyên hàm, nguyên tàu	1.5	0.5	1		
Chương 3. Những điều kiện bên ngoài ảnh hưởng tới hàng hoá trong quá trình vận tải. Biện pháp cải tạo môi trường.	3	2			
3.1. Môi trường và sự ảnh hưởng của nó tới quá trình vận tải, các tác nhân của môi trường.	0.5	0.5			
3.2. Cách xác định các thông số trạng thái của môi trường.	0.5	0.5			
3.3. Các phương pháp điều chỉnh nhiệt độ, độ ẩm trong kho và trong hầm tàu.	0.5	0.5			
3.4. Các phương pháp cải tạo môi trường.	1.5	0.5			
Chương 4. Hàng rời và hàng đồ đóng.	10	8	1		
4.1. Lương thực	2.5	1.5	1		
4.2. Muối	1	1			
4.3. Đường.	1	1			
4.4. Phân hoá học	1	1			
4.5. Xi măng	1	1			
4.6. Quặng	1.5	1.5			
4.7. Than	2	1			
Chương 5. Hàng thông dụng	4	4			
5.1. Tính chất và phân loại hàng thông dụng	1	1			
5.2. Vận chuyển hàng thông dụng	2	2			
5.3. Xếp dỡ và bảo quản hàng thông dụng	2	2			
Chương 6. Dầu mỏ và sản phẩm dầu mỏ	3	1.5	1		
6.1. Thành phần và tính chất của dầu mỏ	0.5	0.5			
6.2. Các chỉ tiêu chất lượng của dầu và sản phẩm dầu	0.5	0.5			
6.3. Bảo quản, vận chuyển, xếp dỡ dầu và sản phẩm dầu	2	0.5	1		
Chương 7. Gỗ và sản phẩm gỗ	3	3			
7.1. Phân loại và tính chất của gỗ	1	1			
7.2. Vận chuyển gỗ	1	1			
7.3. Bảo quản gỗ	1	1			
Chương 8. Hàng nguy hiểm và hàng phóng xạ	4	2	1		

8.1. Hàng nguy hiểm	1.5	1.5			
8.2. Hàng phóng xạ	2.5	0.5	1		
Chương 9. Hàng tươi sống	3	3			
9.1. Gia súc, gia cầm	1	1			
9.2 Hàng dễ ôi	1	1			
9.3. Vận chuyển, bảo quản một số mặt hàng tươi sống	1	1			
Chương 10. Hàng container	2	2			
10.1. Kái niệm, phân loại container	1	1			
10.2. Kỹ thuật đóng hàng vào container	1	1			
Chương 11. Kho cảng- Việc chất xếp hàng hợp lý ở kho cảng	3	3			
11.1. Dạng và sự bố trí của kho	0.5	0.5			
11.2. Chỉ tiêu công tác của kho	0.5	0.5			
11.3. Tính toán và phân tích công tác kho	0.5	0.5			
11.4. Lựa chọn kích thước tối ưu của đóng hàng	0.5	0.5			
11.5. Tính toán việc chất xếp và sử dụng kho	1	1			

i. Mô tả cách đánh giá học phần:

Hình thức và tiêu chuẩn đánh giá sinh viên : Thi vấn đáp, hoặc thi tự luận.

Thang điểm : Thang điểm chữ A+, A, B+, B, C+, C, D+, D, F.

Điểm đánh giá học phần: $Z = 0.5X + 0.5Y$

+ Cách tính điểm X theo quy chế.

j. Giáo trình: Tài liệu học tập, Trường Đại học Hàng hải Việt Nam

k. Tài liệu tham khảo

10.24. Thực tập cơ sở ngành

Mã HP: 11460

a. Số tín chỉ: 1 TC

b. Đơn vị giảng dạy: Khoa Hàng hải

c. Thời gian thực tập: 80 giờ (02 tuần)

d. Điều kiện đăng ký học phần:

Đã hoàn thành các học phần: Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật, Đại cương về tàu biển, Các vấn đề pháp lý về tàu biển và thuyền bộ tàu biển, Tổ chức tòa án, Viện kiểm sát và cơ quan hỗ trợ tư pháp, Luật hiến pháp Việt Nam, Luật hành chính Việt Nam, Công pháp và tư pháp quốc tế, Luật biển.

e. Mục đích, yêu cầu của học phần:

Giúp cho sinh viên nhận thức về ngành nghề mình sẽ làm việc trong tương lai trên các mặt:

- Vị trí, vai trò của ngành đối với đời sống kinh tế xã hội.

- Xu hướng phát triển của ngành ở trong nước và ở trên thế giới.
- Yêu cầu, đòi hỏi của ngành đối với các cán bộ hoạt động trong ngành về trình độ, đạo đức, tư cách, tác phong ...

Từ đó ngay khi còn ngồi trên ghế nhà trường các sinh viên đã có ý thức rèn luyện mình về mọi mặt như theo yêu cầu của ngành.

Yêu cầu hoàn thành đầy đủ khối lượng chương trình thực tập, viết và nộp báo cáo thực tập đúng thời hạn quy định, đánh giá đạt từ điểm D trở lên.

f. Mô tả nội dung học phần:

Học phần thực tập cơ sở ngành là học phần bắt buộc của chương trình đào tạo chuyên ngành Luật và Bảo hiểm Hàng hải hệ Đại học chính quy tại trường Đại học Hàng hải Việt Nam.

Học phần thực tập cơ sở ngành được sinh viên thực hiện tại các cơ sở thực tập: Công ty VOSCO, VIETSOPETRO, VITRANSCHART, VINALINES, INLACO Hải Phòng, INLACO Sài Gòn, Cảng vụ Hàng hải, các công ty Bảo hiểm Hàng hải, các cơ quan Tư pháp, Tòa án, Trọng tài, Thi hành án,...

g. Người biên soạn: ThS. Trần Trung – Khoa Hàng hải

h. Nội dung chi tiết học phần:

NỘI DUNG	Thời lượng (giờ)
Tuần 1:	40
1. Làm quen với đơn vị thực tập.	2
2.Tìm hiểu quá trình phát triển của cơ sở thực tập	10
3. Tìm hiểu về Phòng Pháp chế của cơ sở thực tập	10
4.Nghe giới thiệu về cơ chế hoạt động của công ty	2
5. Tìm hiểu công tác triển khai các vấn đề pháp lý về tàu biển và thuyền bộ tàu biển tại cơ sở thực tập.	16
Tuần 2:	40
6. Tìm hiểu chức năng nhiệm vụ của của cơ sở thực tập.	8
7. Tìm hiểu cơ cấu tổ chức của cơ sở thực tập	10
8. Tìm hiểu văn bản luật liên quan đến các lĩnh vực hoạt động của cơ sở thực tập và cách áp dụng thực tế.	10
9.Viết báo cáo thực tập.	12
Tổng	80

i. Mô tả cách đánh giá học phần:

- Thực tập cơ sở ngành là học phần loại II.

- Sinh viên hoàn thành báo cáo thực tập đúng thời gian quy định. Báo cáo thực tập cơ sở ngành được khoa Hàng hải tổ chức chấm và công bố điểm trong vòng 1 tuần theo quy định. Điểm báo cáo thực tập là điểm **Y**. Điểm đánh giá học phần là điểm **Z**. Theo quy chế, học phần loại II, điểm **Z = Y**.

10.25. Kinh tế Khai thác thương vụ**Mã HP: 11406***a. Số tín chỉ:* 2TCBTL ☐ĐAMH ☐*b. Đơn vị giảng dạy:* Bộ môn Luật Hàng hải*c. Phân bổ thời gian:*

- Tổng số (TS): 30 tiết

- Lý thuyết (LT): 24 tiết

- Thực hành (TH): 10 tiết

- Bài tập (BT): 0 tiết

- Hướng dẫn BTL/ĐAMH (HD): 0 tiết

- Kiểm tra (KT): 01 tiết

d. Điều kiện đăng ký học phần:

Sinh viên phải học xong các học phần sau mới được đăng ký học học phần này: *Luật biển*.

e. Mục đích, yêu cầu của học phần:

- *Kiến thức:* Thông qua học phần, sinh viên nắm được những kiến thức về kinh tế vận tải biển, các hình thức tổ chức khai thác tàu và nghiệp vụ thác thương vụ vận tải biển.

- *Kỹ năng:* Hình thành và phát triển kỹ năng tìm kiếm thông tin, xử lý thông tin và đánh giá thông tin. Đồng thời vận dụng kiến thức vào các tình huống cụ thể.

- *Thái độ:* Nâng cao năng lực tư duy logic, độc lập suy nghĩ của sinh viên; hình thành niềm say mê nghiên cứu khoa học, tinh thần không ngừng học hỏi; hình thành thái độ học tập đúng và nâng cao ý thức học tập

f. Mô tả nội dung học phần:

Học phần cung cấp những khái niệm cơ bản về nghiệp vụ vận tải, chi phí khai thác và giá thành VTB, những đặc trưng khai thác kỹ thuật của tàu VTB, các hình thức tổ chức khai thác tàu, các chứng từ liên quan đến hàng hoá vận chuyển bằng đường biển, các loại và nội dung các loại hợp đồng liên quan đến VTB, giới hạn một số công việc liên quan đến tàu và hàng,....

g. Người biên soạn: Bộ môn Luật Hàng hải*h. Nội dung chi tiết học phần:*

TÊN CHƯƠNG MỤC	PHÂN PHỐI SỐ TIẾT					
	TS	LT	BT	TH	HD	KT
Chương 1. Khái niệm chung về vận tải	2	2				
1.1. Định nghĩa, phân loại vận tải	1	1				
1.2. Đặc điểm của sản xuất vận tải	0.5	0.5				
1.3. Vai trò của vận tải trong nền kinh tế quốc dân	0.5	0.5				
Chương 2. Cơ sở vật chất kỹ thuật của ngành vận tải biển	3	3				
2.1. Đội tàu	0.5	0.5				
2.2. Hải cảng	1	1				
2.3. Nhà máy đóng và sửa chữa tàu.	0.5	0.5				

TÊN CHƯƠNG MỤC	PHÂN PHỐI SỐ TIẾT					
	TS	LT	BT	TH	HD	KT
2.4. Luồng lạch và thiết bị trên luồng lạch	0.5	0.5				
2.5. Các phương tiện thông tin liên lạc.	0.5	0.5				
Chương 3. Chi phí khai thác và giá thành vận chuyển	2	2				
3.1. Chi phí khai thác	1	1				
3.2. Giá thành vận chuyển	1	1				
Chương 4. Các bên hữu quan trong ngành vận tải biển	3	3				
4.1. Khái niệm chung về các bên hữu quan trong ngành VTB	1	1				
4.2. Các cơ quan hữu quan liên quan trực tiếp đến ngành VTB Việt Nam	1	1				
4.3. Các tổ chức hàng hải quốc tế	1	1				
Chương 5. Các hình thức khai thác tàu	4	4				
5.1. Các phương pháp khai thác tàu	1	1				
5.2. Khai thác tàu chuyển	1	1				
5.3. Khai thác tàu chợ	1	1				
5.4. Khai thác tàu định hạn	1	1				
Chương 6. Tài liệu chuyển đi và giấy tờ liên quan đến hàng hoá	5	3		4		
6.1. Tài liệu chuyển đi	1	1				
6.2. Các giấy tờ hàng hoá	4	2		4		
Chương 7. Tính chất và giới hạn một số công tác phục vụ tàu và hàng	4	4				
7.1. Đại lý tàu biển và môi giới hàng hải.	1	1				
7.2. Công tác bảo quản và vận chuyển hàng hải	1	1				
7.3. Công tác giao nhận hàng hoá	0.5	0.5				
7.4. Công tác hoa tiêu	1	1				
7.5. Công tác giám định và kiểm nghiệm hàng hoá	0.5	0.5				
Chương 8. Một số loại hợp đồng liên quan đến VTB	6	3		6		
8.1. Hợp đồng mua bán ngoại thương	2	1		2		
8.2. Đơn lưu kho	2	1		2		
8.3. Hợp đồng thuê tàu	2	1		2		
Kiểm tra	1					1

i. Mô tả cách đánh giá học phần:

Hình thức và tiêu chuẩn đánh giá sinh viên : Thi vấn đáp, hoặc thi tự luận.

Thang điểm : Thang điểm chữ A+, A, B+, B, C+, C, D+, D, F.

Điểm đánh giá học phần: $Z = 0.5X + 0.5Y$

+ Cách tính điểm X theo quy chế

j. Giáo trình:

1. Bùi Thanh Sơn, Nguyễn Kim Phương, Phạm Vũ Tuấn. *Giáo trình Kinh tế Khai thác thương vụ*. Đại học hàng hải 2012.

k. Tài liệu tham khảo:

1. KS. Ngô Phan Vượng. *Kinh tế vận tải biển và khai thác tàu buôn*. Trường Đại học Hàng hải, 1996.

2. TS. Phạm Văn Cương. *Tổ chức khai thác đội tàu vận tải biển, Tập 1*. Trường Đại học Hàng hải, 2003.

3. TS. Vương Toàn Thuyên. *Kinh tế vận tải biển*. Trường Đại học Hàng hải, 1991.

4. ThS. Vũ Bích Thảo. *Thương vụ vận tải biển*. Trường Đại học Hàng hải, 2003.

5. Cục Hàng hải Việt Nam. *Sổ tay pháp luật Hàng hải*. NXB GTVT. Hà Nội, 2005.

6. Choley & Giles. *Shipping law*. 1987.

7. J. Bes. Barker & Howard LTD, *Chartering and shipping terms*. Vol 1, 1977.

8. F.N. Hopkins. Glasgow, *Business and law for the ship's Master*, 1979.

9. Incoterms 2000, 2010

10.26. Các vấn đề pháp lý về tàu biển và thuyền bộ tàu biển

Mã HP: 11410

a. Số tín chỉ: 02TC

BTL ☐

ĐAMH ☐

b. Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Luật hàng hải

c. Phân bổ thời gian:

- Tổng số (TS): 30 tiết

- Lý thuyết (LT): 24 tiết

- Thực hành (TH): 10 tiết

- Bài tập (BT): 0 tiết

- Hướng dẫn BTL/ĐAMH (HD): 0 tiết

- Kiểm tra (KT): 01 tiết

d. Điều kiện đăng ký học phần:

Sinh viên phải học và thi đạt các học phần sau mới được đăng ký học học phần này:
Lý luận chung về Nhà nước và Pháp luật.

e. Mục đích, yêu cầu của học phần:

- *Kiến thức*: Thông qua học phần, sinh viên nắm kiến thức một cách có hệ thống và khoa học các vấn đề pháp lý về tàu biển và thuyền bộ tàu biển. Tạo cơ sở nhận thức về mặt phương pháp luận để sinh viên có khả năng tiếp thu và giải quyết được các vấn đề thực tiễn pháp lý liên quan, là cơ sở để phát triển nghề nghiệp cho sinh viên sau khi ra trường.

- *Kỹ năng*: Hình thành và phát triển kỹ năng tìm kiếm thông tin, xử lý thông tin và đánh giá thông tin. Đồng thời vận dụng kiến thức vào các tình huống cụ thể.

- *Thái độ*: Nâng cao năng lực tư duy logic, độc lập suy nghĩ của sinh viên; hình thành niềm say mê nghiên cứu khoa học, tinh thần không ngừng học hỏi; hình thành thái độ học tập đúng và nâng cao ý thức học tập

f. Mô tả nội dung học phần:

Học phần bao gồm các nội dung chính sau:

- Khái niệm tàu biển trong luật Hàng hải;
- Đăng ký tàu biển Việt Nam;
- Tàu biển trong các quan hệ pháp luật;
- Những giấy tờ có ý nghĩa pháp lý quan trọng của tàu biển;
- Khái niệm về thuyền bộ tàu biển;
- Khái niệm về thuyền viên tàu biển;
- Danh hiệu bằng cấp sỹ quan tàu biển;
- Tiêu chuẩn chuyên môn của thuyền viên;
- Chứng chỉ chuyên môn của thuyền viên;
- Định biên an toàn tối thiểu;
- Chế độ lao động của thuyền viên;
- Quyền lợi và trách nhiệm của thuyền viên.

g. Người biên soạn: Bộ môn Luật hàng hải

h. Nội dung chi tiết học phần:

TÊN CHƯƠNG MỤC	PHÂN PHỐI SỐ TIẾT				
	TS	LT	XM	BT	KT
CHƯƠNG 1. Các vấn đề pháp lý về tàu biển	15	12	6		
1.1. Khái niệm tàu biển trong luật Hàng hải	3	3			
1.1.1 Khái niệm tàu biển trong luật Hàng hải	1	1			
1.1.2. Phân loại tàu biển	2	2			
1.2 Đăng ký tàu biển Việt Nam	4	3	2		
1.2.1. Nguyên tắc đăng ký tàu biển	1	1			
1.2.2. Điều kiện đăng ký tàu biển	2	1	2		
1.2.3. Sổ đăng ký tàu biển	1	1			
1.3. Tàu biển trong các quan hệ pháp luật	4	3	2		
1.3.1. Trong quan hệ hành chính, kinh tế	1	1			
1.3.2. Trong quan hệ dân sự	2	1	2		
1.3.3. Quyền miễn trừ tư pháp của tàu biển quốc gia	1	1			
1.4. Những giấy tờ có ý nghĩa pháp lý quan trọng của tàu biển	4	3	2		
1.4.1. Những giấy tờ có ý nghĩa pháp lý quan trọng của tàu biển do Cục Hàng hải cấp	1	1			

TÊN CHƯƠNG MỤC	PHÂN PHỐI SỐ TIẾT				
	TS	LT	XM	BT	KT
<i>1.4.2. Những giấy tờ có ý nghĩa pháp lý quan trọng của tàu biển do Cơ quan Đăng kiểm cấp</i>	2	1	2		
<i>1.4.3. Những giấy tờ có ý nghĩa pháp lý quan trọng của tàu biển do Cơ quan khác cấp</i>	1	1			
CHƯƠNG 2. Các vấn đề pháp lý về Thuyền bộ tàu biển	14	12	4		
2.1. Khái niệm về thuyền bộ tàu biển	8	7	2		
2.1.1. Khái niệm về thuyền viên tàu biển	1	1			
2.1.2. Danh hiệu bằng cấp sỹ quan tàu biển	1	1			
2.1.3. Tiêu chuẩn chuyên môn của thuyền viên	2	2			
2.1.4. Chứng chỉ chuyên môn của thuyền viên	2	1	2		
2.1.5. Định biên an toàn tối thiểu	2	2			
2.2. Chế độ lao động của thuyền viên	4	3	2		
2.3. Quyền lợi và trách nhiệm của thuyền viên	2	2			
Kiểm tra	1				1

i. Mô tả cách đánh giá học phần:

Hình thức và tiêu chuẩn đánh giá sinh viên : Thi vấn đáp, hoặc thi tự luận.

Thang điểm : Thang điểm chữ A+, A, B+, B, C+, C, D+, D, F.

Điểm đánh giá học phần: $Z = 0.5X + 0.5Y$

+ Cách tính điểm X theo quy chế.

j. Giáo trình: Tài liệu học tập, Trường đại học Hàng hải Việt Nam

k. Tài liệu tham khảo:

1. Bộ luật Hàng hải Việt Nam. NXB Pháp lý. Hà Nội – 2005.

2. Cục Hàng hải Việt Nam. Các công ước quốc tế về hàng hải. NXB Giao thông Vận tải. Hà Nội – 1994.

3. Cục Hàng hải Việt Nam. Các văn bản pháp luật về hàng hải. NXB Chính trị quốc gia. Hà Nội – 2000. Tập 1,2,3,4.

4. Cục Hàng hải Việt Nam. Sổ tay Pháp luật hàng hải. NXB Giao thông Vận tải. Hà Nội - 2003.

5. Thông tư 11/2012/TT-BGTVT. Quy định về tiêu chuẩn chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn của thuyền viên và định biên an toàn tối thiểu của tàu biển Việt Nam.

10.27. Các vấn đề pháp lý về bắt giữ tàu biển

Mã HP: 11412

a. Số tín chỉ: 2TC

BTL ☐

ĐAMH ☐

b. Đơn vị giảng dạy: Khoa Hàng hải

c. Phân bố thời gian:

- Tổng số (TS):	30 tiết	- Lý thuyết (LT):	24 tiết
- Thực hành (TH):	10 tiết	- Bài tập (BT):	0 tiết
- Hướng dẫn BTL/ĐAMH (HD):	0 tiết	- Kiểm tra (KT):	01 tiết

d. Điều kiện đăng ký học phần: không

e. Mục đích, yêu cầu của học phần:

- *Kiến thức*: Thông qua học phần, sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về pháp luật nói chung và những kiến thức cần thiết của luật Hàng hải nói riêng để vận dụng trong công tác sau này trong quá trình sản xuất vận tải biển trong và ngoài nước, đặc biệt trong thương mại quốc tế bằng đường biển.

- *Kỹ năng*: Hình thành và phát triển kỹ năng tìm kiếm thông tin, xử lý thông tin và đánh giá thông tin. Đồng thời vận dụng kiến thức vào các tình huống cụ thể.

- *Thái độ*: Nâng cao năng lực tư duy logic, độc lập suy nghĩ của sinh viên; hình thành niềm say mê nghiên cứu khoa học, tinh thần không ngừng học hỏi; hình thành thái độ học tập đúng và nâng cao ý thức học tập

f. Mô tả nội dung học phần:

Nội dung chính của học phần: Giới thiệu khái niệm về bắt giữ tàu biển, luật áp dụng khi bắt giữ tàu biển của Việt nam và quốc tế, thực tiễn bắt giữ và cách giải quyết khi tàu biển bị bắt giữ.

g. Người biên soạn: Bộ môn Luật Hàng hải

h. Nội dung chi tiết học phần:

TÊN CHƯƠNG MỤC	PHÂN PHỐI SỐ TIẾT					
	TS	LT	BT	TL	HD	KT
CHƯƠNG 1: Giới thiệu khái niệm về bắt giữ tàu biển	4	4				
1.1. Giới thiệu khái niệm bắt giữ tàu biển	2	2				
1.2. Giới thiệu chung các công ước quốc tế về bắt giữ tàu biển	2	2				
CHƯƠNG 2: vấn đề bắt giữ tàu biển ở một số quốc gia	12	10		4		
2.1. Bắt giữ tàu theo luật nước Anh, Mỹ	3	2		2		
2.2. Bắt giữ tàu theo luật nước Trung quốc	2	2				
2.3. Bắt giữ tàu theo luật nước Nhật bản	3	2		2		
2.4. Bắt giữ tàu theo luật Hàn quốc	2	2				
2.5 Bắt giữ tàu theo luật các nước khối tiếng Pháp	2	2				
CHƯƠNG 3 : Vấn đề bắt giữ tàu biển ở Việt nam hiện nay	13	10		6		
3.1. Giới thiệu một số vụ bắt giữ tàu điển hình	6	4		4		
3.2. Giới thiệu luật Việt nam liên quan đến bắt giữ	3	3				

TÊN CHƯƠNG MỤC	PHÂN PHỐI SỐ TIẾT					
	TS	LT	BT	TL	HD	KT
tàu biển						
3.3 Đánh giá thực trạng và các giải pháp cho việc hoàn thiện bắt giữ tàu ở Việt nam	4	3		2		
Kiểm tra	1					1

i. Mô tả cách đánh giá học phần:

Hình thức và tiêu chuẩn đánh giá sinh viên : Thi vấn đáp, hoặc thi tự luận.

Thang điểm : Thang điểm chữ A+, A, B+, B, C+, C, D+, D, F.

Điểm đánh giá học phần: $Z = 0.5X + 0.5Y$

+ Cách tính điểm X theo quy chế.

j. Giáo trình: Tài liệu học tập, Trường đại học Hàng hải Việt Nam

k. Tài liệu tham khảo:

1. “Bộ luật Hàng hải Việt Nam” - NXB Pháp lý. Hà Nội – 2005
2. Chrley & Giles' “Shipping law” - NXB Giao thông Vận tải. Hà Nội - 1992.
3. Cục Hàng hải Việt Nam “Các công ước quốc tế về hàng hải” NXB GTVT Hà Nội.
4. Cục Hàng hải Việt Nam “Các văn bản pháp luật về hàng hải” - NXB Chính trị quốc gia. Hà Nội.
5. Công ước về bắt giữ tàu biển 1952.
6. Công ước về bắt giữ tàu biển 1999.
7. Công ước quốc tế về quyền cầm cố và cầm giữ Hàng hải 1993
8. Pháp lệnh về bắt giữ tàu biển của Việt nam 2008
9. Nghị định 57/2010/NĐ-CP Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành pháp lệnh thủ tục bắt giữ tàu biển

10.28. Anh văn chuyên ngành luật

Mã HP: 25450

a. Số tín chỉ: 04 TC

BTL ☐

ĐAMH ☐

b. Đơn vị giảng dạy: Khoa Ngoại ngữ

c. Phân bổ thời gian:

- Tổng số (TS): 60 tiết.

- Lý thuyết (LT): 32 tiết.

- Thực hành (TH): 20 tiết.

- Bài tập (BT): 18 tiết.

- Hướng dẫn BTL/ĐAMH (HD): 0 tiết.

- Kiểm tra (KT): 02 tiết.

d. Điều kiện đăng ký học phần: không

e. Mục đích, yêu cầu của học phần:

- Kiến thức: Nắm vững một số vốn từ vựng tiếng Anh chuyên ngành thương mại luật hàng hải.

- Kỹ năng: rèn luyện kỹ năng đọc hiểu có mục đích tài liệu chuyên ngành luật thương mại hàng hải, giao tiếp nghe nói bằng tiếng Anh một cách hiệu quả.

- *Thái độ*: Nâng cao năng lực tư duy logic, độc lập suy nghĩ của sinh viên; hình thành niềm say mê đối với tiếng anh, tinh thần không ngừng học hỏi; hình thành thái độ học tập đúng và nâng cao ý thức học tập. Tạo tiền đề để người học tiếp cận với các ngôn ngữ khác.

f. Mô tả nội dung học phần: Học phần giới thiệu, thực hành các kỹ năng đọc (hiểu cấu trúc văn bản, đọc lướt, đọc quét, đoán nghĩa từ dựa vào cấu trúc từ, đoán nghĩa từ theo văn cảnh) và các hiện tượng ngữ pháp thường gặp trong văn bản chuyên môn....

Học phần cung cấp các tình huống thực hành từ vựng, các thành ngữ hàng hải chuẩn IMO và thực hành nghe nói sau: Các thủ tục và công việc cần làm để chuẩn bị cho tàu vào cảng, công việc của đại lý khi tàu vào cảng, công việc xếp dỡ hàng hóa tại cảng...

g. Người biên soạn: Khoa Ngoại ngữ

h. Nội dung chi tiết học phần:

TÊN CHƯƠNG MỤC	PHÂN PHỐI SỐ TIẾT					
	TS	LT	BT	TH	HD	KT
Bài 1. Businessman	11	5,0	3,0	3,0		
1.1. Pre-reading activities	1,0	0,5	0,5			
1.2. Text reading, words and expression	3,0	2,0	1,0			
1.3. Text translation and dialogues	3,0	2,0	1,0			
1.4. Text questions	1,0	0,5	0,5			
1.5. Listening and speaking practice	3,0			3,0		
Bài 2. Contract of transport by sea	11	5,0	3,0	3,0		
2.1. Pre-reading activities	1,0	0,5	0,5			
2.2. Text reading, words and expression	3,0	2,0	1,0			
2.3. Text translation and dialogues	3,0	2,0	1,0			
2.4. Text questions	1,0	0,5	0,5			
2.5. Listening and speaking practice	3,0			3,0		
Bài 3. Contract of marine services	10	4,0	3,0	3,0		
3.1. Pre-reading activities	1,0	0,5	0,5			
3.2. Text reading, words and expression	2,5	1,5	1,0			
3.3. Text translation and dialogues	2,5	1,5	1,0			
3.4. Text questions	1,0	0,5	0,5			
3.5. Listening and speaking practice	3,0			3,0		
Kiểm tra giữa kỳ 1	1,0					1,0
Bài 4. Cargo work	12	5,0	3,0	4,0		
4.1. Pre-reading activities	1,0	0,5	0,5			
4.2. Text reading, words and expression	3,0	2,0	1,0			
4.3. Text translation and dialogues	3,0	2,0	1,0			
4.4. Text questions	1,0	0,5	0,5			

TÊN CHƯƠNG MỤC	PHÂN PHỐI SỐ TIẾT					
	TS	LT	BT	TH	HD	KT
4.5. Listening and speaking practice	4,0			4,0		
Bài 5. Marine labour	12	5,0	3,0	4,0		
5.1. Pre-reading activities	1,0	0,5	0,5			
5.2. Text reading, words and expression	3,0	2,0	1,0			
5.3. Text translation and dialogues	3,0	2,0	1,0			
5.4. Text questions	1,0	0,5	0,5			
5.5. Listening and speaking practice	4,0			4,0		
Kiểm tra giữa kỳ 2	1,0					1,0
Bài 6: Marine insurance	10	4,0	3,0	3,0		
6.1. Pre-reading activities	1,0	0,5	0,5			
6.2. Text reading, words and expression	2,5	1,5	1,0			
6.3. Text translation and dialogues	2,5	1,5	1,0			
6.4. Text questions	1,0	0,5	0,5			
6.5. Listening and speaking practice	3,0			3,0		
Ôn tập, tổng kết	2,0	2,0				

i. Mô tả cách đánh giá học phần:

Điều kiện để được dự thi cuối học kỳ:

- Số tiết tham gia trên lớp của sinh viên phải $\geq 75\%$ tổng số tiết của học phần;
- Các điểm $X_i \geq 4$ với $i = 1, 2$ Cho 2 bài kiểm tra điều kiện (nói – viết)

Điểm X được tính là trung bình cộng của 2 điểm kiểm tra điều kiện:

$$X = (KT1 + KT2) / 2$$

Điểm đánh giá học phần : $Z = 0,3X + 0,7Y$

Thang điểm A+, A, B+, B, C+, C, D+, D, F.

Hình thức thi vấn đáp.

j. Giáo trình:

1. Bobrowski, *Business English for Seamen*, Trường Đại học Hàng hải.

k. Tài liệu tham khảo:

1. Bộ môn Ngoại ngữ, *A course of English for Seafarers*, Đại học Hàng hải Việt Nam, 2002.

2. Shoshiro Nakanishi, *Welcome on Board*, All Japan Seamen's Union, 1998

10.29. Quản lý rủi ro hàng hải

Mã HP: 11438

a. Số tín chỉ: 2 TC

BTL ☐

ĐAMH ☐

b. Đơn vị giảng dạy: Khoa Hàng hải

c. Phân bổ thời gian:

- Tổng số (TS):	30 tiết	- Lý thuyết (LT):	24 tiết
- Thực hành (TH):	10 tiết	- Bài tập (BT):	0 tiết
- Hướng dẫn BTL/ĐAMH (HD):	0 tiết	- Kiểm tra (KT):	01 tiết

d. Điều kiện đăng ký học phần: Không

e. Mục đích, yêu cầu của học phần:

- *Kiến thức*: Học viên nắm được các khái niệm về quản lý rủi ro hàng hải, nhận dạng được các trở ngại và tiên đoán được các rủi ro có thể xảy ra, từ đó hạn chế thấp nhất các tai nạn hàng hải, các sự cố có thể xảy ra và biện pháp hạn chế, giảm thiểu thiệt hại do các tai nạn hàng hải gây ra.

- *Kỹ năng*: Hình thành và phát triển kỹ năng tìm kiếm thông tin, xử lý thông tin và đánh giá thông tin. Đồng thời vận dụng kiến thức vào các tình huống cụ thể.

- *Thái độ*: Nâng cao năng lực tư duy logic, độc lập suy nghĩ của sinh viên; hình thành niềm say mê nghiên cứu khoa học, tinh thần không ngừng học hỏi; hình thành thái độ học tập đúng và nâng cao ý thức học tập

f. Mô tả nội dung học phần:

Học phần giới thiệu chung về các rủi ro trong lĩnh vực hoạt động hàng hải, các phương pháp đánh giá rủi ro hàng hải, từ đó xây dựng cho học viên những kỹ năng phát triển phương pháp đánh giá rủi ro hàng hải, xây dựng được quy trình quản lý rủi ro hàng hải. Học viên cũng được cung cấp các bài tập mẫu, được giảng viên hướng dẫn làm các bài thực hành về quản lý rủi ro hàng hải.

g. Người biên soạn: Trần Văn Lượng, Khoa Hàng hải

h. Nội dung chi tiết học phần:

TÊN CHƯƠNG MỤC	PHÂN PHỐI SỐ TIẾT					
	TS	LT	BT	TL	HD	KT
CHƯƠNG 1. Tổng quan về quản lý rủi ro hàng hải	4	4				
1.1. Các khái niệm	1	1				
1.2. Các yêu cầu pháp lý trong quản lý rủi ro hàng hải	1	1				
1.3. Vai trò, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc quản lý rủi ro hàng hải	1	1				
1.4. Phân loại rủi ro hàng hải	1	1				
CHƯƠNG 2. Phương pháp đánh giá rủi ro hàng hải	8	8				
2.1. Các phương pháp đánh giá rủi ro hàng hải	2	2				
2.2. Nhận dạng các trở ngại gặp phải trong quá trình đánh giá rủi ro hàng hải	3	3				
2.3. Xây dựng kế hoạch đánh giá rủi ro hàng hải	3	3				
CHƯƠNG 3. Phương pháp quản lý rủi ro hàng hải	12	12				
3.1. Các phương pháp quản lý rủi ro hàng hải	3	3				
3.2. Phát triển kế hoạch đánh giá và quản lý rủi ro hàng	3	3				

TÊN CHƯƠNG MỤC	PHÂN PHỐI SỐ TIẾT					
	TS	LT	BT	TL	HD	KT
hải						
3.3. Thiết lập nhóm quản lý rủi ro hàng hải	3	3				
3.4. Phát triển kỹ năng lãnh đạo nhóm quản lý rủi ro hàng hải	3	3				
CHƯƠNG 4. Bài tập mẫu về quản lý rủi ro hàng hải	5			10		
4.1. Các tình huống giả định	2			4		
4.2. Các bài tập mẫu	3			6		
Kiểm tra	1					1

i. Mô tả cách đánh giá học phần:

Hình thức và tiêu chuẩn đánh giá sinh viên : Thi vấn đáp, hoặc thi tự luận.

Thang điểm : Thang điểm chữ A+, A, B+, B, C+, C, D+, D, F.

Điểm đánh giá học phần: $Z = 0.5X + 0.5Y$

+ Cách tính điểm X theo quy chế.

j. Giáo trình: Tài liệu học tập, Trường đại học Hàng hải Việt Nam

k. Tài liệu tham khảo:

1. Association of Singapore Marine Industry, Maritime Risk Management Documents .
2. SOLAS Training Manual.

10.30. Các công ước quốc tế về an toàn Hàng hải của IMO

Mã HP: 11449

a. Số tín chỉ: 3TC

BTL ☐

ĐAMH ☐

b. Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Luật Hàng hải

c. Phân bổ thời gian:

- Tổng số (TS):	45 tiết	- Lý thuyết (LT):	39 tiết
- Thực hành (TH):	10 tiết	- Bài tập (BT):	0 tiết
- Hướng dẫn BTL/ĐAMH (HD):	0 tiết	- Kiểm tra (KT):	01 tiết

d. Điều kiện đăng ký học phần:

Sinh viên phải hoàn hành học phần: Công pháp quốc tế

e. Mục đích, yêu cầu của học phần:

- *Kiến thức*: Thông qua môn học, sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về pháp luật quốc tế về an toàn hàng hải vận dụng trong công tác sau này trong quá trình sản xuất vận tải biển trong và ngoài nước, đặc biệt trong thương mại quốc tế bằng đường biển.

- *Kỹ năng*: Hình thành và phát triển kỹ năng tìm kiếm thông tin, xử lý thông tin và đánh giá thông tin. Đồng thời vận dụng kiến thức vào các tình huống cụ thể.

- *Thái độ*: Nâng cao năng lực tư duy logic, độc lập suy nghĩ của sinh viên; hình thành niềm say mê nghiên cứu khoa học, tinh thần không ngừng học hỏi; hình thành thái độ học tập đúng và nâng cao ý thức học tập

f. Mô tả nội dung học phần:

Nội dung chính của học phần: Giới thiệu về Tổ chức Hàng hải Quốc tế (IMO) và các công ước của IMO; Các công ước chính của IMO về an toàn hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm biển SOLAS 74, MARPOL – 73/78, Các công ước khác liên quan LOADLINE 66, TONNAGE 69, STCW 78/2010, COLREG – 72, BWM - 2004

g. Người biên soạn: ThS. Phạm Vũ Tuấn – Bộ môn Luật Hàng hải

h. Nội dung chi tiết học phần:

TÊN CHƯƠNG MỤC	PHÂN PHỐI SỐ TIẾT					
	TS	LT	BT	TH	HD	KT
CHƯƠNG 1: Giới thiệu về Tổ chức Hàng hải Quốc tế (IMO) và các công ước của IMO	4	4				
1.1. Giới thiệu về Tổ chức Hàng hải Quốc tế (IMO)	2	2				
1.2. Giới thiệu chung các công ước về hàng hải của IMO	2	2				
CHƯƠNG 2: Các công ước của IMO về an toàn hàng hải	40	35		10		
2.1. Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển SOLAS – 74	9	5				
2.2. Công ước quốc tế về mạn khô tàu biển – LOADLINE – 66	7	6		2		
2.3. Công ước quốc tế về đo dung tích tàu biển TONNAGE – 69	7	6		2		
2.4. Công ước quốc tế về tiêu chuẩn huấn luyện cấp bằng và trực ca cho thuyền viên – STCW 78/2010	7	6		2		
2.5. Công ước quốc tế về tránh va trên biển COLREG – 72	7	6		2		
2.6. Công ước về tìm kiếm cứu nạn SAR – 79	7	6		2		
Kiểm tra	1					1

i. Mô tả cách đánh giá học phần:

Hình thức và tiêu chuẩn đánh giá sinh viên : Thi viết rọc phách.

Thang điểm : Thang điểm chữ A+, A, B+, B, C+, C, D+, D, F.

Điểm đánh giá học phần: $Z = 0.5X + 0.5Y$

+ Cách tính điểm X theo quy chế

j. Giáo trình: Tài liệu học tập, Trường đại học Hàng hải Việt Nam

k. Tài liệu tham khảo:

1. A.K. Zudro và I.Kh.Dzaval “*Pháp luật Hàng hải*” - NXB Vận tải biển Matxcova.1974.
2. “*Bộ luật Hàng hải Việt Nam*” - NXB Pháp lý. Hà Nội – 2005
3. Chrley & Giles' “*Shipping law*” - NXB Giao thông Vận tải. Hà Nội - 1992.

4. Cục Hàng hải Việt Nam “*Các công ước quốc tế về hàng hải*” NXB GTVT Hà Nội.
5. Cục Hàng hải Việt Nam “*Các văn bản pháp luật về hàng hải*” - NXB Chính trị quốc gia. Hà Nội.
6. Cục Hàng hải Việt Nam “*Sổ tay Pháp luật hàng hải*” - NXB GTVT. Hà Nội - 2003.
7. F.N.Hokins “*Business and Law for the ship’s Master*” Brown son &Ferguson Ltd. 1987.
8. Nguyễn Chúng “*Luật hàng hải*” (Những vấn đề cơ bản) – NXB Đồng Nai - 2000.
9. Trang Web của IMO: www.imo.org

10.31. Quản lý Nhà nước về Hàng hải

Mã HP: 11451

a. *Số tín chỉ:* 2 TC

BTL ☐

ĐAMH ☐

b. *Đơn vị giảng dạy:* Khoa Hàng hải

c. *Phân bố thời gian:*

- Tổng số (TS):	30 tiết	- Lý thuyết (LT):	24 tiết
- Thực hành (TH):	10 tiết	- Bài tập (BT):	0 tiết
- Hướng dẫn BTL/ĐAMH (HD):	0 tiết	- Kiểm tra (KT):	01 tiết

d. *Điều kiện đăng ký học phần:* không

e. *Mục đích, yêu cầu của học phần:*

- *Kiến thức:* Sinh viên nhận dạng các hoạt động quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực Hàng hải, xác định được cơ quan có thẩm quyền và nội dung quản lý.

- *Kỹ năng:* Hình thành và phát triển kỹ năng tìm kiếm thông tin, xử lý thông tin và đánh giá thông tin. Đồng thời vận dụng kiến thức vào các tình huống cụ thể.

- *Thái độ:* Nâng cao năng lực tư duy logic, độc lập suy nghĩ của sinh viên; hình thành niềm say mê nghiên cứu khoa học, tinh thần không ngừng học hỏi; hình thành thái độ học tập đúng và nâng cao ý thức học tập

f. *Nội dung học phần*

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về: Khái niệm và các nguyên tắc đặt ra trong quản lý Nhà nước về Hàng hải, Chủ thể có trách nhiệm quản lý, Nội dung của các hoạt động quản lý, bao gồm: Xây dựng, ban hành và thực thi các văn bản pháp luật về Hàng hải; Quản lý kết cấu hạ tầng phục vụ cho hoạt động hàng hải; Quản lý vận tải biển và các dịch vụ hàng hải; Quản lý tàu biển và thuyền bộ; Tham gia giải quyết các tranh chấp, khiếu nại về hàng hải; Hợp tác quốc tế về hàng hải.

g. *Người biên soạn:* Khoa Hàng hải

h. *Nội dung chi tiết học phần:*

TÊN CHƯƠNG MỤC	PHÂN PHỐI SỐ TIẾT					
	TS	LT	BT	TH	HD	KT
CHƯƠNG 1. Khái quát về quản lý nhà nước	4	4				
1.1. Lý luận về nhà nước	2	2				
1.2. Quản lý nhà nước và nền hành chính nhà nước	2	2				

TÊN CHƯƠNG MỤC	PHÂN PHỐI SỐ TIẾT					
	TS	LT	BT	TH	HD	KT
CHƯƠNG 2. Khái quát về lĩnh vực hàng hải	3	3				
2.1. Đặc trưng của lĩnh vực hàng hải	1	1				
2.2. Sự cần thiết của quản lý nhà nước về hàng hải	2	1				
2.3. Mục tiêu, đối tượng, phạm vi và nguyên tắc quản lý nhà nước về hàng hải	1	1				
CHƯƠNG 3. Trách nhiệm quản lý nhà nước về hàng hải	2	2				
CHƯƠNG 4. Nội dung quản lý nhà nước về hàng hải	20	15		10		
4.1. Xây dựng, ban hành và thực thi các văn bản pháp luật về Hàng hải	2	2				
4.2. Quản lý kết cấu hạ tầng phục vụ cho hoạt động hàng hải	5	3		4		
4.3. Quản lý vận tải biển và các dịch vụ hàng hải	5	3		4		
4.4. Quản lý tàu biển và thuyền bộ	4	3		2		
4.5. Tham gia giải quyết các tranh chấp, khiếu nại về hàng hải	3	3				
4.6. Hợp tác quốc tế về hàng hải	3	1				
Kiểm tra	1					1

i. Mô tả cách đánh giá học phần:

Hình thức và tiêu chuẩn đánh giá sinh viên : Thi vấn đáp, hoặc thi tự luận.

Thang điểm : Thang điểm chữ A+, A, B+, B, C+, C, D+, D, F.

Điểm đánh giá học phần: $Z = 0.5X + 0.5Y$

+ Cách tính điểm X theo quy chế. Giáo trình:

j. Giáo trình: Tài liệu học tập, Trường đại học Hàng hải Việt Nam

k. Tài liệu tham khảo

1. Bộ luật Hàng hải Việt Nam 2015

2. Nghị định 160/2016/NĐ-CP của Chính phủ ngày 29/11/2016 về Điều kiện kinh doanh vận tải biển, kinh doanh dịch vụ đại lý tàu biển và dịch vụ lai dắt tàu biển.

10.32. Các sự cố và tai nạn hàng hải

Mã HP: 11413

a. Số tín chỉ: 02 TC

BTL ☐

ĐAMH ☐

b. Đơn vị giảng dạy: Khoa Hàng hải

c. Phân bổ thời gian:

- Tổng số (TS): 30 tiết

- Lý thuyết (LT): 24 tiết

- Thực hành (TH): 10 tiết

- Bài tập (BT): 0 tiết

- Hướng dẫn BTL/ĐAMH (HD): 0 tiết

- Kiểm tra (KT): 01 tiết

d. Điều kiện đăng ký học phần: không

e. Mục đích, yêu cầu của học phần:

- *Kiến thức*: Thông qua học phần, sinh viên có thể là tìm ra nguyên nhân, đưa ra các biện pháp giảm thiểu các tổn thất và hướng dẫn các nghiệp vụ cho chủ tàu, thuyền bộ...; nắm vững các vấn đề pháp lý nảy sinh quá trình giải quyết các tranh chấp các vụ tai nạn và sự cố hàng hải.

- *Kỹ năng*: Hình thành và phát triển kỹ năng tìm kiếm thông tin, xử lý thông tin và đánh giá thông tin. Đồng thời vận dụng kiến thức vào các tình huống cụ thể.

- *Thái độ*: Nâng cao năng lực tư duy logic, độc lập suy nghĩ của sinh viên; hình thành niềm say mê nghiên cứu khoa học, tinh thần không ngừng học hỏi; hình thành thái độ học tập đúng và nâng cao ý thức học tập

f. Giới thiệu nội dung học phần:

Các tai nạn và sự cố hàng hải là một trong những học phần bắt buộc trong phần kiến thức chuyên ngành. Đối tượng nghiên cứu và điều chỉnh của nó là những mối quan hệ phát sinh trong các tai nạn sự và cố hàng hải. Học phần cung cấp kiến thức về tai nạn và va chạm tàu biển, cứu hộ, trục vớt, phòng chống ô nhiễm và sự cố hàng hải.

g. Người biên soạn: ThS. Nguyễn Công Hoan – Bộ môn Luật Hàng hải

h. Nội dung chi tiết học phần:

TÊN CHƯƠNG MỤC	PHÂN PHỐI SỐ TIẾT					
	TS	LT	BT	TH	HD	KT
CHƯƠNG 1. Tai nạn và va chạm tàu	9	7		4		
1.1. Một số nét chung về tai nạn và va chạm tàu biển	1	1				
1.2. Điều kiện quy kết trách nhiệm dân sự khi xảy ra tai nạn và va chạm tàu	1	1				
1.3. Các trường hợp bồi thường và nguyên tắc bồi thường	1	1				
1.4. Những thiệt hại phải bồi thường	2	1		2		
1.5. Thẩm quyền xét xử những tranh chấp về tai nạn và va chạm tàu	2	1		2		
1.6. Công ước Brucxen 1910	2	2				
CHƯƠNG 2. Cứu hộ hàng hải	6	5		2		
2.1. Nghĩa vụ đối với công tác cứu hộ	1	1				
2.2. Tiền công cứu hộ	1	1				
2.3. Hợp đồng cứu hộ	1	1				
2.4. Công ước về cứu hộ hàng hải SALVAGE 1989	3	2		2		

CHƯƠNG 3. Trục vớt tài sản chìm đắm	3	3				
3.1. Khái niệm về tài sản chìm đắm	1	1				
3.2. Thẩm quyền xử lý trục vớt tài sản chìm đắm	1	1				
3.3. Nghĩa vụ của chủ tài sản bị chìm đắm	1	1				
CHƯƠNG 4. Lai dắt tàu biển	4	3		2		
4.1. Khái niệm về lai dắt tàu biển	1	1				
4.2. Trách nhiệm và quyền hạn trong lai dắt tàu biển	1	1				
4.3. Giải quyết các tranh chấp trong hợp đồng lai dắt	2	1		2		
CHƯƠNG 5. Phòng chống ô nhiễm biển	3	3				
1.5.1. Tầm quan trọng việc phòng chống ô nhiễm biển	1	1				
1.5.2. Các nguồn ô nhiễm biển do tàu biển gây ra	1	1				
1.5.3. Các văn bản pháp lý bảo vệ môi trường biển	1	1				
CHƯƠNG 6. Sự cố hàng hải	4	3		2		
1.6.1. Các sự cố hàng hải trên tàu biển	1	1				
1.6.2. Các biện pháp phối hợp giảm thiểu tổn thất do sự cố gây ra	1	1				
1.6.3. Quy trình báo cáo, giải quyết sự cố	2	1		2		
Kiểm tra	1					1

i. Mô tả cách đánh giá học phần:

Hình thức và tiêu chuẩn đánh giá sinh viên : Thi vấn đáp, hoặc thi tự luận.

Thang điểm : Thang điểm chữ A+, A, B+, B, C+, C, D+, D, F.

Điểm đánh giá học phần: $Z = 0.5X + 0.5Y$

+ Cách tính điểm X theo quy chế.

k. Giáo trình:

1. Tài liệu học tập, trường đại học hàng hải Việt Nam

l. Tài liệu tham khảo:

1. Bộ luật Hàng hải Việt Nam 2015
2. Shipping Law của Chorley & Giles
3. Công ước Brucxen 1910
4. Công ước Salvage 1989

10.33. Bảo hiểm hàng hải**Mã HP: 11454***a. Số tín chỉ:* 3 TCBTL ☐ĐAMH ☐*b. Đơn vị giảng dạy:* Khoa Hàng hải*c. Phân bố thời gian:*

- Tổng số (TS): 45 tiết

- Lý thuyết (LT): 39 tiết

- Thực hành (TH): 10 tiết

- Bài tập (BT): 0 tiết

- Hướng dẫn BTL/ĐAMH (HD): 0 tiết

- Kiểm tra (KT): 01 tiết

d. Điều kiện đăng ký học phần:

- Sinh viên đã học học phần Luật Biển, Luật Dân sự

e. Mục đích, yêu cầu của học phần:

- *Kiến thức:* Sinh viên ngành luật nắm được những kiến thức về kinh tế vận tải biển, các hình thức nghiệp vụ bảo hiểm thân tàu biển, bảo hiểm dân sự chủ tàu,

- *Kỹ năng:* Hình thành và phát triển kỹ năng tìm kiếm thông tin, xử lý thông tin và đánh giá thông tin. Đồng thời vận dụng kiến thức vào các tình huống cụ thể.

- *Thái độ:* Nâng cao năng lực tư duy logic, độc lập suy nghĩ của sinh viên; hình thành niềm say mê nghiên cứu khoa học, tinh thần không ngừng học hỏi; hình thành thái độ học tập đúng và nâng cao ý thức học tập

f. Nội dung học phần

Sinh viên được trang bị những khái niệm cơ bản về:

- Các đối tượng bảo hiểm, sự ra đời và phát triển của bảo hiểm thân tàu biển, quyền lợi của các bên tham gia, giá trị cũng như các chi phí phát sinh, khắc phục và các rủi ro trong bảo hiểm, các trường hợp miễn thường trong đơn bảo hiểm, các điều kiện bảo hiểm cũng như các hợp đồng nguyên tắc bảo hiểm thân tàu ở Việt Nam;

- Khái niệm cơ bản về trách nhiệm dân sự của chủ tàu khi gặp phải các vấn đề liên quan đến bản thân con tàu, con người, hàng hóa... và hội bảo hiểm P&I, các bảo trợ và bồi thường trách nhiệm dân sự của chủ tàu.

- Một số khái niệm và những vấn đề cơ bản về bảo hiểm; Những vấn đề cơ bản của bảo hiểm hàng hóa xuất nhập khẩu bằng đường biển; Quy trình giám định, bồi thường, đòi người thứ ba trong bảo hiểm hàng hóa xuất nhập khẩu bằng đường biển.

g. Người biên soạn: Bộ môn Luật Hàng hải*h. Nội dung chi tiết học phần:*

TÊN CHƯƠNG MỤC	PHÂN PHỐI SỐ TIẾT					
	TS	LT	BT	TH	HD	KT
CHƯƠNG 1. Khái quát về bảo hiểm và bảo hiểm hàng hải	6	6				
1.1. Khái niệm và đặc điểm	2	2				
1.2. Nguyên tắc	2	2				
1.3. Phân loại	2	2				

CHƯƠNG 2. Bảo hiểm thân tàu biển	11.5	10		3		
2.1. Sự ra đời và phát triển	1	1				
2.2. Phí	1	1				
2.3. Rủi ro	2	2				
2.4. Đơn bảo hiểm thân tàu	2	2				
2.5. Các điều kiện bảo hiểm	3	2		2		
3.6. Hợp đồng bảo hiểm	3.5	2		1		
CHƯƠNG 3. Bảo hiểm trách nhiệm dân sự chủ tàu	14.5	13		3		
3.1. Trách nhiệm dân sự của chủ tàu	2	2				
3.2. Hội bảo hiểm P&I	1	1				
3.3. Những rủi ro thuộc trách nhiệm P&I	3	2		2		
3.4. Sự giúp đỡ của hội đối với chủ tàu	2.5	2		1		
3.5. Phí bảo hiểm	1	2				
3.6. Công tác bảo hiểm ở Việt Nam	1	2				
3.7. Hội thu phí cố định	1	2				
CHƯƠNG 4. Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển bằng đường biển	12	10		4		
4.1. Nội dung cơ bản	6	5		2		
4.2. Giám định và bồi thường của bảo hiểm hàng hóa xuất nhập khẩu bằng đường biển	6	5		2		
Kiểm tra	1					1

i. Mô tả cách đánh giá học phần:

Hình thức và tiêu chuẩn đánh giá sinh viên : Thi viết rọc phách.

Thang điểm : Thang điểm chữ A+, A, B+, B, C+, C, D+, D, F.

Điểm đánh giá học phần: $Z = 0.5X + 0.5Y$

+ Cách tính điểm X theo quy chế.

k. Giáo trình:

TS. Phạm Văn Khảo “truyền động – Tự động khí nén” NXB Khoa học và kỹ thuật, Hà Nội 2007.

l. Tài liệu tham khảo:

1. Giáo trình Pháp luật hàng hải - học phần III. Bảo hiểm hàng hải, Bộ môn luật hàng hải, Đại học hàng hải.

2. Điều khoản bảo hiểm thời hạn thân tàu ITC 01/11/1995 (Institute time clause – Hulls 01/11/1995)

3. Điều khoản bảo hiểm tiêu chuẩn về tổn thất toàn bộ ITC-TLO 01/11/1995 (ITC-Total loss only 01/11/1995)

4. Điều khoản bảo hiểm chiến tranh và đình công 01/11/1995 (Institute war and strikes clauses 01/11/1995)

5. Điều khoản bảo hiểm rủi ro đóng tàu 01/6/1988 (Institute clauses for builder' risks 01/6/1988)

6. Kỹ thuật khai thác nghiệp vụ Bảo hiểm hàng hóa xuất nhập khẩu bằng đường biển tại các công ty Bảo hiểm.

7. Quy trình giám định, bồi thường, đòi người thứ ba trong bảo hiểm hàng hóa xuất nhập khẩu bằng đường biển tại Bảo Việt, Bảo Minh, PJICO.

10.34. Pháp luật quốc tế về lao động Hàng hải

Mã HP: 11439

a. Số tín chỉ: 02 TC

BTL ☐

ĐAMH ☐

b. Đơn vị giảng dạy: Khoa Hàng hải

c. Phân bổ thời gian:

- Tổng số (TS): 30 tiết

- Lý thuyết (LT): 24 tiết

- Thực hành (TH): 10 tiết

- Bài tập (BT): 0 tiết

- Hướng dẫn BTL/ĐAMH (HD): 0 tiết

- Kiểm tra (KT): 01 tiết

d. Điều kiện đăng ký học phần: Không.

e. Mục đích, yêu cầu của học phần:

- *Kiến thức*: Kết thúc học phần, sinh viên nhận ra tầm quan trọng của việc thực thi Công ước; nắm được các yêu cầu tối thiểu bắt buộc với thuyền viên làm việc trên tàu. Điều kiện ăn ở, sinh hoạt của thuyền viên, Chăm sóc sức khỏe y tế dành cho thuyền viên; thực thi của các bên liên quan như trách nhiệm của quốc gia, đơn vị cung cấp thuyền viên...

- *Kỹ năng*: Hình thành và phát triển kỹ năng tìm kiếm thông tin, xử lý thông tin và đánh giá thông tin. Đồng thời vận dụng kiến thức vào các tình huống cụ thể.

- *Thái độ*: Nâng cao năng lực tư duy logic, độc lập suy nghĩ của sinh viên; hình thành niềm say mê nghiên cứu khoa học, tinh thần không ngừng học hỏi; hình thành thái độ học tập đúng và nâng cao ý thức học tập

f. Mô tả nội dung học phần:

Công ước Lao động Hàng hải 2006 là một trong bốn “trụ cột” của thể chế điều tiết hàng hải quốc tế chất lượng cao ở thế kỷ 21. Công ước là sự gắn kết và cập nhật khoảng 65 công ước và khuyến nghị khác nhau đã được ILO phê chuẩn để tạo nên một công ước quốc tế đầy đủ và toàn diện về lao động hàng hải. Môn học Công ước lao động hàng hải 2006 cung cấp cho người học kiến về một số yêu cầu và điều kiện làm việc trên tàu của thuyền viên, đưa ra yêu cầu tối thiểu đối với các thuyền viên làm việc trên tàu về điều kiện tuyển dụng, số giờ làm việc và nghỉ ngơi, khu vực sinh hoạt, vui chơi giải trí, lương thực thực phẩm, trợ cấp xã hội ...

g. Người biên soạn: Khoa Hàng hải

h. Nội dung chi tiết học phần:

TÊN CHƯƠNG MỤC	PHÂN PHỐI SỐ TIẾT
----------------	-------------------

	TS	LT	BT	TL	HD	KT
Mở đầu. Giới thiệu chung về MLC	1	1				
CHƯƠNG 1: Các yêu cầu tối thiểu với thuyền viên làm việc trên tàu biển	3	2		2		
1.1 Độ tuổi tối thiểu	0,5	0,5				
1.2 Giấy chứng nhận sức khỏe	0,5	0,5				
1.3 Đào tạo và cấp chứng chỉ	1	0,5		1		
1.4 Tuyển dụng và thay thế thuyền viên	1	0,5		1		
CHƯƠNG 2: Điều kiện lao động	9	8		2		
2.1 Hợp đồng lao động của thuyền viên	1	1				
2.2 Tiền lương	1	1				
2.3 Số giờ làm việc và nghỉ ngơi	1	1				
2.4 Quyền được phép hợp lý	1	1				
2.5 Hồi hương	1	1				
2.6 Bồi thường cho thuyền viên trong trường hợp đắm hoặc mất tích	2	1		2		
2.7 Đội ngũ thuyền viên	1	1				
2.8 Khả năng phát triển kỹ năng nghề nghiệp và cơ hội tuyển dụng cho thuyền viên	1	1				
CHƯƠNG 3: Điều kiện ăn ở, sinh hoạt cho thuyền viên	8	7		2		
3.1 Chỗ ở và vui chơi cho thuyền viên	3.5	3		1		
3.2 Thực phẩm và chế biến bữa ăn	4.5	4		1		
CHƯƠNG 4: Chăm sóc sức khỏe, chăm sóc y tế, các phúc lợi xã hội và đảm bảo an sinh cho thuyền viên	5	4		2		
4.1 Chăm sóc cho thuyền viên trên tàu và trên bờ	1	1				
4.2 Trách nhiệm của chủ tàu	1	1				
4.3 Đảm bảo an toàn, sức khỏe và phòng ngừa tai nạn cho thuyền viên	2	1		2		
4.4 Tiếp cận các dịch vụ phúc lợi	0,5	0,5				
4.5 Phúc lợi xã hội	0,5	0,5				
CHƯƠNG 5: Triển khai thực hiện MLC	3	2		2		
5.1 Trách nhiệm của quốc gia mà tàu treo cờ	1	1,0				
5.2 Trách nhiệm của chính quyền cảng	1	0,5		1		
5.3 Trách nhiệm cung cấp lao	1	0,5		1		
Kiểm tra	1					1

i. Mô tả cách đánh giá học phần:

Hình thức và tiêu chuẩn đánh giá sinh viên : Thi viết rọc phách.

Thang điểm : Thang điểm chữ A+, A, B+, B, C+, C, D+, D, F.

Điểm đánh giá học phần: $Z = 0.5X + 0.5Y$

+ Cách tính điểm X theo quy chế.

j. Giáo trình:

1. Tài liệu học tập, Trường Đại học hàng hải Việt Nam

k. Tài liệu tham khảo:

1. Công ước Lao động Hàng hải năm 2006;

2. Resolution VII of the 94th ILC MLC, 2006;

3. Vinalines MLC 2006 Main Presentation.

10.35. Pháp luật về dịch vụ hàng hải

Mã HP: 11450

a. Số tín chỉ: 02 TC

BTL ☐

ĐAMH ☐

b. Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Luật hàng hải

c. Phân bổ thời gian:

- Tổng số (TS): 30 tiết

- Lý thuyết (LT): 24 tiết

- Thực hành (TH): 10 tiết

- Bài tập (BT): 0 tiết

- Hướng dẫn BTL/ĐAMH (HD): 0 tiết

- Kiểm tra (KT): 01 tiết

d. Điều kiện đăng ký học phần:

Sinh viên phải hoàn thành học phần: Lý luận chung về nhà nước và pháp luật.

e. Mục đích, yêu cầu của học phần:

- *Kiến thức:* Thông qua học phần, sinh viên nắm được những kiến thức về cơ sở pháp luật đối với các dịch vụ Hàng hải để vận dụng trong công tác sau này trong quá trình sản xuất vận tải biển trong và ngoài nước, đặc biệt trong thương mại quốc tế bằng đường biển.

- *Kỹ năng:* Hình thành và phát triển kỹ năng tìm kiếm thông tin, xử lý thông tin và đánh giá thông tin. Đồng thời vận dụng kiến thức vào các tình huống cụ thể.

- *Thái độ:* Nâng cao năng lực tư duy logic, độc lập suy nghĩ của sinh viên; hình thành niềm say mê nghiên cứu khoa học, tinh thần không ngừng học hỏi; hình thành thái độ học tập đúng và nâng cao ý thức học tập

f. Mô tả nội dung học phần:

Học phần cung cấp kiến thức về: Đại lý Hàng hải; Giao nhận hàng hóa; Môi giới Hàng hải; Dịch vụ hải quan; Xếp dỡ hàng hóa; Hoa tiêu Hàng hải; Lai dắt Hàng hải; Các dịch vụ khác phục vụ cho tàu.

Người biên soạn: ThS. Trần Văn Sáng - Bộ môn Luật hàng hải

h. Nội dung chi tiết học phần:

TÊN CHƯƠNG MỤC	PHÂN PHỐI SỐ TIẾT					
	TS	LT	BT	TH	H	KT

CHƯƠNG 1. Đại lý tàu biển	3.5	3		1		
1.1. Khái niệm, nhiệm vụ của đại lý tàu biển	1	1				
1.2. Cơ sở pháp lý của dịch vụ Đại lý tàu biển	1	1				
1.3. Hợp đồng đại lý	3.5	1		1		
CHƯƠNG 2. Giao nhận hàng hóa	3.5	3		1		
2.1. Khái quát về giao nhận	0.5	0.5				
2.2. Cơ sở pháp lý	0.5	0.5				
2.3. Giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu tại cảng biển	1.5	1		1		
2.4. Các loại chứng từ có liên quan đến giao nhận, vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu bằng đường biển	1	1				
CHƯƠNG 3. Môi giới hàng hóa	5	4		2		
3.1. Khái niệm, cơ sở pháp lý	1	1				
3.2. Quyền và nghĩa vụ của người môi giới hàng hải	1	1				
3.3. Nội dung và hoa hồng môi giới	1	1				
3.4. Người môi giới tàu biển và các lĩnh vực liên quan	2	1		2		
CHƯƠNG 4. Dịch vụ hải quan	3.5	3		1		
4.1. Khái niệm	0.5	0.5				
4.2. Cơ sở pháp lý	0.5	0.5				
4.3. Điều kiện hoạt động đại lý hải quan	1	1				
4.4. Hoạt động của đại lý hải quan	1	1				
CHƯƠNG 5. Xếp dỡ hàng hải	3.5	3		1		
5.1. Khái niệm	1	1				
5.2. Cơ sở pháp lý	1	1				
5.3. Xếp dỡ và bảo quản hàng hóa	1	1				
CHƯƠNG 6. Hoa tiêu hàng hải	3.5	3		1		
6.1. Khái niệm	1	1				
6.2. Cơ sở pháp lý	1	1				
6.3. Hoạt động hoa tiêu hàng hải	1.5	1		1		
CHƯƠNG 7. Lai dắt hàng hải	3.5	3		1		
7.1. Khái niệm	1	1				
7.2. Cơ sở pháp lý	1	1				
7.3. Hoạt động lai dắt	1.5	1		1		
CHƯƠNG 8. Một số dịch vụ khác	4	3		2		

8.1. Cung ứng lương thực, thực phẩm	0.5	0.5				
8.2. Thu gom, đổ rác và xử lý rác	0.5	0.5				
8.3. Dịch vụ logistic	0.5	0.5				
8.4. Dịch vụ làm hàng Container	1	0.5		1		
8.5. Dịch vụ neo đậu và cập cầu cảng	1	0.5		1		
8.6. Các dịch vụ khác phục vụ cho tàu.	0.5	0.5				

i. Mô tả cách đánh giá học phần:

Hình thức và tiêu chuẩn đánh giá sinh viên : Thi vấn đáp, hoặc thi tự luận.

Thang điểm : Thang điểm chữ A+, A, B+, B, C+, C, D+, D, F.

Điểm đánh giá học phần: $Z = 0.5X + 0.5Y$

+ Cách tính điểm X theo quy chế.

k. Giáo trình:

1. Tài liệu học tập, Trường đại học hàng hải Việt Nam

l. Tài liệu tham khảo:

1. Bộ môn Luật Hàng hải (2009), *Bài giảng Pháp luật hàng hải 1*.

2. Bộ môn Luật Hàng hải (2009), *Bài giảng Khai thác thương vụ*.

3. TS. Đặng Công Xưởng, *Giáo trình Đại lý tàu biển và giao nhận hàng hóa tại cảng*, NXB Giao thông vận tải Hà Nội năm 2013.

4. Cục Hàng hải Việt Nam (2005), *Bộ luật Hàng hải Việt Nam 2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành Bộ luật*.

5. Quốc hội (2001), Luật Hải Quan, ngày 29 tháng 06 năm 2001, Nhà xuất bản tư pháp.

6. Quốc hội (2001), Luật thương mại, ngày 14 tháng 06 năm 2005, Nhà xuất bản tư pháp.

7. Chính phủ(2011), *Nghị định số 14/2011/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2011, Quy định về điều kiện đăng ký và hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan*.

8. Chính phủ (2012), *Nghị định số 21/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 03 năm 2012, Về quản lý cảng biển và luồng hàng hải*.

10.36. Thực tập chuyên ngành Luật Hàng hải

Mã HP: 11461

a. Số tín chỉ: 2 TC

b. Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Luật Hàng hải

c. Thời gian thực tập: 160 giờ (04 tuần)

d. Điều kiện đăng ký học phần:

Đã hoàn thành học phần thực tập cơ sở ngành

e. Mục đích, yêu cầu của học phần:

Giúp cho sinh viên đi sâu tìm hiểu về các nghiệp vụ về luật và bảo hiểm hàng hải mà các doanh nghiệp thực hiện. Nghiên cứu tìm hiểu kỹ thuật nghiệp vụ mà các doanh nghiệp đang sử dụng cho từng loại nghiệp vụ bảo hiểm, những vấn đề còn tồn tại cần tháo gỡ trong

thực tế hoạt động của các doanh nghiệp. Từ đó làm sáng tỏ thêm các vấn đề lý thuyết đã và đang được học.

Yêu cầu hoàn thành đầy đủ khối lượng chương trình thực tập, viết và nộp báo cáo thực tập đúng thời hạn quy định, đánh giá đạt từ điểm D trở lên.

f. Mô tả nội dung học phần:

Học phần thực tập chuyên ngành Luật và Bảo hiểm Hàng hải là học phần bắt buộc thuộc chương trình đào tạo chuyên ngành Luật và Bảo hiểm Hàng hải của hệ Đại học chính quy. Sinh viên thực tập được thực tập các nội dung về: Quản lý rủi ro hàng hải, Bảo hiểm thân tàu biển, Công ước quốc tế về lao động hàng hải, Các công ước quốc tế về an toàn hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm biển, Các vấn đề pháp lý về bắt giữ tàu biển, Luật bảo hiểm, Luật thương mại, Luật tài chính và COLREG 72.

g. Người biên soạn: ThS. Trần Trung – Khoa Hàng hải.

h. Nội dung chi tiết học phần:

NỘI DUNG	Thời lượng (giờ)
Tuần 1:	40
1. Làm quen với đơn vị thực tập.	2
2. Tìm hiểu về Quản lý rủi ro hàng hải	19
3. Tìm hiểu về Bảo hiểm thân tàu biển	19
Tuần 2:	40
4. Tìm hiểu về Công ước quốc tế về lao động hàng hải	10
5. Tìm hiểu về Các công ước quốc tế về an toàn hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm biển	16
6. Tìm hiểu về Các vấn đề pháp lý về bắt giữ tàu biển	14
Tuần 3:	40
7. Tìm hiểu về Luật bảo hiểm	20
8. Tìm hiểu về Luật thương mại.	20
Tuần 4:	40
10. Tìm hiểu về Luật tài chính	12
11. Tìm hiểu về COLREG 72	13
12. Viết báo cáo thực tập.	15
Tổng	160

i. Mô tả cách đánh giá học phần:

- Thực tập chuyên ngành hàng hải là học phần loại II.

- Sinh viên hoàn thành báo cáo thực tập đúng thời gian quy định. Báo cáo thực tập chuyên ngành được khoa Hàng hải tổ chức chấm và công bố điểm trong vòng 1 tuần theo quy định. Điểm báo cáo thực tập là điểm **Y**. Điểm đánh giá học phần là điểm **Z**. Theo quy chế, học phần loại II, điểm **Z = Y**.

10.37. Thực tập tốt nghiệp Luật Hàng hải**Mã HP: 11462***a. Số tín chỉ: 3 TC**b. Đơn vị giảng dạy: Khoa Hàng hải**c. Thời gian thực tập: 240 giờ (06 tuần)**d. Điều kiện đăng ký học phần:*

Đã hoàn thành các học phần: Thực tập cơ sở ngành, thực tập chuyên ngành.

e. Mục đích, yêu cầu của học phần:

Nắm được các kiến thức về luật hàng hải và Bảo hiểm Hàng hải.

Yêu cầu hoàn thành đầy đủ khối lượng chương trình thực tập, viết và nộp báo cáo thực tập đúng thời hạn quy định, đánh giá đạt từ điểm D trở lên.

f. Mô tả nội dung học phần:

Học phần thực tập tốt nghiệp là học phần bắt buộc của chương trình đào tạo chuyên ngành Luật và Bảo hiểm Hàng hải hệ Đại học chính quy tại trường Đại học Hàng hải Việt Nam.

Học phần thực tập tốt nghiệp được thực hiện tại cơ sở thực tập với việc đi sâu vào tìm hiểu những nội dung đã được học ở phần kiến thức chuyên ngành dưới dạng các chuyên đề.

*g. Người biên soạn: Khoa Hàng hải.**h. Nội dung chi tiết học phần:*

NỘI DUNG	Thời lượng (giờ)
Tuần 1:	40
1. Nghe cán sự thực tập phổ biến kế hoạch thực tập.	10
2. Nhận chuyên đề và đề cương thực tập từ giáo viên hướng dẫn thực tập.	10
3. Chuẩn bị cơ sở vật chất và các giấy tờ cần thiết để liên hệ cơ sở thực tập nếu không thuộc địa bàn Hải Phòng.	20
Tuần 2:	40
4. Liên hệ và làm quen với cơ sở thực tập.	10
5. Tìm hiểu lịch sử và quá trình phát triển của cơ sở đang tiến hành thực tập.	30
Tuần 3:	40
6. Tìm hiểu cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của cơ sở thực tập.	20
7. Tìm hiểu chức năng nhiệm vụ của các phòng ban thuộc cơ sở thực tập.	20
Tuần 4:	40
8. Thu thập số liệu và tìm hiểu những vấn đề liên quan cần thiết để chuẩn bị cho việc viết báo cáo chuyên đề thực tập theo như đề cương	40

NỘI DUNG	Thời lượng (giờ)
yêu cầu.	
Tuần 5:	40
9. Thu thập số liệu và tìm hiểu những vấn đề liên quan cần thiết để chuẩn bị cho việc viết báo cáo chuyên đề thực tập theo như đề cương yêu cầu.	25
10. Viết báo cáo chuyên đề theo đề cương yêu cầu.	15
Tuần 6:	40
11. Chế bản và đóng bìa báo cáo thực tập theo mẫu quy định.	5
12. Nộp báo cáo thực tập để giáo viên hướng dẫn duyệt.	15
13. Chuẩn bị bảo vệ thực tập tốt nghiệp theo lịch bố trí của phòng đào tạo và Khoa.	20
Tổng	240

i. Mô tả cách đánh giá học phần:

- Thực tập tốt nghiệp là học phần loại II.
- Sinh viên hoàn thành và nộp báo cáo thực tập đúng thời gian quy định. Báo cáo thực tập tốt nghiệp được khoa Hàng hải duyệt nội dung và tổ chức Hội đồng bảo vệ thực tập tốt nghiệp theo quy định. Điểm bảo vệ thực tập tốt nghiệp là điểm **Y**. Điểm đánh giá học phần là điểm **Z**. Theo quy chế, học phần loại II, điểm **Z = Y**.

10.38. Khóa luận tốt nghiệp

Mã HP: 11463

10.39. Kỹ năng giải quyết Tranh chấp hàng hải

Mã HP: 11452

a. Số tín chỉ: 2TC BTL ☐ ĐAMH ☐

b. Đơn vị giảng dạy: Khoa Hàng hải

c. Phân bổ thời gian:

- | | | | |
|----------------------------|---------|-------------------|---------|
| - Tổng số (TS): | 30 tiết | - Lý thuyết (LT): | 24 tiết |
| - Thực hành (TH): | 10 tiết | - Bài tập (BT): | 0 tiết |
| - Hướng dẫn BTL/ĐAMH (HD): | 0 tiết | - Kiểm tra (KT): | 01 tiết |

d. Điều kiện đăng ký học phần:

Sinh viên phải hoàn thành các học phần: *Bắt giữ hàng hải và Công pháp quốc tế*.

e. Mục đích, yêu cầu của học phần:

- *Kiến thức*: Thông qua môn học, sinh viên có những kiến thức cơ bản về lĩnh vực tranh chấp hàng hải; những kiến thức, kỹ năng cần thiết liên quan đến giải quyết các tranh chấp hàng hải phát sinh trong quá trình vận hành, quản lý, khai thác tàu. Sinh viên có khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn công tác tại các cơ quan, đơn vị trong ngành hàng hải sau khi tốt nghiệp.

- *Kỹ năng*: Hình thành và phát triển kỹ năng tìm kiếm thông tin, xử lý thông tin và đánh giá thông tin. Đồng thời vận dụng kiến thức vào các tình huống cụ thể.

- *Thái độ*: Nâng cao năng lực tư duy logic, độc lập suy nghĩ của sinh viên; hình thành niềm say mê nghiên cứu khoa học, tinh thần không ngừng học hỏi; hình thành thái độ học tập đúng và nâng cao ý thức học tập

f. Mô tả nội dung học phần:

Học phần tập trung vào những nội dung cơ bản như: Tổng quan về tranh chấp hàng hải; Những tranh chấp liên quan đến hoạt động của tàu biển; Phương thức giải quyết tranh chấp hàng hải; Hồ sơ phục vụ giải quyết tranh chấp hàng hải.

g. Người biên soạn: Bộ môn Luật Hàng hải

h. Nội dung chi tiết học phần:

TÊN CHƯƠNG MỤC	PHÂN PHỐI SỐ TIẾT					
	TS	LT	BT	TL	HD	KT
CHƯƠNG 1: Tổng quan về tranh chấp hàng hải	7	6		2		
1.1. Khái niệm tranh chấp và tranh chấp hàng hải	0.5	0.5				
1.2. Phân loại tranh chấp hàng hải	0.5	0.5				
1.3. Nguyên nhân phát sinh tranh chấp hàng hải	1	1				
1.4. Đặc điểm của luật áp dụng giải quyết tranh chấp hàng hải	1	1				
1.5. Khiếu nại hàng hải	1	1				
1.6. Thời hạn khiếu nại và thời hiệu khởi kiện trong giải quyết tranh chấp hàng hải	2	1		2		
1.7. Gian lận và lừa đảo trong hàng hải	1	1				
CHƯƠNG 2. Những tranh chấp liên quan đến hoạt động của tàu biển	8	7		2		
2.1 Tranh chấp liên quan đến hợp đồng vận chuyển hàng hóa	2	2				
2.2. Tranh chấp về cước phí và thành toán cước phí	2	2				
2.3. Tranh chấp về va chạm tàu	2	2				
2.4. Tranh chấp trong các dịch vụ liên quan đến tàu biển	2	1		2		
CHƯƠNG 3. Phương thức giải quyết tranh chấp hàng hải	10	8		4		
3.1. Giải quyết tranh chấp bằng thương lượng	3	2		2		
3.2. Giải quyết tranh chấp bằng hòa giải	2	2				
3.3. Giải quyết tranh chấp tại cơ quan trọng tài	3	2		2		
3.4. Giải quyết tranh chấp tại cơ quan tòa án	2	2				
CHƯƠNG 4. Hồ sơ phục vụ giải quyết tranh	4	3		2		

chấp hàng hải						
4.1. Thu thập và phân loại chứng cứ	1	1				
4.2. Lập hồ sơ phục vụ giải quyết tranh chấp	2	1		2		
4.3. Một số loại giấy tờ thủ tục khi giải quyết tranh chấp tại Việt Nam	1	1				

i. Mô tả cách đánh giá học phần:

Hình thức và tiêu chuẩn đánh giá sinh viên : Thi vấn đáp, hoặc thi tự luận.

Thang điểm : Thang điểm chữ A+, A, B+, B, C+, C, D+, D, F.

Điểm đánh giá học phần: $Z = 0.5X + 0.5Y$

+ Cách tính điểm X theo quy chế.

k. Giáo trình: Tài liệu học tập, Trường Đại học Hàng hải Việt Nam. 2014.

l. Tài liệu tham khảo:

1. Bùi Thanh Sơn, *Giáo trình Pháp luật Hàng hải 1*, Đại học hàng hải. 2010.
2. *Bộ luật Hàng hải Việt Nam*. NXB Pháp lý. Hà Nội – 2005.
3. Cục Hàng hải Việt Nam. *Các công ước quốc tế về hàng hải*. NXB GTVT. Hà Nội.
4. Cục Hàng hải Việt Nam. *Các văn bản pháp luật về hàng hải*. NXB GTVT. Hà Nội. 2010.
5. F.N.Hokins. *Business and Law for the Shipmaster*. Glasgow Brown, Son & Ferguson Ltd, Seventh Edition, 1989.
6. IMO. Model course 2.04. *Maritime law for ship's officers*.
7. Nguyễn Chung. *Luật hàng hải (Những vấn đề cơ bản)*. NXB Đồng Nai .2000.
8. Nguyễn Ngọc Lâm, *Giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại quốc tế, nhận dạng tranh chấp, biện pháp ngăn ngừa và phương pháp giải quyết*. NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010.
9. *Tuyển tập một số văn bản về Trọng tài và hòa giải thương mại*, Bản dịch tiếng Việt của Nhà pháp luật Việt – Pháp, NXB Từ điển bách khoa, Hà Nội, 2010.
10. *50 phán quyết trọng tài quốc tế chọn lọc*. Trung tâm Trọng tài quốc tế VN (VIAC) bên cạnh Phòng Thương mại và Công nghiệp VN (VCCI), Hà Nội, 2002.
11. Nguyễn Vũ Hoàng, Hà Việt Hưng. *Một số vấn đề cơ bản về giải quyết tranh chấp hàng hải quốc tế*. Tạp chí luật học, số 9/2011
12. Nguyễn Vũ Hoàng. *Một số quy định trong các công ước quốc tế và pháp luật các nước về thời hiệu tố tụng trong giải quyết tranh chấp thương mại*. Tạp chí kinh tế và phát triển, số 38/2000

10.40. Tổng thất chung

Mã HP: 11456

a. Số tín chỉ: 2 TC

BTL ☐

ĐAMH ☐

b. Đơn vị giảng dạy: Khoa Hàng hải

c. Phân bổ thời gian:

- Tổng số (TS):	30 tiết	- Lý thuyết (LT):	24 tiết
- Thực hành (TH):	10 tiết	- Bài tập (BT):	0 tiết
- Hướng dẫn BTL/ĐAMH (HD):	0 tiết	- Kiểm tra (KT):	01 tiết

d. Điều kiện đăng ký học phần: không

e. Mục đích, yêu cầu của học phần:

- *Kiến thức*: Sinh viên nắm được các kiến thức cơ bản về tổn thất chung và tính toán phân bổ tổn thất chung

- *Kỹ năng*: Hình thành và phát triển kỹ năng tìm kiếm thông tin, xử lý thông tin và đánh giá thông tin. Đồng thời vận dụng kiến thức vào các tình huống cụ thể.

- *Thái độ*: Nâng cao năng lực tư duy logic, độc lập suy nghĩ của sinh viên; hình thành niềm say mê nghiên cứu khoa học, tinh thần không ngừng học hỏi; hình thành thái độ học tập đúng và nâng cao ý thức học tập

f. Mô tả nội dung học phần:

Môn học Tổn thất chung trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tổn thất trong hàng hải nói chung và những kiến thức cần thiết về tổn thất chung cũng như các bước tính toán phân bổ tổn thất chung để vận dụng trong công tác sau này trong quá trình sản xuất vận tải biển, đặc biệt là trong thương mại quốc tế bằng đường biển.

Sau khi học xong môn học Tổn thất chung, sinh viên phải nắm được những kiến thức cơ bản về tổn thất trong hàng hải nói chung và tổn thất chung cũng như cách tính toán phân bổ tổn thất chung nói riêng.

g. Người biên soạn: Bộ môn Luật Hàng hải, Khoa Hàng hải.

h. Nội dung chi tiết học phần:

TÊN CHƯƠNG MỤC	PHÂN PHỐI SỐ TIẾT					
	TS	LT	BT	TH	HD	KT
CHƯƠNG 1: Tổng quan về tổn thất chung	12	10		4		
1.1. Tổn thất chung	2	2				
1.2. Các dạng chủ yếu của tổn thất chung	2	2				
1.3. Phân bổ tổn thất chung	3	2		2		
1.4. Xử lý của tàu khi có tổn thất chung	3	2		2		
1.5. Tổn thất riêng	2	2				
CHƯƠNG 2: Tính toán phân bổ tổn thất chung	12	10		4		
2.1. Tuyên bố tổn thất chung và chỉ định người phân bổ tổn thất chung	4	4				
2.2. Tính toán phân bổ tổn thất chung	8	6		4		
CHƯƠNG 3. Đảm bảo thanh toán tổn thất chung	5	4		2		
3.1. Các biện pháp bảo đảm	3	2		2		
3.2. Trách nhiệm pháp lý	2	2				
Kiểm tra	1					1

i. Mô tả cách đánh giá học phần:

Hình thức và tiêu chuẩn đánh giá sinh viên : Thi vấn đáp, hoặc thi tự luận.

Thang điểm : Thang điểm chữ A+, A, B+, B, C+, C, D+, D, F.

Điểm đánh giá học phần: $Z = 0.5X + 0.5Y$

+ Cách tính điểm X theo quy chế.

j. Giáo trình và tài liệu giảng dạy:

1. Tài liệu học tập, Trường đại học Hàng hải Việt Nam
2. Các giáo trình liên quan thuộc bộ môn Luật hàng hải, khoa Hàng hải, trường Đại học Hàng hải Việt Nam.
3. Bộ luật hàng hải Việt Nam 2005
4. Quy tắc York- Antwerp 1974
5. Quy tắc York – Antwerp 1994
6. Shipping Law của Chorley & Giles.

10.41. Giải quyết bồi thường thiệt hại trong bảo hiểm hàng hải Mã HP: 11457

a. Số tín chỉ: 2 TC BTL ☐ ĐAMH ☐

b. Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Luật Hàng hải

c. Phân bổ thời gian:

- Tổng số (TS):	30 tiết	- Lý thuyết (LT):	24 tiết
- Thực hành (TH):	10 tiết	- Bài tập (BT):	0 tiết
- Hướng dẫn BTL/ĐAMH (HD):	0 tiết	- Kiểm tra (KT):	01 tiết

d. Điều kiện đăng ký học phần:

Sinh viên đã hoàn thành học phần *Bảo hiểm Hàng hải*.

e. Mục đích, yêu cầu của học phần:

- *Kiến thức*: Hệ thống được các tổn thất trong các tai nạn sự cố hàng hải thuộc trách nhiệm của bảo hiểm, đồng thời xây dựng quy trình xử lý và giải quyết bồi thường tổn thất trong bảo hiểm hàng hải.

- *Kỹ năng*: Hình thành và phát triển kỹ năng tìm kiếm thông tin, xử lý thông tin và đánh giá thông tin. Đồng thời vận dụng kiến thức vào các tình huống cụ thể.

- *Thái độ*: Nâng cao năng lực tư duy logic, độc lập suy nghĩ của sinh viên; hình thành niềm say mê nghiên cứu khoa học, tinh thần không ngừng học hỏi; hình thành thái độ học tập đúng đắn và nâng cao ý thức học tập

f. Mô tả nội dung học phần:

Môn học giúp sinh viên nắm được các kiến thức trong lĩnh vực tổn thất trong bảo hiểm hàng hải, xác định nguyên nhân phát sinh, cách phân loại, phạm vi trách nhiệm và công tác bồi thường tổn thất trong bảo hiểm hàng hải như các căn cứ, hồ sơ, thủ tục yêu cầu, giải quyết bồi thường...

g. Người biên soạn: Phạm Thanh Tân – Bộ môn Luật Hàng hải

h. Nội dung chi tiết học phần:

TÊN CHƯƠNG MỤC	PHÂN PHỐI SỐ TIẾT					
	TS	LT	BT	TH	HD	KT
CHƯƠNG 1. Tổn thất trong bảo hiểm hàng hải	10	10				
1.1. Khái niệm chung về tổn thất trong bảo hiểm hàng hải	3	3				
<i>1.1.1. Nguyên nhân làm phát sinh tổn thất</i>	1	1				
<i>1.1.2. Định nghĩa tổn thất trong bảo hiểm hàng hải</i>	1	1				
<i>1.1.3. Phân loại tổn thất</i>	1	1				
1.2. Xác định tổn thất trong bảo hiểm hàng hải	7	7				
<i>1.2.1. Phạm vi trách nhiệm của bảo hiểm về tổn thất</i>	1	1				
<i>1.2.2. Giám định tổn thất</i>	1	1				
<i>1.2.3. Hồ sơ pháp lý, chứng từ xác định tổn thất</i>	1	1				
<i>1.2.4. Xác định tổn thất trong bảo hiểm thân tàu</i>	1	1				
<i>1.2.5. Xác định tổn thất trong bảo hiểm P & I</i>	1	1				
<i>1.2.6. Xác định tổn thất trong bảo hiểm hàng hóa vận chuyển bằng đường biển.</i>	1	1				
<i>1.2.7. Xác định tổn thất trong bảo hiểm tai nạn thuyền viên</i>	1	1				
CHƯƠNG 2. Bồi thường tổn thất trong bảo hiểm hàng hải	15	14		10		
2.1. Căn cứ, hồ sơ và thủ tục yêu cầu bồi thường	6	6				
<i>2.1.1. Hợp đồng bảo hiểm</i>	1	1				
<i>2.1.2. Những trường hợp được bồi thường</i>	1	1				
<i>2.1.3. Những trường hợp không được bồi thường</i>	1	1				
<i>2.1.4. Nguyên tắc bồi thường</i>	1	1				
<i>2.1.5. Thiết lập hồ sơ pháp lý yêu cầu bồi thường</i>	1	1				
<i>2.1.6. Thủ tục yêu cầu bồi thường</i>	1	1				
2.2. Giải quyết bồi thường	13	8		10		
<i>2.2.1. Giải quyết bồi thường tổn thất trong bảo hiểm thân tàu</i>	3	1		2		
<i>2.2.2. Giải quyết bồi thường tổn thất trong bảo hiểm P & I</i>	3	2		2		
<i>2.2.3. Giải quyết bồi thường tổn thất trong bảo hiểm hàng hóa vận chuyển đường biển</i>	3	2		2		
<i>2.2.4. Giải quyết bồi thường tổn thất trong bảo hiểm tai nạn thuyền viên</i>	3	2		2		

TÊN CHƯƠNG MỤC	PHÂN PHỐI SỐ TIẾT					
	TS	LT	BT	TH	HD	KT
2.2.5. Thủ tục giải quyết khi có tranh chấp phát sinh	2	1		2		
Kiểm tra	1					1

i. Mô tả cách đánh giá học phần:

Hình thức và tiêu chuẩn đánh giá sinh viên : Thi viết rọc phách.

Thang điểm : Thang điểm chữ A+, A, B+, B, C+, C, D+, D, F.

Điểm đánh giá học phần: $Z = 0.5X + 0.5Y$

+ Cách tính điểm X theo quy chế.

j. Giáo trình và tài liệu giảng dạy: Tài liệu học tập, trường Đại học Hàng hải Việt Nam.

10.42. Lịch sử hàng hải

Mã HP: 11116

a. Số tín chỉ: 02 TC

BTL ☐

ĐAMH ☐

b. Đơn vị giảng dạy: Khoa Hàng hải

c. Phân bổ thời gian:

- Tổng số (TS): 30 tiết.

- Lý thuyết (LT): 28 tiết.

- Thực hành (TH): 0 tiết.

- Bài tập (BT): 0 tiết.

- Hướng dẫn BTL/ĐAMH (HD): 0 tiết.

- Kiểm tra (KT): 02 tiết.

d. Điều kiện đăng ký học phần: Không

e. Mục đích, yêu cầu của học phần:

- *Kiến thức*: Thông qua học phần này, học sinh sẽ nhận ra rằng lịch sử không phải là tĩnh và đã liên tục được xem xét lại và giải thích lại qua các thế hệ của các học giả; biết được những kỹ năng cơ bản được sử dụng bởi các nhà sử học để hiểu, phân tích, nghiên cứu và viết lịch sử; tìm hiểu lịch sử và sự phát triển của ngành hàng hải thế giới qua từng giai đoạn, từ đó có cái nhìn bao quát, tổng thể về xu hướng trong lịch sử hàng hải thế giới

- *Kỹ năng*: Hình thành và phát triển kỹ năng tìm kiếm thông tin, xử lý thông tin và đánh giá thông tin.

- *Thái độ*: Nâng cao năng lực tư duy logic, độc lập suy nghĩ của sinh viên; hình thành niềm say mê nghiên cứu khoa học, tinh thần không ngừng học hỏi; hình thành thái độ học tập đúng và nâng cao ý thức học tập

f. Mô tả nội dung học phần:

Học phần “Lịch sử hàng hải” cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về lịch sử, sự ra đời và phát triển của ngành hàng hải qua từng thời kỳ, từng giai đoạn.

g. Người biên soạn: ThS. Lê Quốc An, ThS. Hoàng Xuân Bằng, KS. Trần Ngọc Hưng – Khoa Hàng hải.

h. Nội dung chi tiết học phần:

TÊN CHƯƠNG MỤC	PHÂN PHỐI SỐ TIẾT					
	TS	LT	BT	TH	HD	KT

CHƯƠNG 1: Tổng quan cấu trúc đại dương	2	2				
CHƯƠNG 2: Các tính năng sinh học và vật lý của đại dương	2	2				
CHƯƠNG 3: Các con sông và vùng biển của Ai Cập cổ đại	2	2				
CHƯƠNG 4. Hoạt động hàng hải trong thời đại đồ đồng Địa trung hải	2	2				
CHƯƠNG 5: Carthage , Rome và Địa Trung Hải	2	2				
CHƯƠNG 6: Hoạt động Hàng hải ở Ấn độ dương	2,0	1,0				1,0
CHƯƠNG 7: Trung Quốc và Đông Nam Á	2,0	2,0				
CHƯƠNG 8: Hàng hải thời trung cổ	2,0	2,0				
CHƯƠNG 9: Bắc Âu trong giai đoạn người Vikings	2,0	2,0				
CHƯƠNG 10: Ấn độ dương trong thời kỳ tiền Hồi giáo	2,0	2,0				
CHƯƠNG 11: Đông và Đông Nam Á, thế kỷ 7-12	2,0	2,0				
CHƯƠNG 12: Kỷ nguyên khám phá, I	2,0	2,0				
CHƯƠNG 13: Kỷ nguyên khám phá, II	2,0	2,0				
CHƯƠNG 14: Sự phát triển của ngành hàng hải trong kỷ nguyên mới	2,0	1,0				1,0
CHƯƠNG 15: Sự ra đời của thương mại toàn cầu	2,0	2,0				

i. Mô tả cách đánh giá học phần:

Số tiết tham gia trên lớp của sinh viên phải $\geq 75\%$ tổng số tiết của học phần;

Cách tính điểm X theo quy chế.

Điểm đánh giá học phần: $Z = 0,3X + 0,7Y$.

Thang điểm: Thang điểm chữ A+, A, B+, B, C+, C, D+, D, F.

Thi viết tập trung, rọc phách.

Thời gian làm bài: 60 phút.

j. Giáo trình: Tài liệu học tập, Trường Đại học hàng hải Việt Nam

k. Tài liệu tham khảo:

1. C.R. Boxer, *The Dutch Seaborne Empire, 1600-1800*, New York Knopf 1965;
2. C.R. Boxer. *The Portuguese Seaborne Empire, 1415-1825*. (New York: A.A. Knopf 1969);
3. Daniel R. Headrick. *The Tools of Empire: Technology and European Imperialism in the Nineteenth Century*, New York: Oxford University Press, 1981;
4. Merja-Liisa Hinnkanen-Lievonen and D.G. Kirby, *The Baltic and the North Seas*, New York: Routledge Press, 2000;
5. Mark Kurlansky, *Cod: Biography of the Fish that Changed the World* , New York: Penguin, 1997;

6. Louise Levantes, *When China Ruled the Sea: The Treasure Fleet of the Dragon Throne, 1405-1433*, New York: Oxford University Press, 1996;
7. Alfred T. Mahan, *The Influence of Sea Power Upon History, 1660-1783*, any edition;
8. George Modelski and William R. Thompson, *Sea Power in Global Politics (1494-1993)*, London: Macmillan, 1988;
9. J.H. Parry, *The Age of Reconnaissance*, Cleveland: World Publishing Company, 1963;
10. J.H. Parry, *The Establishment of European Hegemony (1415-1715)*, New York: Harper and Row, 1961;
11. J.H. Parry, *The Spanish Seaborne Empire*, New York: Knopf, 1966;
12. Michael Pearson, *The Indian Ocean*, New York: Routledge, 2003;
13. Pablo Emilio Perez-Mallaina *Spain's Men of the Sea: Daily Life on the Indies Fleet in the Sixteenth Century*, Baltimore: The Johns Hopkins Press, 1998

10.43. Quản trị doanh nghiệp

Mã HP: 28201

a. Số tín chỉ: 3 TC

BTL ☐

ĐAMH ☐

b. Đơn vị giảng dạy: Khoa Quản trị Tài chính.

c. Phân bố thời gian:

- | | |
|------------------------------------|----------------------------|
| - Tổng số (TS): 45 tiết. | - Lý thuyết (LT): 43 tiết. |
| - Thực hành (TH): 0 tiết. | - Bài tập (BT): 0 tiết. |
| - Hướng dẫn BTL/ĐAMH (HD): 0 tiết. | - Kiểm tra (KT): 2 tiết. |

d. Điều kiện đăng ký học phần: Không

e. Mục đích, yêu cầu của học phần:

- *Kiến thức*: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp quản lý của nhà quản trị và các nghiệp vụ quản trị doanh nghiệp như: quản lý nhân sự, quản trị chi phí và kết quả, cũng như đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh.

- *Kỹ năng*: Hình thành và phát triển kỹ năng tìm kiếm thông tin, xử lý thông tin và đánh giá thông tin. Đồng thời vận dụng kiến thức vào các tình huống cụ thể.

- *Thái độ*: Nâng cao năng lực tư duy logic, độc lập suy nghĩ của sinh viên; hình thành niềm say mê nghiên cứu khoa học, tinh thần không ngừng học hỏi; hình thành thái độ học tập đúng và nâng cao ý thức học tập

f. Mô tả nội dung học phần:

Doanh nghiệp là một tổ chức sống vì lẽ nó có quá trình hình thành từ một ý chí và bản lĩnh của người sáng lập (tư nhân, tập thể hay Nhà nước); quá trình phát triển thậm chí có khi tiêu vong, phá sản hoặc bị một doanh nghiệp khác thôn tính. Vì vậy cuộc sống của doanh nghiệp phụ thuộc rất lớn vào chất lượng quản lý của những người tạo ra nó.

Môn quản trị doanh nghiệp giúp sinh viên có thể hiểu khái quát về hoạt động quản lý trong doanh nghiệp, vai trò nhiệm vụ của các vị trí quản lý trong doanh nghiệp, các lĩnh vực quản lý. Đồng thời nghiên cứu sâu hơn một số nghiệp vụ quản lý cơ bản như quản trị chi phí kết quả, quản trị nhân sự.

g. Người biên soạn: Mai Khắc Thành - Khoa Quản trị Tài chính

h. Nội dung chi tiết học phần:

TÊN CHƯƠNG MỤC	PHÂN PHỐI SỐ TIẾT					
	TS	LT	BT	TH	HD	KT
CHƯƠNG 1. Tổng quan về quản trị doanh nghiệp	6	6				
1.1. Các giai đoạn phát triển của khoa học quản trị doanh nghiệp	1	1				
1.2. Các trường phái về quản trị doanh nghiệp	2	2				
1.3. Các loại hình doanh nghiệp	2	2				
1.4. Thành lập, giải thể và phá sản doanh nghiệp	1	1				
CHƯƠNG 2. Các chức năng và lĩnh vực của quản trị doanh nghiệp	4	4				
2.1. Chức năng của quản trị doanh nghiệp	1	1				
2.2. Các lĩnh vực của quản trị doanh nghiệp	2	2				
2.3. Mối quan hệ giữa chức năng và lĩnh vực quản trị doanh nghiệp	1	1				
CHƯƠNG 3. Hoạch định chương trình quản trị	8	7				1
3.1. Hoạch định mục tiêu	2	2				
3.2. Lập kế hoạch	3	2				1
3.3. Ra quyết định	1	1				
3.4. Tổ chức thực hiện	1	1				
3.5. Kiểm soát	1	1				
CHƯƠNG 4. Cơ cấu tổ chức quản trị doanh nghiệp	6	6				
4.1. Cơ chế quản trị doanh nghiệp	2	2				
4.2. Cơ cấu tổ chức quản trị doanh nghiệp	2	2				
4.3. Chế độ một thủ trưởng trong doanh nghiệp	1	1				
4.4. Tổ chức bộ máy quản trị	1	1				
CHƯƠNG 5. Giám đốc điều hành doanh nghiệp	8	7				1
5.1. Khái niệm	1	1				
5.2. Vai trò	1	1				
5.3. Đặc điểm	1	1				
5.4. Phương pháp lãnh đạo	1	1				
5.5. Tiêu chuẩn của giám đốc doanh nghiệp	1	1				
5.6. Rèn luyện, đào tạo giám đốc	2	1				1
CHƯƠNG 6. Công tác kiểm soát trong doanh nghiệp	4	4				

TÊN CHƯƠNG MỤC	PHÂN PHỐI SỐ TIẾT					
	TS	LT	BT	TH	HD	KT
ngành						
6.1.Khái niệm và mục đích	2	2				
6.2.Trình tự và nội dung	1	1				
6.3.Hình thức và phương pháp	1	1				
CHƯƠNG 7. Quản trị chi phí và kết quả	4	4				
7.1.Các khái niệm	1	1				
7.2.Quản trị chi phí và kết quả theo phương thức phân bổ truyền thống	2	2				
7.3.Quản trị chi phí và kết quả theo phương thức mức lãi thô	1	1				
CHƯƠNG 8. Quản trị nhân sự	3	3				
8.1.Hoạch định chương trình quản trị nhân sự	1	1				
8.2.Tuyển chọn nhân sự	1	1				
8.3.Đào tạo quản trị viên	1	1				

i. Mô tả cách đánh giá học phần:

- Thi viết hoặc thi vấn đáp;
- Sinh viên phải đảm bảo các điều kiện theo Quy chế của Nhà trường và của Bộ.

Thang điểm: Thang điểm chữ

Điểm đánh giá học phần : $Z = 0,5X + 0,5Y$

j. Giáo trình:

1. Phạm Vũ Luận, *Quản trị doanh nghiệp thương mại*, Hà Nội (1995)
2. PGS,TS Lê Văn Tâm, *Quản trị doanh nghiệp*, NXB Giáo dục (1998)

k. Tài liệu tham khảo:

- 1.Luật doanh nghiệp, 2014

10.44. Khoa học giao tiếp

Mã học phần: 15607

a. Số tín chỉ: 2TC

BTL ☐

ĐAMH ☐

b. Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Kinh tế ngoại thương

c. Phân bổ thời gian:

- | | |
|-----------------------------------|--------------------------|
| - Tổng số(TS): 30 tiết | - Lý thuyết(LT): 28 tiết |
| - Thực hành(TH): tiết | - Bài tập : tiết |
| - Hướng dẫn BTL/ĐAMH (HD): tiết | - Kiểm tra (KT): 2 tiết |

d.Điều kiện đăng ký học phần:

e.Mục đích tiêu của học phần:

- *Kiến thức*: Cung cấp kiến thức và trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản trong giao tiếp,

- *Kỹ năng*: Kết thúc học phần này, sinh viên sẽ có kỹ năng giao tiếp trong lễ tân đối ngoại và đối nội trong một số tình huống thực tiễn cụ thể

- *Thái độ*: Nhìn nhận một cách đầy đủ và đúng đắn vai trò của hoạt động giao tiếp,

f. Mô tả nội dung của học phần:

Phần 1. Giới thiệu chung về giao nhận

Chương I. Giới thiệu chung về giao tiếp

Chương II. Nghệ thuật giao tiếp

Phần 2. Giao tiếp đối ngoại

Chương I. Văn hóa ứng xử trong giao tiếp

Chương II. Mời khách

Chương III. Sắp xếp chỗ ngồi

Chương IV. Đón tiếp khách

Chương V. Nghệ thuật đàm phán

g. Người biên soạn: Khoa Kinh tế

h. Nội dung chi tiết học phần

TÊN CHƯƠNG MỤC	PHÂN PHỐI SỐ TIẾT					
	TS	LT	BT	TH	HD	KT
Phần 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN TRONG GIAO TIẾP	9	8				1
CHƯƠNG 1. Giới thiệu chung về giao tiếp	4	4				
1.1. Khái niệm về giao tiếp	1	1				
1.2. Vai trò của giao tiếp	1	1				
1.3. Phân loại giao tiếp	1	1				
CHƯƠNG 2. Nghệ thuật giao tiếp	5	4				1
2.1. Đạo lý trong giao tiếp	1	1				
2.2. Nguyên tắc trong giao tiếp	1	1				
2.3. Ấn tượng ban đầu trong giao tiếp	1	1				
2.4. Kỹ năng giao tiếp	2	1				1
Phần 2. GIAO TIẾP ĐỐI NGOẠI	21	20				1
CHƯƠNG 1. Văn hoá ứng xử trong giao	4	4				
1.1. Đặc điểm tâm lý người nước ngoài	2	2				
1.2. Kinh nghiệm tiếp xúc với người nước	2	2				
CHƯƠNG 2. Mời khách	5	5				
2.1. Soạn thảo giấy mời	3	3				
2.2. Những lưu ý đối với giấy mời	2	2				

CHƯƠNG 3. Sắp xếp chỗ ngồi	5	5				
3.1. Nguyên tắc xếp chỗ	3	3				
3.2. Các loại bàn thường sử dụng	2	2				
CHƯƠNG 4. Đón tiếp khách	4	3				1
4.1. Ý nghĩa của việc tổ chức tiệc	1	1				
4.2. Các loại hình tổ chức tiệc	3	2				1
CHƯƠNG 5. Nghệ thuật đàm phán	5	5				
5.1. Khái niệm đàm phán	1	1				
5.2. Đặc điểm đàm phán	1	1				
5.4. Xác định phong cách hành vi đàm phán	2	2				
5.5. Chiến lược đàm phán	1	1				

i. Mô tả cách đánh giá học phần

- Thi rọc phách , thời gian làm bài 60 phút
- Thang điểm: Thang điểm chữ A,B,C,D,F
- Điểm đánh giá học phần: $Z=0,3X+0,7Y$

k.Giáo trình: Tài liệu học tập, Đại học Hàng hải Việt Nam

l.Tài liệu tham khảo

1. Louis Dussault. Lễ tân, công cụ giao tiếp. NXB Thống kê. 1994
2. Roger Fisher & Danny Ertel. Getting ready to negotiate
3. Vũ Lê Giao, Nguyễn Văn Hòa, Lê Nhật Thức. Nghiệp vụ lễ tân trong giao tiếp
4. Nguyễn Tiến Thông. Một số vấn đề trong giao tiếp. NXB Trẻ 2000
5. Học viện Chính trị Quốc gia TP Hồ Chí Minh. Lễ tân ngoại giao. NXB chính trị quốc gia TP Hồ Chí Minh 1997.

10.45. Tiếng Anh cơ bản 2

Mã HP: 25102

a. Số tín chỉ: 03 TC

BTL ☐

ĐAMH ☐

b. Đơn vị giảng dạy: Khoa Ngoại ngữ

c. Phân bổ thời gian:

- | | |
|------------------------------------|----------------------------|
| - Tổng số (TS): 45 tiết. | - Lý thuyết (LT): 25 tiết. |
| - Thực hành (TH): 0 tiết. | - Bài tập (BT): 18 tiết. |
| - Hướng dẫn BTL/ĐAMH (HD): 0 tiết. | - Kiểm tra (KT): 02 tiết. |

d. Điều kiện đăng ký học phần: Không.

e. Mục đích, yêu cầu của học phần:

- *Kiến thức:* Học phần nhằm cung cấp kiến thức ngữ pháp và từ vựng tiếng Anh cơ sở cơ bản.

- *Kỹ năng*: Kết thúc học phần này, sinh viên đạt được khả năng giao tiếp tiếng Anh tổng quát trình độ sơ trung cấp (tương đương với trình độ B1 của khung trình độ chung Châu Âu). Sinh viên có thể hiểu được người bản xứ nói tiếng Anh ở tốc độ vừa phải

- *Thái độ*: Nâng cao năng lực tư duy logic, độc lập suy nghĩ của sinh viên; hình thành niềm say mê đối với tiếng anh, tinh thần không ngừng học hỏi; hình thành thái độ học tập đúng và nâng cao ý thức học tập.

f. Mô tả nội dung học phần:

Học phần tiếng Anh cơ bản 2 tiếp tục củng cố các hiện tượng ngữ pháp tiếng Anh, từ vựng tiếng Anh tổng quát để phục vụ giao tiếp một cách thỏa đáng về những chủ đề hàng ngày.

Học phần bao gồm các nội dung chủ yếu sau: Các đơn vị từ loại như danh từ; các loại tính từ; các loại trạng từ (tần suất, vị trí, mức độ, cách thức...); các dạng thức động từ (nguyên thể, danh động từ, tính từ đuôi -ing và -ed); mạo từ; giới từ; liên từ và cặp liên từ; Củng cố các cách cấu tạo từ ghép, từ phái sinh (danh từ, tính từ ghép; tiền tố, hậu tố); Ôn lại các cấp so sánh và các thì đã học như hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, hiện tại hoàn thành, thì tương lai; Mở rộng sang tất cả các thì tiếp diễn, hoàn thành, hoàn thành tiếp diễn và các thì đặc biệt ...; Củng cố kiến thức về câu chủ động, câu bị động và các cấu trúc bị động đặc biệt (VD: have st done); Phân tích cấu trúc câu, ôn luyện về định ngữ và mệnh đề quan hệ; Luyện phát âm và các cấu trúc giao tiếp trong sinh hoạt đời thường.

g. Người biên soạn: ThS. Nguyễn Hoài Đức, Th.S Nguyễn Hồng Ánh - Khoa Ngoại ngữ.

h. Nội dung chi tiết học phần:

TÊN CHƯƠNG MỤC	PHÂN PHỐI SỐ TIẾT					
	TS	LT	BT	TH	HD	KT
CHƯƠNG 1: Nội dung cơ bản	19	12	6.0			1,0
1.1. Getting to know you (Unit 1)	3,0	2,0	1,0			
1.1.1. Tenses: Present, Past, Future; Questions; Question words: Who, Why, How much	1,0	0,5	0,5			
1.1.2. Reading and speaking: Blind date	1,0	0,5	0,5			
1.1.3. Vocabulary and pronunciation: Using a bilingual Dictionary	0,5	0,5				
1.1.4 Everyday English: Social expressions	0,5	0,5				
1.2. The way we live (Unit 2)	3,0	2,0	1,0			
1.2.1 Present tenses: Present simple and Present continuous	1,0	0,5	0,5			
1.2.2 Vocabulary and speaking: Daily life	1,0	0,5	0,5			
1.2.3 Reading and speaking: Tales of two cities	0,5	0,5				
1.2.4 Everyday English: Making conversations	0,5	0,5				
1.3. What happened next? (Unit 3)	3,0	2,0	1,0			
1.3.1 Past tenses: Past simple and Past Continuous	1,0	0,5	0,5			

TÊN CHƯƠNG MỤC	PHÂN PHỐI SỐ TIẾT					
	TS	LT	BT	TH	HD	KT
<i>1.3.2 Reading and speaking: The man with the golden gun</i>	1,0	0,5	0,5			
<i>1.3.3 Vocabulary and speaking: Adverbs</i>	0,5	0,5				
<i>1.3.4 Everyday English: Time expressions</i>	0,5	0,5				
1.4. The market place (Unit 4)	3,0	2,0	1,0			
<i>1.4.1 Quantity</i>	0,5	0,5				
<i>1.4.2 Articles and vocabulary: Food</i>	1,0	0,5	0,5			
<i>1.4.3 Reading and speaking: Markets around the world</i>	0,5	0,5				
<i>1.4.4 Vocabulary, listening and speaking: Shopping</i>	0,5	0,5				
<i>1.4.5 Everyday English: Prices</i>	0,5		0,5			
1.5. What do you want to do? (Unit 5)	3,0	2,0	1,0			
<i>1.5.1. Hopes and ambitions</i>	0,5	0,5				
<i>1.5.2. Future intentions</i>	1,0	0,5	0,5			
<i>1.5.3. Brat Camp</i>	0,5	0,5				
<i>1.5.4. Vocabulary and listening</i>	0,5	0,5				
<i>1.5.5. Everyday English: How are you feeling?</i>	0,5		0,5			
1.6. Places and things (Unit 6)	3,0	2,0	1,0			
<i>1.6.1. What is it like?</i>	0,5	0,5				
<i>1.6.2. Comparatives and superlatives</i>	1,0	0,5	0,5			
<i>1.6.3. Reading and speaking: London: the world in a city</i>	0,5	0,5				
<i>1.6.4. Vocabulary and pronunciation : Synonyms and antonyms</i>	0,5	0,5				
<i>1.6.5. Everyday English : A city break</i>	0,5		0,5			
1.7. Bài kiểm tra số 1	1,0					1,0
CHƯƠNG 2: Nội dung nâng cao	25	12	12			1.0
2.1. Trạng từ tần suất	1,0	0,5	0,5			
2.2. Trạng từ nơi chốn	1,0	0,5	0,5			
2.3. Trạng từ mức độ	1,0	0,5	0,5			
2.4. Trạng từ cách thức	1,0	0,5	0,5			
2.5. Động từ nguyên thể và danh động từ	3,0	1,5	1,5			
2.6. Tính từ đuôi -ing và -ed	1,0	0,5	0,5			
2.7. Liên từ và liên từ kép	1,0	0,5	0,5			

TÊN CHƯƠNG MỤC	PHÂN PHỐI SỐ TIẾT					
	TS	LT	BT	TH	HD	KT
2.8. Từ ghép: danh từ và tính từ	1,0	0,5	0,5			
2.9. Tiền tố, hậu tố	1,0	0,5	0,5			
2.10. Các cấp so sánh	1,0	0,5	0,5			
2.11. Các thì tiếp diễn	2,0	1,0	1,0			
2.12. Các thì hoàn thành và hoàn thành tiếp diễn	2,0	1,0	1,0			
2.13. Các thì đặc biệt	2,0	1,0	1,0			
2.14. Câu chủ động, câu bị động	3,0	1,5	1,5			
2.15. Cấu trúc bị động câu khiến Have st done	1,0	0,5	0,5			
2.16. Bài kiểm tra số 2	1,0					1,0
2.16. Định ngữ	1,0	0,5	0,5			
2.17. Mệnh đề quan hệ	2,0	1,0	1,0			
Tổng ôn tập	1,0	1,0				

i. Mô tả cách đánh giá học phần:

Điều kiện để được dự thi cuối học kỳ:

Số tiết tham gia trên lớp của sinh viên phải $\geq 75\%$ tổng số tiết của học phần;

Các điểm $X_i \geq 4$ với $i = 1, 2$ Cho 2 bài kiểm tra điều kiện (nói – viết)

Điểm X được tính là trung bình cộng của 2 điểm kiểm tra điều kiện:

$$X = (KT1 + KT2)/2$$

Điểm đánh giá học phần : $Z = 0,3X + 0,7Y$

Thang điểm A+, A, B+, B, C+, C, D+, D, F.

Hình thức thi: Vấn đáp (áp dụng cho khối SV Hàng hải và Máy khai thác).

Viết (trắc nghiệm + tự luận, rọc phách) áp dụng với SV các ngành khác.

j. Giáo trình:

1. Liz and John Soars, *New Headway Pre-intermediate, The Third Edition*, Nhà xuất bản Thời đại, 2011.

k. Tài liệu tham khảo:

1. Raymond Murphy, *English Grammar in Use*, Cambridge University Press, 1997.
2. John Mc Clintock and Borje Stern, *Let's listen*, Nhà xuất bản Hải Phòng, 2004.
3. Anne Taylor and Garrett Byrne, *Very Easy Toeic*, Compass Publishing, 2007.
4. Anne Taylor and Casey Marcher, *Starter Toeic, Building Toeic Test Taking Skills*, Compass Publishing, 2006.

10.46. Tiếng Anh cơ bản 3

Mã HP: 25103

a. Số tín chỉ: 03 TC

BTL ☐

ĐAMH ☐

b. Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Ngoại ngữ

c. Phân bổ thời gian:

- | | |
|------------------------------------|----------------------------|
| - Tổng số (TS): 45 tiết. | - Lý thuyết (LT): 25 tiết. |
| - Thực hành (TH): 0 tiết. | - Bài tập (BT): 18 tiết. |
| - Hướng dẫn BTL/ĐAMH (HD): 0 tiết. | - Kiểm tra (KT): 02 tiết. |

d. Điều kiện đăng ký học phần:

Sinh viên đã học và đạt tư cách môn học *Tiếng Anh cơ bản 2*.

e. Mục đích, yêu cầu của học phần:

- *Kiến thức:* Học phần nhằm cung cấp kiến thức ngữ pháp và từ vựng tiếng Anh cơ sở cơ bản.

- *Kỹ năng:* Kết thúc học phần này, sinh viên đạt được khả năng giao tiếp tiếng Anh tổng quát trình độ trung cấp (tương đương với trình độ B2 của khung trình độ chung Châu Âu). Sinh viên có thể giao tiếp dễ dàng về các chủ đề hàng ngày và các khái niệm trừu tượng hơn. Còn mắc lỗi nhưng vẫn có khả năng sửa được những lỗi chính mà làm người nghe không hiểu được. Có thể hiểu được ý chính khi nghe người bản xứ nói.

- *Thái độ:* Nâng cao năng lực tư duy logic, độc lập suy nghĩ của sinh viên; hình thành niềm say mê đối với tiếng Anh, tinh thần không ngừng học hỏi; hình thành thái độ học tập đúng và nâng cao ý thức học tập. Tạo tiền đề để người học tiếp cận với các ngôn ngữ khác.

f. Mô tả nội dung học phần:

Học phần tiếng Anh cơ bản 3 củng cố chuyên sâu các hiện tượng ngữ pháp tiếng Anh, từ vựng tiếng Anh tổng quát để phục vụ giao tiếp một cách thỏa đáng về những chủ đề hàng ngày.

Học phần bao gồm các nội dung chủ yếu sau: Tổng kết về mạo từ, giới từ; liên từ, cấu tạo từ, các cấp so sánh, các thì đã học và các hiện tượng ngữ pháp khác trong học phần Anh văn cơ bản 1 và 2; Tổng hợp về các động từ khuyết thiếu; Giới thiệu và thực hành kiến thức về các loại mệnh đề tân ngữ, mệnh đề trạng ngữ, mệnh đề tính ngữ, và mệnh đề gián lược; Đi sâu khai thác về thành ngữ, đảo ngữ, câu trực tiếp, gián tiếp và giả định thức. Phân tích cấu trúc câu, thành phần câu; Luyện phát âm và các cấu trúc giao tiếp trong sinh hoạt đời thường.

g. Người biên soạn: ThS. Ngô Thị Nhân, ThS. Nguyễn Hồng Ánh - Bộ môn Ngoại ngữ.

h. Nội dung chi tiết học phần:

TÊN CHƯƠNG MỤC	PHÂN PHỐI SỐ TIẾT					
	TS	LT	BT	TH	HD	KT
CHƯƠNG 1: Nội dung cơ bản	19	12	6.0			1,0
1.1. Fame (Unit 7)	3,0	2,0	1,0			
1.1.1. Famous families	0,5	0,5				
1.1.2. Present perfect tense	0,5		0,5			
1.1.3. Listening and speaking : The band Goldrush	0,5		0,5			
1.1.4. Reading : Drama Queen	0,5	0,5				
1.1.5. Vocabulary: word endings and word stress	0,5	0,5				
1.1.6. Everyday English: short answers	0,5	0,5				

TÊN CHƯƠNG MỤC	PHÂN PHỐI SỐ TIẾT					
	TS	LT	BT	TH	HD	KT
1.2. Do's and don't (Unit 8)	3,0	2,0	1,0			
1.2.1. Jobs	0,5	0,5				
1.2.2. Modal verbs	0,5		0,5			
1.2.3. Listening and speaking : leaving home	0,5		0,5			
1.2.4. Reading and speaking: Jobs for boys and girls	0,5	0,5				
1.2.5. Vocabulary : Words that go together	0,5	0,5				
1.2.6. Everyday English : At the doctor's	0,5	0,5				
1.3. Going places (Unit 9)	3,0	2,0	1,0			
1.3.1. The gap year	0,5	0,5				
1.3.2. Vocabulary and speaking : make, do, take, and get	0,5	0,5				
1.3.3. Listening: Going nowhere	0,5		0,5			
1.3.4. Reading and speaking : Travel addicts	1,0	0,5	0,5			
1.3.5. Vocabulary and everyday English: Directions	0,5	0,5				
1.4. Things that changed the world (Unit 10)	3,0	2,0	1,0			
1.4.1. A photograph that changed the world	0,5	0,5				
1.4.2. Active and passive	0,5	0,5				
1.4.3. Vocabulary and listening : Verbs and nouns that go together	0,5		0,5			
1.4.4. Reading and speaking : A discovery and an invention that changed the world	1,0	0,5	0,5			
1.4.5. Everyday English: telephoning	0,5	0,5				
1.5. What if...? (Unit 11)	3,0	2,0	1,0			
1.5.1. Conditional sentences	1,0	0,5	0,5			
1.5.2. Practice and vocabulary: phrasal verbs	0,5	0,5				
1.5.3. Reading and speaking : Supervolcano	0,5		0,5			
1.5.4. Listening and speaking: at a crossroad of life	0,5	0,5				
1.5.5. Everyday English : exclamations with so and such	0,5	0,5				
1.6. Trying your best (Unit 12)	3,0	2,0	1,0			
1.6.1 Present perfect continuous	1,0	0,5	0,5			
1.6.2 vocabulary and speaking: bring, take, come, and go	0,5	0,5				
1.6.3 Reading and speaking: In her father's footsteps	0,5		0,5			
1.6.4 Listening and Speaking: song- if you come back	0,5	0,5				

TÊN CHƯƠNG MỤC	PHÂN PHỐI SỐ TIẾT					
	TS	LT	BT	TH	HD	KT
1.6.5 Everyday English: Social expressions	0,5	0,5				
1.7. Bài kiểm tra số 2	1,0					1,0
CHƯƠNG 2: Nội dung nâng cao	25	12	12			1.0
2.1. Số từ	1,0	0,5	0,5			
2.2. Cấu trúc từ và tiền tố, hậu tố	1,0	0,5	0,5			
2.3. So sánh kép và so sánh tăng tiến	1,0	0,5	0,5			
2.4. Mạo từ	1,0	0,5	0,5			
2.5. Động từ nối	1,0	0,5	0,5			
2.6. Động từ khuyết thiếu	2,0	1,0	1,0			
2.7. Mệnh đề phụ trạng ngữ chỉ kết quả	1,0	0,5	0,5			
2.8. Mệnh đề phụ trạng ngữ chỉ mục đích	1,0	0,5	0,5			
2.9. Mệnh đề phụ trạng ngữ biểu thị nhượng bộ	2,0	1,0	1,0			
2.10. Các loại mệnh đề phụ trạng ngữ khác	2,0	1,0	1,0			
2.11. Mệnh đề quan hệ (nâng cao)	1,0	0,5	0,5			
2.12. Mệnh đề rút gọn	2,0	1,0	1,0			
2.13. Mệnh đề tân ngữ với That	1,0	0,5	0,5			
2.14. Mệnh đề danh tính	1,0	0,5	0,5			
2.15. Câu trực tiếp, gián tiếp	2,0	1,0	1,0			
2.16. Đảo ngữ	1,0	0,5	0,5			
2.17. Giả định thức hiện tại	1,0	0,5	0,5			
2.18. Bài kiểm tra số 2	1,0					1,0
2.19. Giả định thức quá khứ	1,0	0,5	0,5			
2.20. Thành ngữ	1,0	0,5	0,5			
Tổng ôn tập	1,0	1,0				

i. Mô tả cách đánh giá học phần:

Điều kiện để được dự thi cuối học kỳ:

Số tiết tham gia trên lớp của sinh viên phải $\geq 75\%$ tổng số tiết của học phần;

Các điểm $X_i \geq 4$ với $i = 1, 2$ Cho 2 bài kiểm tra điều kiện (nói – viết)

Điểm X được tính là trung bình cộng của 2 điểm kiểm tra điều kiện: $X = (KT1 + KT2)/2$

Điểm đánh giá học phần : $Z = 0,3X + 0,7Y$

Thang điểm A+, A, B+, B, C+, C, D+, D, F.

Hình thức thi: Vấn đáp (áp dụng cho khối SV Hàng hải và Máy khai thác).

Viết (trắc nghiệm + tự luận, rọc phách) áp dụng với SV các ngành khác.

j. Giáo trình:

1. Liz and John Soars, *New Headway Pre-intermediate, The Third Edition*, Nhà xuất bản Thời đại, 2011.

k. *Tài liệu tham khảo:*

1. Raymond Murphy, *English Grammar in Use*, Cambridge University Press, 1997.
2. John Mc Clintock and Borje Stern, *Let's listen*, Nhà xuất bản Hải Phòng, 2004.
3. Anne Taylor and Garrett Byrne, *Very Easy Toeic*, Compass Publishing, 2007
4. Anne Taylor and Casey Marcher, *Starter Toeic, Building Toeic Test Taking Skills*, Compass Publishing, 2006.

10.47. Địa lý vận tải

Mã HP: 15301

a. *Số tín chỉ:* 02 TC

BTL: ☐

ĐAMH: ☐

b. *Đơn vị giảng dạy:* Khoa Kinh tế

c. *Phân bố thời gian:*

-Tổng số (TS): 30 tiết

- Lý thuyết (LT): 26 tiết

-Thực hành(TH) : 0 tiết

- Bài tập (BT): 02 tiết

-Hướng dẫn BTL/ĐAMH (HD): 0 tiết

- Kiểm tra (KT): 02 tiết

d. *Điều kiện đăng ký học phần:* Không bắt buộc

e. *Mục đích, yêu cầu của học phần:*

- *Kiến thức:* Thông qua học phần, sinh viên có những kiến thức cơ bản về điều kiện tự nhiên và ảnh hưởng của chúng tới khai thác vận tải biển.

- *Kỹ năng:* Hình thành và phát triển kỹ năng tìm kiếm thông tin, xử lý thông tin và đánh giá thông tin. Đồng thời vận dụng kiến thức vào các tình huống cụ thể.

- *Thái độ:* Nâng cao năng lực tư duy logic, độc lập suy nghĩ của sinh viên; hình thành niềm say mê nghiên cứu khoa học, tinh thần không ngừng học hỏi; hình thành thái độ học tập đúng và nâng cao ý thức học tập

f. *Mô tả nội dung chủ yếu*

- Các hiện tượng thời tiết, khí tượng, hải văn và ảnh hưởng của chúng tới vận tải biển.
- Đường biển thế giới.
- Cảng biển thế giới.
- Các tuyến vận chuyển bằng đường biển thế giới.
- Đặc điểm khí hậu vùng biển Việt Nam.

g. *Người biên soạn:* TS. Nguyễn Hữu Hùng – Khoa Kinh tế

h. *Nội dung chi tiết học phần:*

TÊN CHƯƠNG MỤC	PHÂN PHỐI SỐ TIẾT					
	TS	LT	BT	TH	HD	KT
CHƯƠNG 1: Các hiện tượng thời tiết, khí tượng, hải văn và ảnh hưởng của chúng tới VTB.	6	6				
1.1. Các hiện tượng thời tiết.	1	1				

TÊN CHƯƠNG MỤC	PHÂN PHỐI SỐ TIẾT					
	TS	LT	BT	TH	HD	KT
1.2. Các điều kiện khí tượng.	2	2				
1.3. Các yếu tố hải văn.	1	1				
1.4. Hoá tính, sinh tính nước biển.	1	1				
1.5. Bão nhiệt đới.	1	1				
CHƯƠNG 2: Đường biển thế giới	7	6				1
2.1. Đặc điểm của đại dương thế giới.	2	1				1
2.2. Đường biển quốc tế.	2	2				
2.3. Biển kín.	1	1				
2.4. Đường biển nhân tạo.	1	1				
2.5. Các đường sông biển thế giới.	1	1				
CHƯƠNG 3: Cảng biển thế giới.	6	6				
3.1. Cảng biển.	1	1				
3.2. Các tiền đề địa lý kinh tế để quy hoạch cảng biển.	1	1				
3.3. Vùng tiền phương và vùng hậu phương của cảng.	1	1				
3.4. Cảng tổng hợp.	1	1				
3.5. Cảng chuyên dụng.	1	1				
3.6. Cảng cung ứng.	1	1				
CHƯƠNG 4: Các tuyến vận chuyển bằng đường biển thế giới.	6	4	2			
4.1. Vận tải đường biển thế giới và sự lưu thông hàng hoá quốc tế.	1	1				
4.2. Các tuyến vận chuyển hàng khô.	1	1				
4.3. Các tuyến vận chuyển hàng lỏng.	1	1				
4.4. Các tuyến vận chuyển hàng bách hoá.	2	1				
CHƯƠNG 5: Đặc điểm khí hậu vùng biển Việt Nam	5	4				1
5.1. Sơ lược vùng biển Việt Nam.	2	2				
5.2. Các hệ thống thời tiết chính chi phối khí hậu Việt Nam và vùng biển Việt Nam.	2	1				1
5.3. Đặc điểm khí tượng hải văn vùng biển Việt Nam.	1	1				

i. Mô tả cách đánh giá học phần:

- Thi viết hoặc thi vấn đáp;

- Sinh viên phải đảm bảo các điều kiện theo Quy chế của Nhà trường và của Bộ.

Thang điểm: 100

Điểm đánh giá học phần: $Z = 0,5X + 0,5Y$

j. *Giáo trình*: Tài liệu học tập, Trường đại học Hàng hải Việt Nam

10.48. Luật Tài chính – Ngân hàng

Mã HP: 11458

a. *Số tín chỉ*: 2TC BTL ☐ ĐAMH ☐

b. *Đơn vị giảng dạy*: Bộ môn Luật Hàng hải

c. *Phân bố thời gian*:

- Tổng số (TS):	30 tiết	- Lý thuyết (LT):	24 tiết
- Thực hành (TH):	10 tiết	- Bài tập (BT):	0 tiết
- Hướng dẫn BTL/ĐAMH (HD):	0 tiết	- Kiểm tra (KT):	01 tiết

d. *Điều kiện đăng ký học phần* :

Sinh viên cần hoàn thành học phần *Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật*

e. *Mục đích, yêu cầu của học phần*:

- *Kiến thức*: Học phần sẽ cung cấp cho học sinh các kiến thức về Ngân sách Nhà nước, pháp luật về các khoản thu và chi của ngân sách nhà nước, pháp luật về tài chính doanh nghiệp và pháp luật về thị trường tài chính; kiến thức về thành lập ngân hàng và các hoạt động ngân hàng

- *Kỹ năng*: Hình thành và phát triển kỹ năng tìm kiếm thông tin, xử lý thông tin và đánh giá thông tin. Đồng thời vận dụng kiến thức vào các tình huống cụ thể.

- *Thái độ*: Nâng cao năng lực tư duy logic, độc lập suy nghĩ của sinh viên; hình thành niềm say mê nghiên cứu khoa học, tinh thần không ngừng học hỏi; hình thành thái độ học tập đúng và nâng cao ý thức học tập

f. *Mô tả nội dung của học phần*:

Học phần luật tài chính bao gồm những nội dung: Những vấn đề chung về Luật tài chính; Luật Ngân sách nhà nước; Pháp luật về tài chính doanh nghiệp; Pháp luật về thị trường tài chính; Pháp luật Ngân hàng.

g. *Người biên soạn*: Bộ môn Luật Hàng hải.

h. *Nội dung chi tiết học phần*

TÊN CHƯƠNG MỤC	PHÂN PHỐI SỐ TIẾT					
	TS	LT	BT	TH	HD	KT
CHƯƠNG 1. Luật Ngân sách Nhà nước	12	10		4		
1.1. Tổng quan về NSNN và luật NSNN	2	2				
1.2. Pháp luật về thu chi NSNN	3	2		2		
1.3. Tổ chức hệ thống NSNN	2	2				
1.4. Chu trình NSNN	3	2		2		
1.5. Quản lý quỹ NSNN	2	2				

CHƯƠNG 2. Pháp luật về tài chính doanh nghiệp	4	3		2		
2.1. Vốn của doanh nghiệp	1	1				
2.2. Chi phí trong doanh nghiệp	1	1				
2.3. Lợi nhuận của doanh nghiệp	2	1		2		
CHƯƠNG 3. Pháp luật về thị trường tài chính	4	3		2		
3.1. Thị trường nội tệ liên ngân hàng	1	1				
3.2. Thị trường ngoại tệ liên ngân hàng	1	1				
3.3. Thị trường mua bán lại trái phiếu chính phủ	2	1		2		
CHƯƠNG 4. Khái quát về các tổ chức tín dụng	3	3				
4.1. Khái niệm	1	1				
4.2. Lý luận về Ngân hàng và pháp luật Ngân hàng	2	2				
CHƯƠNG 5. Pháp luật về Ngân hàng	6	5		2		
4.1. Pháp luật về chủ thể kinh doanh ngân hàng	1	1				
4.2. Pháp luật về huy động vốn	1	1				
4.3. Pháp luật về cấp tín dụng	2	1		2		
4.3. Pháp luật về dịch vụ thanh toán	1	1				
4.5. Pháp luật về hoạt động ngoại hối	1	1				
Kiểm tra	1	1				1

i. Mô tả cách đánh giá học phần

Hình thức và tiêu chuẩn đánh giá sinh viên : Thi viết rọc phách.

Thang điểm : Thang điểm chữ A+, A, B+, B, C+, C, D+, D, F.

Điểm đánh giá học phần: $Z = 0.5X + 0.5Y$

+ Cách tính điểm X theo quy chế.

j. Giáo trình

Trường ĐH Luật Hà Nội, *Giáo trình Luật Tài chính*, NXB CAND Hà Nội, 2003

k. Tài liệu tham khảo

1. *Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn thi hành*, NXB Chính trị quốc gia, 2007

2. Trường ĐH Luật Hà Nội, *Giáo trình pháp luật về Thuế*, NXB Công an nhân dân Hà Nội, 2007

3. Trường ĐH Luật Hà Nội, *Giáo trình Luật NSNN*, NXB Công an nhân dân Hà Nội, 2006

10.49. Kinh tế cảng

Mã HP : 15305

a. Số tín chỉ: 02 TC

BTL ☐

ĐAMH ☐

b. Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Quản lý và Khai thác cảng

c. Phân bổ thời gian:

- Tổng số (TS): 30 tiết.

- Lý thuyết (LT): 25 tiết.

- Thực hành (TH): 0 tiết.

– Bài tập (BT): 4 tiết.

- Hướng dẫn BTL/ĐAMH (HD): 0 tiết.

– Kiểm tra: 1 tiết.

d. Điều kiện đăng ký học phần: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, Kinh tế lượng

e. Mục đích, yêu cầu của học phần:

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các vấn đề chung liên quan đến kinh tế cảng biển.

f. Mô tả học phần:

Cung cấp cho sinh viên những khái niệm cơ bản về cảng biển; Thị trường dịch vụ cảng biển; Cơ sở vật chất của cảng biển; Quản lý cảng biển; Chi phí và giá dịch vụ cảng biển; Cạnh tranh cảng biển; Hiệu quả đầu tư khai thác cảng biển.

g. Người biên soạn: Th.s Bùi Thanh Tùng, PGS. TS Nguyễn Thanh Thủy, Th.S Hoàng Thị Lịch

h. Nội dung chi tiết học phần.

TÊN CHƯƠNG MỤC	PHÂN PHỐI SỐ TIẾT					
	TS	LT	BT	TH	HD	KT
Chương I: Tổng quan về cảng biển và lý thuyết kinh tế cảng biển	4	4				
1.1 Khái niệm chung về cảng biển	2	2				
1.2 Lịch sử phát triển của cảng biển theo cách phục vụ của cầu tàu	1	1				
1.3 Tổng quan lý thuyết kinh tế cảng biển	1	1				
Chương 2: Thị trường dịch vụ của cảng biển	6	5	1			
2.1 Những nhân tố ảnh hưởng đến việc lựa chọn cảng của chủ tàu và chủ hàng	1	1				
2.2 Khu vực ảnh hưởng của cảng	1	1				
2.3 Thị trường dịch vụ của cảng	1	1				
2.4 Cung, cầu dịch vụ cảng	3	2	1			
Chương 3: Quản lý cảng biển	3	3				
3.1 Quản lý cảng qua các giai đoạn phát triển cảng	1	1				
3.2 Các mô hình quản lý cảng hiện đại	1	1				
3.3 Các chiến lược cải tổ quản lý cảng	1	1				
Chương 4: Khu vực khai thác cảng	2	2				
4.1 Khu vực cầu tàu	1	1				
4.2 Khu vực kho bãi	1	1				
Chương 5: Chi phí dịch vụ cảng biển	3	2	1			
5.1 Chi phí ngắn hạn	2	1	1			

TÊN CHƯƠNG MỤC	PHÂN PHỐI SỐ TIẾT					
	TS	LT	BT	TH	HD	KT
5.2 Chi phí dài hạn	1	1				
Chương 6: Giá dịch vụ cảng	3	2	1			
6.1 Khái niệm về giá dịch vụ cảng	1	1				
6.2 Định giá cảng biển	2	1	1			
Chương 7: Cạnh tranh cảng biển	2	2				
7.1 Khái niệm và nội dung về cạnh tranh cảng biển	1	1				
7.2 Các nhân tố ảnh hưởng	1	1				
Chương 8: Hiệu quả hoạt động đầu tư khai thác cảng biển	4	3	1			
8.1 Các mục tiêu khai thác cảng hiệu quả	1	1				
8.2 Đầu tư cảng biển	1	1				
8.3 Đánh giá tổng thể hiệu quả hoạt động quản lý và khai thác cảng	2	1	1			
ÔN TẬP- KIỂM TRA TƯ CÁCH	3	2	1			

i. Mô tả cách đánh giá học phần:

- Thi viết.

- Sinh viên phải đảm bảo các điều kiện theo Quy chế của Nhà trường và của Bộ.

Thang điểm: 10

Điểm đánh giá học phần: $Z = 0,3X + 0,7Y$

j. Giáo trình:

Kinh tế cảng, PGS.TS Nguyễn Thanh Thủy

k. Tài liệu tham khảo.

1. Bộ uật Hàng hải Việt nam, Nhà xuất bản chính trị Quốc gia, Hà nội, năm 2005
2. Tổ chức khai thác cảng, Trường Đại học hàng hải Việt nam, năm 1997
3. Kinh tế vận tải , Trường Đại học hàng hải Việt nam, năm 2004

10.50. Logistics và vận tải đa phương thức

Mã HP: 15816

a. Số tín chỉ: 02 TC

BTL: ☐

ĐAMH: ☐

b. Đơn vị giảng dạy: Khoa Kinh tế

c. Phân bổ thời gian:

- Tổng số (TS): 30 tiết

- Lý thuyết (LT): 26 tiết

- Thực hành(TH) : 0 tiết

- Bài tập (BT): 02 tiết

- Hướng dẫn BTL/ĐAMH (HD): 0 tiết

- Kiểm tra (KT): 02 tiết

d. Điều kiện đăng ký học phần: Không bắt buộc

e. *Mục đích, yêu cầu của học phần:*

- *Kiến thức:* Thông qua học phần, sinh viên có những kiến thức cơ bản về Logistics, dịch vụ logistics, quản trị tồn kho, quản trị chuỗi cung ứng và vận tải đa phương thức và các khung pháp lý chi phối tới hoạt động logistics của doanh nghiệp

- *Kỹ năng:* Hình thành và phát triển kỹ năng tìm kiếm thông tin, xử lý thông tin và đánh giá thông tin. Đồng thời vận dụng kiến thức vào các tình huống cụ thể.

- *Thái độ:* Nâng cao năng lực tư duy logic, độc lập suy nghĩ của sinh viên; hình thành niềm say mê nghiên cứu khoa học, tinh thần không ngừng học hỏi; hình thành thái độ học tập đúng đắn và nâng cao ý thức học tập

f. *Mô tả nội dung học phần*

Logistics là lập kế hoạch, thực thi, kiểm soát hiệu quả dòng vật chất từ điểm xuất phát đến điểm tiêu thụ cuối cùng mà không bị ách tắc, không bị tồn đọng mà phải thông suốt đáp ứng yêu cầu của khách hàng. Yêu cầu của khách hàng mà logistics phải đáp ứng đó là sản phẩm phải được cung cấp đúng hình thái, đúng thời gian, đúng địa điểm. Trong dòng dịch chuyển vật chất đó còn có sự đồng hành, đan xen, và đi kèm với nó là các dòng tiền tệ và dòng thông tin tương ứng.

Vì vậy, Logistics và vận tải đa phương thức cung cấp các kiến thức cơ bản về tổng quan về logistics, bản chất kinh tế và nội dung hoạt động, quản lý chuỗi cung ứng, logistics container, vận tải đa phương thức quốc tế.

g. *Người biên soạn:* TS. Nguyễn Hữu Hùng - Khoa Kinh tế

h. *Nội dung chi tiết học phần:*

TÊN CHƯƠNG MỤC	PHÂN PHỐI SỐ TIẾT					
	TS	LT	BT	TH	HD	KT
CHƯƠNG 1. Tổng quan về Logistics	6	6				
1.1. Khái niệm và phân loại Logistics	1	1				
1.2. Các giai đoạn phát triển Logistic	1	1				
1.3. Các vấn đề pháp lý của Logistics	1	1				
1.4. Các nguyên tắc cơ bản của hoạt động Logistics	1	1				
1.5. Quan hệ giữa Logistics và vận tải.	1	1				
1.6. Xu hướng phát triển của logistics	1	1				
CHƯƠNG 2. Nội dung hoạt động của Logistics	8	6	1			1
2.1. Các hoạt động logistics cơ bản	1	1				
2.2. Logistics thuê ngoài (outsourcing)	1	1				
2.3 Quản lý tồn kho	1	1				
2.4. Chi phí hoạt động logistics	1	1				
2.5. Bản chất kinh tế của logistics.	3	1	1			1
2.6 Chiến lược quản trị hàng tồn kho	1	1				
CHƯƠNG 3. Quản lý chuỗi cung ứng	10	10				

TÊN CHƯƠNG MỤC	PHÂN PHỐI SỐ TIẾT					
	TS	LT	BT	TH	HD	KT
3.1. Chuỗi cung ứng và vai trò của chuỗi cung ứng đối với hoạt động sản xuất kinh doanh	3	3				
3.2. Các dòng logistics trong SCM	3	3				
3.3. Các thành phần cơ bản của chuỗi cung ứng và các nguyên tắc cơ bản trong quản lý chuỗi cung ứng. Logistics và hệ thống thông tin	2	2				
3.4. Các chuỗi cung ứng	2	2				
CHƯƠNG 4. Vận tải đa phương thức quốc tế	8	6	1			1
4.1. Khái quát chung về VTĐPT	1	1				
4.2. Tổ chức chuyên chở hàng hoá XNK bằng VTĐPT.	1	1				
4.3. Chứng từ VTĐPT	1	1				
4.4. Thông báo tổn thất và khiếu nại với MTO	2	1	1			
4.5. Vận tải đa phương thức với INCOTERMS và UCP	3	2				1

i. Mô tả cách đánh giá học phần: $Z = 0.3X + 0.7Y$

Trong đó: X là điểm của quá trình (TB của các Xi)

Y là điểm thi kết thúc học phần

j. Giáo trình: Tài liệu ôn tập, Đại học Hàng hải Việt Nam

k. Tài liệu tham khảo

1. PGS.TS. Đoàn Thị Hồng Vân, *Quản trị Logistics*, NXB Thống kê, 2006
2. *Luật Thương mại Việt Nam*, 2003
3. *Các cam kết của Việt Nam với WTO về dịch vụ vận tải*, 2007
4. *Bộ luật hàng hải Việt Nam*, 2005.
5. Management of Bussiness Logistics

10.51. Thanh toán quốc tế

Mã HP: 15601

a. Số tín chỉ: 3TC

BTL ☐

ĐAMH ☐

b. Đơn vị giảng dạy: Khoa Kinh tế

c. Phân bố thời gian:

- | | | | |
|---------------------------|----------|-------------------|----------|
| - Tổng số (TS): | 45 tiết. | - Lý thuyết (LT): | 40 tiết. |
| - Thực hành (TH): | 0 tiết. | - Bài tập (BT): | 03 tiết. |
| - Hướng dẫn BTL/ĐAMH(HD): | tiết. | - Kiểm tra (KT): | 02 tiết. |

d. Điều kiện đăng ký học phần:

Sinh viên phải hoàn thành các học phần: *Vận tải trong ngoại thương*, *Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương*.

e. Mục đích yêu cầu của học phần:

- *Kiến thức*: Cung cấp kiến thức và rèn luyện kỹ năng thực hành trong lĩnh vực thanh toán quốc tế.

- *Kỹ năng*: Hình thành và phát triển kỹ năng tìm kiếm thông tin, xử lý thông tin và đánh giá thông tin. Đồng thời vận dụng kiến thức vào các tình huống cụ thể.

- *Thái độ*: Nâng cao năng lực tư duy logic, độc lập suy nghĩ của sinh viên; hình thành niềm say mê nghiên cứu khoa học, tinh thần không ngừng học hỏi; hình thành thái độ học tập đúng và nâng cao ý thức học tập

f. Mô tả nội dung học phần:

- Những vấn đề cơ bản trong điều hành tỉ giá và kinh tế đối ngoại.

- Các phương tiện thanh toán quốc tế trong ngoại thương.

- Các phương thức thanh toán quốc tế trong ngoại thương.

g. Người biên soạn: Khoa Kinh tế

h. Nội dung chi tiết học phần:

TÊN CHƯƠNG MỤC	PHÂN PHỐI SỐ TIẾT					
	TS	LT	BT	TH	HD	KT
CHƯƠNG 1. Cán cân thanh toán và tỉ giá hối đoái.	5	5				
1.1. Cán cân thanh toán quốc tế.	2	2				
1.2 Tỉ giá hối đoái.	3	3				
1.2.1 Khái niệm và các loại tỉ giá.	1	1				
1.2.2 Điều chỉnh tỉ giá.	1	1				
1.2.3. Thị trường ngoại hối và các nghiệp vụ ngoại hối.	1	1				
CHƯƠNG 2. Các phương tiện thanh toán quốc tế trong ngoại	15	14				1
2.1 Hối phiếu thương mại	9	9				
2.1.1 Khái niệm	1	1				
2.1.2 Các điều kiện thành lập và lưu thông hối phiếu	2	2				
2.1.3 Các nghiệp vụ cơ bản về hối phiếu.	3	3				
2.1.4 Phân loại hối phiếu.	3	3				
2.2 Séc trong thanh toán quốc tế	6	5				1
2.2.1 Khái niệm	1	1				
2.2.2 Các điều kiện thành lập và lưu thông séc	1	1				
2.2.3 Phân loại séc	3	2				1
CHƯƠNG 3. Các phương thức thanh toán quốc tế trong ngoại	20	16	3			1
3.1 Phương thức thanh toán chuyển tiền.	4	4				
3.1.1 Khái niệm chung.	2	2				
3.1.2 Điều kiện sử dụng.	2	2				
3.2 Phương thức thanh toán nhờ thu.	6	6				
3.2.1 Khái niệm.	2	2				
3.2.2 Điều kiện sử dụng.	4	4				
3.3 Phương thức thanh toán tín dụng chứng từ.	10	6	3			1
3.3.1 Khái niệm.	1	1				
3.3.2 L/C và các nội dung cơ bản của nó.	2	2				
3.3.3 Điều kiện sử dụng.	1	1				

3.3.4 Các loại L/C thông dụng.	8	5	3			1
CHƯƠNG 4. Các điều kiện thanh toán quốc tế trong ngoại	5	5				
4.1 Điều kiện thời gian thanh toán.	2	2				
4.1.1 Trả tiền trước	0.5	0.5				
4.1.2 Trả tiền ngay	0.5	0.5				
4.1.3 Trả tiền sau	1	1				
4.2 Điều kiện đồng tiền thanh toán	3	3				
4.2.1 Các loại tiền tệ trong thanh toán	2	2				
4.2.2 Bảo đảm giá trị của đồng tiền thanh toán.	1	1				

i. Mô tả cách đánh giá học phần:

- Thi viết hoặc thi vấn đáp;
- Sinh viên phải đảm bảo các điều kiện theo Quy chế của Nhà trường và của Bộ.

Thang điểm: 100

Điểm đánh giá học phần: $Z = 0,3X + 0,7Y$

j. Giáo trình: Tài liệu học tập, Trường Đại học Hàng hải Việt Nam

k. Tài liệu tham khảo.

1. GS Nguyễn Văn Chương. *Hình thức vận tải tiên tiến trong đường biển thế giới vận chuyển container*. Nhà xuất bản Giao thông Vận tải, Hà Nội. 2001
2. Luật thương mại Việt Nam. Nhà xuất bản chính trị Quốc gia, Hà Nội. 1991
3. PGS. TS. Nguyễn Văn Tiến. *Giáo trình thanh toán quốc tế*. Nhà xuất bản Thống kê. Hà Nội 2008.
4. GS. Đinh Xuân Trình. *Giáo trình thanh toán quốc tế*. Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội. 2006.

10.52. Giám định Hàng hải

Mã HP: 11464

a. Số tín chỉ: 02 TC

BTL ☐

ĐAMH ☐

b. Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Luật Hàng hải

c. Phân bổ thời gian:

- | | | | |
|----------------------------|---------|-------------------|---------|
| - Tổng số (TS): | 30 tiết | - Lý thuyết (LT): | 24 tiết |
| - Thực hành (TH): | 10 tiết | - Bài tập (BT): | 0 tiết |
| - Hướng dẫn BTL/ĐAMH (HD): | 0 tiết | - Kiểm tra (KT): | 01 tiết |

d. Điều kiện đăng ký học phần:

Sinh viên phải học các môn: Không.

e. Mục đích, yêu cầu của học phần:

- *Kiến thức*: Học phần “Giám định tổn thất hàng hải” giúp cho Sinh viên hiểu rõ mục đích của việc giám định tổn thất hàng hải đó là xác định mức độ, nguyên nhân và thời điểm xảy ra tổn thất một cách chính xác làm căn cứ để xác định đối tượng có trách nhiệm bồi thường.

- *Kỹ năng*: Hình thành và phát triển kỹ năng tìm kiếm thông tin, xử lý thông tin và đánh giá thông tin. Đồng thời vận dụng kiến thức vào các tình huống cụ thể.

- *Thái độ*: Nâng cao năng lực tư duy logic, độc lập suy nghĩ của sinh viên; hình thành niềm say mê nghiên cứu khoa học, tinh thần không ngừng học hỏi; hình thành thái độ học tập đúng và nâng cao ý thức học tập

f. Mô tả nội dung học phần:

Trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực, kinh tế Việt Nam trong những năm qua đã có những bước tăng trưởng vượt bậc. Để thực hiện tốt nhiệm vụ cũng như mang lại lợi ích thiết thực không chỉ đối với doanh nghiệp mà cho cả đất nước sau này, Sinh viên phải am hiểu rất nhiều lĩnh vực như: luật pháp và tập quán quốc tế, thương phẩm hàng hóa, giao nhận, vận tải, thanh toán, bảo hiểm, ... Học phần “Giám định tổn thất hàng hải” cung cấp cho Sinh viên các kiến thức cơ bản bao gồm: Tổng quan về giám định hàng hải trong thương mại quốc tế, giám định tổn thất hàng hóa vận chuyển trên tàu, giám định tổn thất đâm va và tổn thất tài sản, giám định tổn thất thương tật cá nhân, giám định ô nhiễm, giám định tổn thất thân và máy tàu và bồi thường tổn thất trong công tác bảo hiểm hàng hải.

g. Người biên soạn: Bộ môn Luật Hàng hải

h. Nội dung chi tiết học phần:

TÊN CHƯƠNG MỤC	PHÂN PHỐI SỐ TIẾT					
	TS	LT	BT	TH	HD	KT
CHƯƠNG 1: Tổng quan về giám định hàng hải trong thương mại quốc tế	2	2				
1.1 Giám định theo yêu cầu	1	1				
1.2 Giám định khi có tai nạn	1	1				
CHƯƠNG 2: Giám định tổn thất hàng hóa vận chuyển trên tàu	5	4		2		
2.1 Khái niệm cơ bản, định nghĩa	0.5	0.5				
2.2 Nguyên nhân của tổn thất hàng hóa	1	1				
2.3 Các loại giấy tờ phục vụ công tác giám định	0.5	0.5				
2.4 Các bước thực hiện giám định ở hiện trường	1	1				
2.5 Đánh giá mức độ tổn thất, đánh giá chi phí khắc phục	1.5	0.5		2		
2.6 Chứng thư giám định	0.5	0.5				
CHƯƠNG 3: Giám định tổn thất đâm va và tổn thất tài sản	7	6		2		
3.1 Khái niệm cơ bản, định nghĩa	1	1				
3.2 Nguyên nhân của tổn thất	1	1				
3.3 Các loại giấy tờ phục vụ công tác giám định	1	1				

3.4 Các bước thực hiện giám định ở hiện trường	1	1				
3.5 Đánh giá mức độ tổn thất, đánh giá chi phí khắc phục	2	1		2		
3.6 Chứng thư giám định	1	1				
CHƯƠNG 4: Giám định tổn thất thương tật cá nhân	4	3		2		
4.1 Khái niệm cơ bản, định nghĩa	0.5	0.5				
4.2 Nguyên nhân của tổn thất hàng hóa	0.5	0.5				
4.3 Các loại giấy tờ phục vụ công tác giám định	0.5	0,5				
4.4 Các bước thực hiện giám định ở hiện trường	2	1		2		
4.5 Chứng thư giám định	0.5	0.5				
CHƯƠNG 5: Giám định ô nhiễm	5	4		2		
5.1 Khái niệm cơ bản, định nghĩa	1	1				
5.2 Nguyên nhân của tổn thất	1	1				
5.3 Các loại giấy tờ phục vụ công tác giám định	0.5	0.5				
5.4 Các bước thực hiện giám định ở hiện trường	2	1		2		
5.5 Chứng thư giám định	0.5	0.5				
CHƯƠNG 6: Giám định tổn thất thân và máy tàu	6	5		2		
6.1 Khái niệm cơ bản, định nghĩa	1	1				
6.2 Nguyên nhân của tổn thất	1	1				
6.3 Các loại giấy tờ phục vụ công tác giám định	1	1				
6.4 Các bước thực hiện giám định ở hiện trường	2	1		2		
6.5 Chứng thư giám định	1	1				
Kiểm tra	1					1

i. Mô tả cách đánh giá học phần:

Hình thức và tiêu chuẩn đánh giá sinh viên : Thi viết rọc phách

Thang điểm : Thang điểm chữ A+, A, B+, B, C+, C, D+, D, F.

Điểm đánh giá học phần: $Z = 0.5X + 0.5Y$

+ Cách tính điểm X theo quy chế.

j. Giáo trình: Tài liệu học tập, Trường đại học Hàng hải Việt Nam

k. Tài liệu tham khảo:

1. Lloyd's Survey Handbook
2. Marine Surveying and Consultancy

10.53. Kiểm tra nhà nước cảng biển

Mã HP: 11440

a. Số tín chỉ: 2 TC

BTL ☒

ĐAMH ☐

b. Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Điều động tàu

c. Phân bố thời gian:

- | | |
|-------------------------------------|----------------------------|
| - Tổng số (TS): 30 tiết. | - Lý thuyết (LT): 25 tiết. |
| - Thực hành (TH): 0 tiết. | - Bài tập (BT): 0 tiết. |
| - Hướng dẫn BTL/ĐAMH (HD): 10 tiết. | - Kiểm tra (KT): 0 tiết. |

d. Điều kiện đăng ký học phần: Không

e. Mục đích, yêu cầu của học phần:

- *Kiến thức*: Thông qua học phần, sinh viên hiểu về thủ tục kiểm tra của chính quyền cảng đối với tàu biển.

- *Kỹ năng*: Hình thành và phát triển kỹ năng tìm kiếm thông tin, xử lý thông tin và đánh giá thông tin. Đồng thời vận dụng kiến thức vào các tình huống cụ thể.

- *Thái độ*: Nâng cao năng lực tư duy logic, độc lập suy nghĩ của sinh viên; hình thành niềm say mê nghiên cứu khoa học, tinh thần không ngừng học hỏi; hình thành thái độ học tập đúng và nâng cao ý thức học tập

f. Mô tả nội dung học phần:

Học phần giới thiệu chung về kiểm tra của Chính quyền cảng (PSC) cũng như công tác kiểm tra của chính quyền cảng đối với tàu biển khi ra và vào cảng nội địa và quốc tế. Ngoài ra học phần cũng giới thiệu công tác đánh giá, kết quả kiểm tra của Chính quyền cảng và hành động khắc phục của tàu. Giới thiệu về an toàn và an ninh cảng biển theo quy định của bộ luật Quản lý an toàn và an ninh cảng biển.

g. Người biên soạn: Bộ môn Cơ sở hàng hải

h. Nội dung chi tiết học phần:

TÊN CHƯƠNG MỤC	PHÂN PHỐI SỐ TIẾT					
	TS	LT	BT	TH	HD	KT
CHƯƠNG 1. Giới thiệu chung về kiểm tra của Chính quyền cảng (PSC)	7	7				
1.1 Vai trò và nhiệm vụ của PSC	2	2				
1.2 Hoạt động của PSC	2	2				
1.3 Năng lực và thủ tục kiểm tra của PSC	3	3				
CHƯƠNG 2. Kiểm tra của chính quyền cảng đối với tàu	10	10				
2.1 Kiểm tra của chính quyền cảng	5	5				

TÊN CHƯƠNG MỤC	PHÂN PHỐI SỐ TIẾT					
	TS	LT	BT	TH	HD	KT
2.2 Kiểm tra chi tiết hơn	5	5				
CHƯƠNG 3. Công tác đánh giá và hành động khắc phục	8	8				
3.1 Công tác đánh giá	4	4				
3.2 Hành động khắc phục	4	4				
Hướng dẫn Bài tập lớn: Báo cáo về hoạt động thanh tra nhà nước cảng biển Việt Nam và một số quốc gia trên thế giới	10		10			

i. *Mô tả cách đánh giá học phần:*

Hình thức và tiêu chuẩn đánh giá sinh viên : Thi viết rọc phách.

Thang điểm : Thang điểm chữ A+, A, B+, B, C+, C, D+, D, F.

Điểm đánh giá học phần: $Z = 0.5X + 0.5Y$

+ Cách tính điểm X theo quy chế.

j. *Giáo trình:* Tài liệu học tập, Trường đại học Hàng hải Việt Nam

k, *Tài liệu tham khảo:*

1. Bộ GTVT , *Thủ tục kiểm tra của chính quyền cảng*, Đăng kiểm Việt Nam, 2011

2 . IMO, A 787 (19).

3 . Resolution A,787(19), as amended by resolution A,882(21)

10.54. Tập quán thương mại quốc tế

Mã HP: 11420

a. *Số tín chỉ:* 02 TC

BTL ☐

ĐAMH ☐

b. *Đơn vị giảng dạy:* Bộ môn Luật hàng hải

c. *Phân bố thời gian:*

- Tổng số (TS): 30 tiết

- Lý thuyết (LT): 24 tiết

- Thực hành (TH): 10 tiết

- Bài tập (BT): 0 tiết

- Hướng dẫn BTL/ĐAMH (HD): 0 tiết

- Kiểm tra (KT): 01 tiết

d. *Điều kiện đăng ký học phần:* không.

e. *Mục đích, yêu cầu của học phần:*

- *Kiến thức:* Thông qua môn học, sinh viên không những có nhiều biết chung, khái quát nhất về thương mại quốc tế mà còn nhận thức rõ được vai trò cũng như tầm quan trọng của các tập quán thương mại quốc tế. Bên cạnh việc giới thiệu một số tập quán thương mại quốc tế phổ biến đang được sử dụng rộng rãi, môn học còn trang bị cho sinh viên một số kiến thức nhất định nhằm giúp người học có thể cân nhắc, lựa chọn sử dụng một bộ tập quán hay áp dụng những điều khoản một cách hợp lý trong giao thương...

- *Kỹ năng:* Hình thành và phát triển kỹ năng tìm kiếm thông tin, xử lý thông tin và đánh giá thông tin. Đồng thời vận dụng kiến thức vào các tình huống cụ thể.

- *Thái độ*: Nâng cao năng lực tư duy logic, độc lập suy nghĩ của sinh viên; hình thành niềm say mê nghiên cứu khoa học, tinh thần không ngừng học hỏi; hình thành thái độ học tập đúng và nâng cao ý thức học tập

f. Mô tả nội dung học phần:

Học phần cung cấp cho SV những kiến thức cơ bản về Tập quán thương mại quốc tế: Một số vấn đề cơ bản, một số lý thuyết về thương mại quốc tế; Lý luận chung về tập quán thương mại quốc tế và mối quan hệ giữa tập quán thương mại quốc tế và các nguồn pháp luật khác. Bên cạnh đó môn học còn giới thiệu cho sinh viên về một số tập quán thương mại quốc tế quan trọng và khá thông dụng như *Incoterms 2010*, *UCP 600*... và đặc biệt đi sâu phân tích, tìm hiểu một số điều khoản dùng cho vận tải biển và vận tải thủy nội địa trong *Incoterms 2010* nhằm giúp người học nắm chắc được cách sử dụng các điều khoản cũng như tránh được một số sai sót thường mắc phải khi áp dụng các điều khoản...

g. Người biên soạn: ThS. Nguyễn Tuấn Anh – Bộ môn Luật hàng hải

h. Nội dung chi tiết học phần:

TÊN CHƯƠNG MỤC	PHÂN PHỐI SỐ TIẾT					
	TS	LT	BT	TH	HD	KT
CHƯƠNG 1. Tổng quan về thương mại quốc tế và tập quán thương mại quốc tế	4	4				
1.1 Thương mại quốc tế	2	2				
1.1.1 Một số vấn đề cơ bản của thương mại quốc tế	1	1				
1.1.2 Giới thiệu một số lý thuyết về thương mại quốc tế	1	1				
1.2 Tập quán thương mại quốc tế	2	2				
1.2.1. Lý luận chung về tập quán thương mại quốc tế	1	1				
1.2.2. Mối quan hệ giữa tập quán thương mại quốc tế với các nguồn pháp luật khác	1	1				
CHƯƠNG 2. Giới thiệu một số tập quán thương mại quốc tế quan trọng	12	11		2		
2.1 Điều khoản thương mại quốc tế Incoterms 2010	4	4				
2.1.1. Vài nét về Phòng Thương Mại Quốc Tế ICC và Incoterms 2010	1	1				
2.1.2. Đặc điểm của Incoterms 2010- Những sửa đổi và bổ sung	3	3				
2.2 Bộ nguyên tắc hợp đồng thương mại quốc tế PICC của UNIDROIT 2004	4	3		2		
2.2.1. Sơ lược về sự ra đời của PICC	1	1				

TÊN CHƯƠNG MỤC	PHÂN PHỐI SỐ TIẾT					
	TS	LT	BT	TH	HD	KT
2.2.2. Một số quy định chung	3	2		2		
2.3 Bộ quy tắc và thực hành thống nhất về tín dụng chứng từ UCP 600	3	4				
2.3.1 Khái quát chung về UCP 600	1	1				
2.3.2 Kết cấu UCP 600 – Những sửa đổi, bổ sung	2	3				
CHƯƠNG 3. Tìm hiểu một số điều khoản dùng cho vận tải biển và vận tải thủy nội địa trong Incoterms 2010	12	8		8		
3.1 Điều khoản FAS	3	2		2		
3.1.1 Nghĩa vụ người bán	1.5	1		1		
3.1.2 Nghĩa vụ người mua	1.5	1		1		
3.2 Điều khoản FOB	3	2		2		
3.2.1 Nghĩa vụ người bán	1.5	1		1		
3.2.2 Nghĩa vụ người mua	1.5	1		1		
3.3 Điều khoản CFR	3	2		2		
3.3.1 Nghĩa vụ người bán	1.5	1		1		
3.3.2 Nghĩa vụ người mua	1.5	1		1		
3.4 Điều khoản CIF	3	2		2		
3.4.1 Nghĩa vụ người bán	1.5	1		1		
3.4.2 Nghĩa vụ người mua	1.5	1		1		
Kiểm tra	1					1

i. Mô tả cách đánh giá học phần:

Hình thức và tiêu chuẩn đánh giá sinh viên : Thi viết rọc phách.

Thang điểm : Thang điểm chữ A+, A, B+, B, C+, C, D+, D, F.

Điểm đánh giá học phần: $Z = 0.5X + 0.5Y$

+ Cách tính điểm X theo quy chế.

j. Giáo trình:

1. Bộ môn Luật Hàng hải. Bài giảng . Đại học hàng hải.

k. Tài liệu tham khảo:

1. Nguyễn Thành Danh - Thương mại quốc tế- Nhà xuất bản Lao động - Xã hội 2008

2. Trường Đại Học Luật Thành Phố Hồ Chí Minh – Giáo trình Luật Thương Mại Quốc Tế - Nhà xuất bản Hồng Đức – Hội Luật Gia Việt Nam 2013

3. Phòng Thương Mại Quốc Tế - Incoterms 2010 - Nhà xuất bản Thông tin và truyền thông Hà Nội 2010

4. Phòng Thương Mại Quốc Tế - Bộ Tập Quán Quốc Tế về L/C- Các văn bản có hiệu lực mới nhất - Nhà xuất bản Thông tin và truyền thông Hà Nội 2010

5. Viện thống nhất tư pháp quốc tế Roma - Italia – Những nguyên tắc hợp đồng thương mại

10.55. Giới hạn trách nhiệm dân sự trong hàng hải

Mã HP: 11437

a. Số tín chỉ: 02 TC

BTL ☒

ĐAMH ☐

b. Đơn vị giảng dạy: Khoa Hàng hải

c. Phân bổ thời gian:

- Tổng số (TS): 30 tiết.

- Lý thuyết (LT): 25 tiết.

- Thực hành (TH): 00 tiết.

- Bài tập (BT): 0 tiết.

- Hướng dẫn BTL/ĐAMH (HD): 10 tiết.

- Kiểm tra (KT): 0 tiết.

d. Điều kiện đăng ký học phần:

Sinh viên đã học học phần *Luật dân sự* mới được đăng ký học học phần này

e. Mục đích, yêu cầu của học phần:

- *Kiến thức*: Sinh viên hiểu biết về trách nhiệm bồi thường thiệt hại của chủ tàu do lỗi của những người làm thuê cho chủ tàu gây ra trong các vụ tai nạn đâm va tàu biển, tổn thất hàng hóa vận chuyển ; Nắm được các mức giới hạn bồi thường của chủ tàu trong các vụ khiếu nại hàng hải

- *Kỹ năng*: Hình thành và phát triển kỹ năng giải quyết, tính toán bồi thường thiệt hại trong những tranh chấp hàng hải cụ thể.

- *Thái độ*: Nâng cao tinh thần trách nhiệm của mỗi cá nhân, tập thể, tránh và hạn chế tổn thất thiệt hại cho chủ tàu, duy trì và phát triển hoạt động kinh doanh.

f. Mô tả nội dung học phần:

Học phần Giới hạn trách nhiệm dân sự chủ tàu, cung cấp những kiến thức về trách nhiệm dân sự, trách nhiệm dân sự chủ tàu, các mức giới hạn trách nhiệm dân sự chủ tàu theo các Công ước quốc tế khác nhau, hoặc theo Bộ luật Hàng hải Việt Nam. Học phần gồm 3 chương. Chương 1 trình bày về khái niệm giới hạn trách dân sự, cơ sở lý luận phải giới hạn trách nhiệm dân sự chủ tàu, Chương 2 giới thiệu một số Công ước quốc tế tiêu biểu trong lĩnh vực hàng hải hiện đang được áp dụng rộng rãi trên thế giới, cũng như các giới hạn trách nhiệm dân sự chủ tàu khác nhau theo từng Công ước. Chương 3 nói về giới hạn trách nhiệm dân sự chủ tàu theo những điều luật quy định tại Bộ luật Hàng hải Việt Nam. Ngoài ra tại phần chuyên đề/BTL yêu cầu sinh viên tìm hiểu và nắm được trình tự giải quyết một vụ việc tranh chấp hàng hải, cách giải quyết, tính toán bồi thường thiệt hại của các bên liên quan, khi xảy ra một vụ khiếu nại hàng hải theo các Công ước, Bộ luật.

g. Người biên soạn: ThS.GVC. Đào Quang Dân - Bộ môn Xếp dỡ hàng hoá.

h. Nội dung chi tiết học phần:

TÊN CHƯƠNG MỤC	PHÂN PHỐI SỐ TIẾT					
	TS	LT	BT	TH	HD	KT

TÊN CHƯƠNG MỤC	PHÂN PHỐI SỐ TIẾT					
	TS	LT	BT	TH	HD	KT
CHƯƠNG 1: Khái niệm về giới hạn trách nhiệm dân sự chủ tàu	5	5				
1.1 Thế nào là giới hạn trách nhiệm dân sự	1	1				
1.2 Cơ sở lý luận phải giới hạn trách nhiệm dân sự chủ tàu	1	1				
1.3 Những trường hợp không được giới hạn	2	2				
1.4 Khái niệm về giới hạn trách nhiệm dân sự chủ tàu.(giới hạn trách nhiệm dân sự, chủ tàu	1	1				
CHƯƠNG 2: Các công ước quốc tế về giới hạn dân sự chủ tàu	10	10				
2.1 Công ước Brúc-xen 1924	1	1				
2.2 Công ước Brúc-xen 1957	1	1				
2.3 Công ước Luân Đôn 1976	1	1				
2.4 CLC	2	2				
2.5 FUND 1971	1	1				
2.6 Bunker 2001	2	2				
2.7 Áp dụng mức giới hạn trách nhiệm dân sự chủ tàu trong các vụ tai nạn đâm va tàu biển.	2	2				
CHƯƠNG 3. Quy định của pháp luật Việt Nam về giới hạn dân sự chủ tàu (Theo bộ luật HHVN 2005)	10	10				
3.1. Người được quyền giới hạn trách nhiệm dân sự	1	1				
3.2 Các khiếu nại hàng hải áp dụng giới hạn trách nhiệm dân sự.	1	1				
3.3. Các khiếu nại hàng hải không áp dụng giới hạn trách nhiệm dân sự	1	1				
3.4. Mức giới hạn trách nhiệm dân sự	1	1				
3.5 Giới hạn trách nhiệm của người vận chuyển trong hợp đồng Vận chuyển hàng hóa bằng đường biển	3	3				
3.6 Giới hạn trách nhiệm của người vận chuyển trong hợp đồng vận chuyển Hợp đồng vận chuyển hành khách và hành lý bằng đường biển	3	3				
Chuyên đề	10				10	
<i>Chuyên đề 1: Tìm hiểu trình tự giải quyết một vụ việc tranh chấp hàng hải</i>						
<i>Chuyên đề 2: Tìm hiểu cách giải quyết, tính toán bồi thường thiệt hại của các bên liên</i>						

TÊN CHƯƠNG MỤC	PHÂN PHỐI SỐ TIẾT					
	TS	LT	BT	TH	HD	KT
<i>quan, khi xảy ra một vụ khiếu nại hàng hải theo các Công ước, Bộ luật.</i>						
<i>Chuyên đề 3: Tìm hiểu cách giải quyết, tính toán bồi thường thiệt hại của các bên trong những tai nạn đâm va tàu biển, áp dụng mức giới hạn trách nhiệm dân sự chủ tàu.</i>						
<i>Chuyên đề 4: Tìm hiểu về giới hạn trách nhiệm dân sự đối với các khiếu nại hàng hải được quy định trong Bộ Luật Hàng hải Việt Nam 2005</i>						

i. Mô tả cách đánh giá học phần:

Hình thức và tiêu chuẩn đánh giá sinh viên : Thi vấn đáp, hoặc thi tự luận.

Thang điểm : Thang điểm chữ A+, A, B+, B, C+, C, D+, D, F.

Điểm đánh giá học phần: $Z = 0.5X + 0.5Y$

+ Cách tính điểm X theo quy chế.

j. Giáo trình: Tài liệu học tập, Trường đại học hàng hải Việt Nam

k. Tài liệu tham khảo:

1. Bộ luật Hàng hải Việt Nam 2005.

2. International Convention relating to the Limitation of the Liability of Owners of Sea-Going Ships, and Protocol of Signature 1957.

3. Convention on Limitation of Liability for Maritime Claims, 1976

4. The Civil Liability Conventions (CLC) OF 1969 And 1992, And The Fund Conventions FUND (FC) Of 1971 And 1992.

5 International Convention on Civil Liability for Bunker Oil Pollution Damage, 2001.

10.56. Pháp luật quốc tế về vận chuyển hàng hóa bằng đường biển Mã HP: 11441

a. Số tín chỉ: 2 TC

BTL ☐

ĐAMH ☐

b. Đơn vị giảng dạy: Khoa Hàng hải

c. Phân bố thời gian:

- Tổng số (TS): 30 tiết

- Lý thuyết (LT): 24 tiết

- Thực hành (TH): 10 tiết

- Bài tập (BT): 0 tiết

- Hướng dẫn BTL/ĐAMH (HD): 0 tiết

- Kiểm tra (KT): 01 tiết

d. Điều kiện đăng ký học phần: không

e. Mục đích, yêu cầu của học phần:

- *Kiến thức*: sinh viên có những kiến thức cơ bản về pháp luật quốc tế về an toàn hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm biển vận dụng trong công tác sau này trong quá trình sản xuất vận tải biển trong và ngoài nước, đặc biệt trong thương mại quốc tế bằng đường biển.

- *Kỹ năng*: sử dụng thành thạo các nguồn pháp luật; hình thành và hoàn thiện kỹ năng giải quyết các tranh chấp trong thực tế.

- *Về thái độ*: Nâng cao năng lực tư duy logic, độc lập suy nghĩ của sinh viên; hình thành

niềm say mê nghiên cứu khoa học, tinh thần không ngừng học hỏi; hình thành thái độ học tập đúng và nâng cao ý thức học tập.

f. Mô tả nội dung học phần:

Nội dung chính của học phần: Giới thiệu về Tổ chức Hàng hải Quốc tế (IMO) và các công ước của IMO; Các công ước chính của IMO về an toàn hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm biển SOLAS 74, MARPOL – 73/78, Các công ước khác liên quan LOADLINE 66, TONNAGE 69, STCW 78/2010, COLREG – 72, BWM - 2004

g. Người biên soạn: ThS. Phạm Vũ Tuấn – Bộ môn Luật Hàng hải

h. Nội dung chi tiết học phần:

TÊN CHƯƠNG MỤC	PHÂN PHỐI SỐ TIẾT					
	TS	LT	BT	TH	HD	KT
CHƯƠNG 1: Giới thiệu về Tổ chức Hàng hải Quốc tế (IMO) và các công ước của IMO	2	2				
1.1. Giới thiệu về Tổ chức Hàng hải Quốc tế (IMO)	1	1				
1.2. Giới thiệu chung các công ước về hàng hải của IMO	1	1				
CHƯƠNG 2: Các công ước của IMO về an toàn hàng hải	21	18		6		
2.1. Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển SOLAS – 74	4	3		2		
2.2. Công ước quốc tế về mạn khô tàu biển – LOADLINE – 66	3	3				
2.3. Công ước quốc tế về đo dung tích tàu biển TONNAGE – 69	4	3		2		
2.4. Công ước quốc tế về tiêu chuẩn huấn luyện cấp bằng và trực ca cho thuyền viên – STCW 78/2010	4	3		2		
2.5. Công ước quốc tế về tránh va trên biển COLREG – 72	3	3				
2.6. Công ước về tìm kiếm cứu nạn SAR – 79	3	3				
CHƯƠNG 3: Các công ước của IMO về ngăn ngừa ô nhiễm biển	6	4		4		
3.1. Công ước quốc tế về ngăn ngừa ô nhiễm do tàu gây ra MARPOL – 73/78	3	2		2		
3.2. Công ước quốc tế về kiểm soát và quản lý nước bẩn và chất cặn bặn từ tàu BWM - 2004	3	2		2		
Kiểm tra	1					1

i. Mô tả cách đánh giá học phần:

- Thi viết rọc phách.
- Thang điểm: Thang điểm chữ A+, A, B+, B, C+, C, D+, D, F.
- Điểm đánh giá học phần: $Z = 0,5X + 0,5Y$.
- + Cách tính điểm X theo quy chế.

j. *Giáo trình*: Tài liệu học tập, Trường đại học hàng hải Việt Nam

k. *Tài liệu tham khảo*:

1. A.K. Zudro và I.Kh.Dzaval “*Pháp luật Hàng hải*” - NXB Vận tải biển Matxcova. 1974
2. “*Bộ luật Hàng hải Việt Nam*” - NXB Pháp lý. Hà Nội – 2005
3. Chrley & Giles' “*Shipping law*” - NXB Giao thông Vận tải. Hà Nội - 1992.
4. Cục Hàng hải Việt Nam “*Các công ước quốc tế về hàng hải*” NXB GTVT Hà Nội.
5. Cục Hàng hải Việt Nam “*Các văn bản pháp luật về hàng hải*” - NXB Chính trị quốc gia. Hà Nội.
6. Cục Hàng hải Việt Nam “*Sổ tay Pháp luật hàng hải*” - NXB GTVT. Hà Nội - 2003.
7. F.N.Hokins “*Business and Law for the ship's Master*” Brown son &Ferguson Ltd. 1987.
8. Nguyễn Chung “*Luật hàng hải*” (Những vấn đề cơ bản) – NXB Đồng Nai - 2000.
9. Trang Web của IMO: www.imo.org

10.57. Luật Hôn nhân và gia đình

Mã HP: 11450

a. *Số tín chỉ*: 2TC

BTL ☐

ĐAMH ☐

b. *Đơn vị giảng dạy*: Bộ môn Luật Hàng hải

c. *Phân bố thời gian*:

- Tổng số (TS):	30 tiết	- Lý thuyết (LT):	24 tiết
- Thực hành (TH):	10 tiết	- Bài tập (BT):	0 tiết
- Hướng dẫn BTL/ĐAMH (HD):	0 tiết	- Kiểm tra (KT):	01 tiết

d. *Điều kiện đăng ký học phần*: không

e. *Mục tiêu của học phần*:

- *Kiến thức*: Sinh viên hiểu và phân tích được các quy định pháp luật hôn nhân và gia đình trong tình huống thực tế, bao gồm: điều kiện để việc kết hôn hợp pháp; huỷ việc kết hôn; quyền và nghĩa vụ về nhân thân giữa vợ và chồng; chế độ tài sản giữa vợ chồng; li hôn; chia tài sản chung của vợ chồng; quan hệ giữa cha mẹ và con phát sinh do sự kiện sinh đẻ; vấn đề mang thai hộ vì mục đích nhân đạo; nuôi con nuôi; quyền và nghĩa vụ nhân thân và tài sản giữa các thành viên khác trong gia đình; cấp dưỡng; giải quyết các quan hệ HNGĐ có yếu tố nước ngoài.

- *Kỹ năng*: Xây dựng kỹ năng phân tích, xác định tính chất, nội dung các quan hệ pháp luật; hình thành và hoàn thiện kỹ năng giải quyết các tranh chấp trong thực tế; sử dụng thành thạo các nguồn pháp luật.

- *Về thái độ*: Nâng cao năng lực tư duy logic, độc lập suy nghĩ của sinh viên; hình thành niềm say mê nghiên cứu khoa học, tinh thần không ngừng học hỏi; hình thành thái độ học tập đúng và nâng cao ý thức học tập.

f. *Mô tả nội dung học phần*:

Luật Hôn nhân và gia đình là môn khoa học có tính ứng dụng cao và gắn với cuộc sống

của mỗi cá nhân trong cộng đồng. Phần lí luận giới thiệu các hình thái hôn nhân gia đình trong lịch sử; các khái niệm cơ bản như khái niệm hôn nhân, khái niệm gia đình, khái niệm luật HNGĐ, quan hệ pháp luật hôn nhân gia đình; các nguyên tắc cơ bản của luật hôn nhân gia đình Việt Nam. Phần các chế định pháp lí cụ thể nghiên cứu những quy định của pháp luật hiện hành về kết hôn; nghĩa vụ và quyền của vợ chồng; quan hệ pháp luật giữa cha mẹ và con; cấp dưỡng giữa các thành viên trong gia đình; li hôn; quan hệ hôn nhân gia đình có yếu tố nước ngoài; nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài.

g. *Người biên soạn:* Bộ môn Luật Hàng hải

h. *Nội dung chi tiết học phần:*

TÊN CHƯƠNG MỤC	PHÂN PHỐI SỐ TIẾT					
	TS	LT	BT	TH	HD	KT
CHƯƠNG 1: Khái niệm và các nguyên tắc cơ bản của Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam	3	3				
1.1 Các hình thái hôn nhân và gia đình trong lịch sử	1	1				
1.2 Khái niệm về hôn nhân và gia đình	1	1				
1.3 Khái niệm, nguyên tắc và lịch sử phát triển của Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam	1	1				
CHƯƠNG 2: Quan hệ pháp luật Hôn nhân và gia đình	2	2				
2.1 Khái niệm và đặc điểm	1					
2.2 Các yếu tố cấu thành	1	1				
CHƯƠNG 3. Kết hôn	4	4				
3.1. Khái niệm <i>Kết hôn</i>	1	1				
3.2 Các điều kiện kết hôn	1	1				
3.3. Đăng ký kết hôn	1	1				
3.4. Hủy việc kết hôn trái pháp luật	1	1				
CHƯƠNG 4. Quyền và nghĩa vụ của vợ và chồng	7	5		4		
4.1 Quyền và nghĩa vụ nhân thân	1	1				
4.2 Quyền và nghĩa vụ tài sản	2	2				
4.3 Chia tài sản vợ chồng	4	2		4		
CHƯƠNG 5. Chấm dứt hôn nhân	3	2		2		
5.1 Chấm dứt hôn nhân do ly hôn	1	1				
5.2 Chấm dứt hôn nhân do một bên vợ, chồng chết hoặc bị tòa án tuyên bố đã chết	2	1		2		
CHƯƠNG 6. Quan hệ pháp luật giữa các thành viên trong gia đình	8	6		4		
6.1 Quan hệ pháp luật giữa cha mẹ và con do sự	1	1				

TÊN CHƯƠNG MỤC	PHÂN PHỐI SỐ TIẾT					
	TS	LT	BT	TH	HD	KT
kiện sinh đẻ						
6.2 Quan hệ pháp luật giữa cha mẹ và con do sự kiện nuôi con nuôi	2	2				
6.3 Các quan hệ khác	1	1				
6.4 Cấp dưỡng	4	2		4		
CHƯƠNG 7. Quan hệ hôn nhân gia đình có yếu tố nước ngoài	3	3				
7.1 Khái niệm	1	1				
7.2 Nguyên tắc áp dụng luật và thẩm quyền giải quyết	1	1				
7.3 Công nhận, ghi chú bản án, quyết định của Tòa án, cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài về hôn nhân và gia đình	2	1				
Kiểm tra	1					1

i. Mô tả cách đánh giá học phần:

Hình thức và tiêu chuẩn đánh giá sinh viên : Thi vấn đáp, hoặc thi tự luận.

Thang điểm : Thang điểm chữ A+, A, B+, B, C+, C, D+, D, F.

Điểm đánh giá học phần: $Z = 0.5X + 0.5Y$

+ Cách tính điểm X theo quy chế.

j. Giáo trình: Tài liệu học tập, Trường đại học hàng hải Việt Nam

k. Tài liệu tham khảo:

1. Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam 2014
2. Bộ luật Dân sự Việt Nam 2015
3. Bộ luật Hình sự Việt Nam
4. Luật Trẻ em 2016

10.58. Kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính thông dụng

Mã HP: 11451

a. Số tín chỉ: 2TC

BTL ☐

ĐAMH ☐

b. Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Luật Hàng hải

c. Phân bố thời gian:

- | | | | |
|----------------------------|---------|-------------------|---------|
| - Tổng số (TS): | 30 tiết | - Lý thuyết (LT): | 24 tiết |
| - Thực hành (TH): | 10 tiết | - Bài tập (BT): | 0 tiết |
| - Hướng dẫn BTL/ĐAMH (HD): | 0 tiết | - Kiểm tra (KT): | 01 tiết |

d. Điều kiện đăng ký học phần: không

e. Mục tiêu, yêu cầu của học phần:

- *Kiến thức*: Sinh viên có khả năng phân tích được những vấn đề cơ bản về văn bản hành chính thông dụng; trình bày hình thức và nội dung của văn bản hành chính thông dụng; ứng dụng lý thuyết vào bài tập tình huống cụ thể để soạn thảo văn bản hành chính thông dụng.

- *Kỹ năng*: Sinh viên thành thạo các kỹ năng về: nhận diện và soạn thảo từng loại văn bản hành chính thông dụng.

- *Thái độ*: Sinh viên có nhận thức đúng đắn về vai trò của văn bản hành chính thông dụng trong hoạt động quản lý của cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội, đơn vị kinh tế...

f. Mô tả nội dung học phần:

Kỹ năng soạn thảo một số văn bản hành chính thông dụng là học phần chuyên đề có tính ứng dụng, cung cấp những kiến thức cơ bản về văn bản hành chính thông dụng và kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính thông dụng trong những tình huống cụ thể. Môn học được chia thành 2 phần: Lý thuyết và thực hành soạn thảo.

g. Người biên soạn: Bộ môn Luật Hàng hải

h. Nội dung chi tiết học phần:

TÊN CHƯƠNG MỤC	PHÂN PHỐI SỐ TIẾT					
	TS	LT	BT	TH	HD	KT
CHƯƠNG 1: Khái quát về văn bản hành chính thông dụng	2	2				
1.1 Khái niệm, đặc điểm và phân loại văn bản hành chính thông dụng	0.5	0.5				
1.2 Vai trò và chức năng của văn bản hành chính thông dụng	0.5	0.5				
1.3 Những yêu cầu đối với văn bản hành chính thông dụng	1	1				
CHƯƠNG 2: Soạn thảo Biên bản	4	3		2		
2.1 Khái niệm và phân loại	0.5	0.5				
2.2 Mục đích sử dụng	0.5	0.5				
2.3 Yêu cầu khi soạn thảo	1	1				
2.4 Cách thức soạn thảo	2	1		2		
CHƯƠNG 3. Soạn thảo Công văn	5	4		2		
3.1 Khái niệm và phân loại	1	1				
3.2 Mục đích sử dụng	1	1				
3.3 Yêu cầu khi soạn thảo	1	1				
3.4 Cách thức soạn thảo	2	1		2		
CHƯƠNG 4. Soạn thảo Tờ trình	5	4		2		
4.1 Khái niệm và phân loại	1	1				
4.2 Mục đích sử dụng	1	1				

TÊN CHƯƠNG MỤC	PHÂN PHỐI SỐ TIẾT					
	TS	LT	BT	TH	HD	KT
4.3 Yêu cầu khi soạn thảo	1	1				
4.4 Cách thức soạn thảo	2	1		2		
CHƯƠNG 5. Soạn thảo Báo cáo	5	4		2		
5.1 Khái niệm và phân loại	1	1				
5.2 Mục đích sử dụng	1	1				
5.3 Yêu cầu khi soạn thảo	1	1				
5.4 Cách thức soạn thảo	2	1		2		
CHƯƠNG 6. Soạn thảo Nội quy, Quy chế	5	4		2		
6.1 Khái niệm và phân loại	1	1				
6.2 Mục đích sử dụng	1	1				
6.3 Yêu cầu khi soạn thảo	1	1				
6.4 Cách thức soạn thảo	2	1		2		
CHƯƠNG 7. Soạn thảo Đề án, Kế hoạch công tác	3	3				
7.1 Khái niệm và phân loại	0.5	0.5				
7.2 Mục đích sử dụng	0.5	0.5				
7.3 Yêu cầu khi soạn thảo	1	1				
7.4 Cách thức soạn thảo	2	1				
Kiểm tra	1					1

i. Mô tả cách đánh giá học phần:

Hình thức và tiêu chuẩn đánh giá sinh viên : Thi vấn đáp, hoặc thi tự luận.

Thang điểm : Thang điểm chữ A+, A, B+, B, C+, C, D+, D, F.

Điểm đánh giá học phần: $Z = 0.5X + 0.5Y$

+ Cách tính điểm X theo quy chế.

j. Giáo trình: Tài liệu học tập, Trường đại học hàng hải Việt Nam

k. Tài liệu tham khảo:

1. Nghị định số 110/2004/NĐ-CP ngày 08/4/2004 của Chính phủ về công tác văn thư.

2. Nghị định số 09/2010/NĐ-CP ngày 08/02/2010 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 110/2004/NĐ-CP.

3. Thông tư số 01/2011/TT-BNV ngày 19/01/2011 của Bộ nội vụ hướng dẫn thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính.

10.59. Luật Cạnh tranh

Mã HP: 11452

a. Số tín chỉ: 2TC

BTL ☐

ĐAMH ☐

b. Đơn vị giảng dạy Bộ môn Luật Hàng hải

c. Phân bố thời gian:

- Tổng số (TS):	30 tiết	- Lý thuyết (LT):	24 tiết
- Thực hành (TH):	10 tiết	- Bài tập (BT):	0 tiết
- Hướng dẫn BTL/ĐAMH (HD):	0 tiết	- Kiểm tra (KT):	01 tiết

d. Điều kiện đăng ký học phần: không

e. Mục tiêu, yêu cầu của học phần:

- *Kiến thức:* Thông qua học phần, sinh viên hiểu được khái niệm, đặc điểm và nội dung cơ bản của pháp luật cạnh tranh; nội dung các hành vi hạn chế cạnh tranh và cạnh tranh không lành mạnh; thẩm quyền và trình tự thủ tục giải quyết các vụ việc cạnh tranh.

- *Kỹ năng:* Hình thành và phát triển kỹ năng so sánh, bình luận đánh giá các vấn đề của pháp luật cạnh tranh; có khả năng vận dụng các quy định của pháp luật về cạnh tranh để nhận diện, đánh giá, phân tích các hành vi phản cạnh tranh trên thị trường, từ đó đưa ra phương hướng giải quyết.

- *Thái độ:* Tích cực nâng cao trình độ nhận thức về bảo vệ cạnh tranh trên thị trường; khách quan hơn đối với các lợi ích cần được bảo vệ của các chủ thể kinh doanh trên thị trường, quyền được tự do cạnh tranh của các thương nhân.

f. Mô tả nội dung học phần:

Luật cạnh tranh là môn học cung cấp các kiến thức pháp luật về bảo vệ cạnh tranh trong kinh doanh, xác định các hành vi hạn chế cạnh tranh và cạnh tranh không lành mạnh, phương thức tố tụng cạnh tranh.

g. Người biên soạn: Bộ môn Luật Hàng hải

h. Nội dung chi tiết học phần:

TÊN CHƯƠNG MỤC	PHÂN PHỐI SỐ TIẾT					
	TS	LT	BT	TH	HD	KT
CHƯƠNG 1: Những vấn đề lý luận về cạnh tranh và pháp luật cạnh tranh	2	2				
1.1 Khái quát về cạnh tranh	1	1				
1.2 Khái quát về pháp luật cạnh tranh	1	1				
CHƯƠNG 2: Căn cứ xác định hành vi hạn chế cạnh tranh	2	2				
2.1 Xác định thị trường liên quan	1	1				
2.2 Sức mạnh thị trường	1	1				
CHƯƠNG 3. Pháp luật về kiểm soát thỏa thuận hạn chế cạnh tranh	4	4		2		
3.1 Khái quát về thỏa thuận hạn chế cạnh tranh	2	2				
3.2 Pháp luật cạnh tranh Việt Nam về thỏa thuận hạn chế cạnh tranh	3	2		2		
CHƯƠNG 4. Pháp luật về kiểm soát lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, vị trí độc quyền	5	4		2		

TÊN CHƯƠNG MỤC	PHÂN PHỐI SỐ TIẾT					
	TS	LT	BT	TH	HD	KT
4.1 Khái quát về hành vi kiểm soát lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, vị trí độc quyền	2	2				
4.2 Pháp luật cạnh tranh Việt Nam về kiểm soát lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, vị trí độc quyền	3	2		2		
CHƯƠNG 5. Pháp luật về kiểm soát tập trung kinh tế	5	4		2		
5.1 Khái quát về kiểm soát tập trung kinh tế	2	2				
5.2 Pháp luật cạnh tranh Việt Nam về kiểm soát tập trung kinh tế	3	2		2		
CHƯƠNG 6. Pháp luật về cạnh tranh không lành mạnh	8	6		4		
6.1 Khái quát về cạnh tranh không lành mạnh	2	2				
6.2 Pháp luật cạnh tranh Việt Nam về cạnh tranh không lành mạnh	6	4		4		
CHƯƠNG 7. Tổ tụng cạnh tranh, thủ tục miễn trừ và xử lý vi phạm pháp luật cạnh tranh	3	3				
7.1 Tổ tụng cạnh tranh	1	1				
7.2 Thủ tục miễn trừ đối với hành vi hạn chế cạnh tranh bị cấm	1	1				
7.3 Xử lý vi phạm pháp luật cạnh tranh	1	1				
Kiểm tra	1					1

i. Mô tả cách đánh giá học phần:

Hình thức và tiêu chuẩn đánh giá sinh viên : Thi vấn đáp, hoặc thi tự luận.

Thang điểm : Thang điểm chữ A+, A, B+, B, C+, C, D+, D, F.

Điểm đánh giá học phần: $Z = 0.5X + 0.5Y$

+ Cách tính điểm X theo quy chế.

j. Giáo trình: Tài liệu học tập, Trường đại học hàng hải Việt Nam

k. Tài liệu tham khảo:

1. Luật Cạnh tranh 2004
2. Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng 2010
3. Luật Thương mại 2005
4. Nghị định 07/2015/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Hội đồng Cạnh tranh
5. Nghị định 71/2014/NĐ-CP hướng dẫn Luật Cạnh tranh về xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực cạnh tranh

10.60. Pháp luật thương mại ASEAN**Mã HP: 11453***a. Số tín chỉ:* 2TCBTL ☐ĐAMH ☐*b. Đơn vị giảng dạy:* Bộ môn Luật Hàng hải*c. Phân bổ thời gian:*

- Tổng số (TS):	30 tiết	- Lý thuyết (LT):	24 tiết
- Thực hành (TH):	10 tiết	- Bài tập (BT):	0 tiết
- Hướng dẫn BTL/ĐAMH (HD):	0 tiết	- Kiểm tra (KT):	01 tiết

*d. Điều kiện đăng ký học phần:*Sinh viên đã học học phần *Công pháp quốc tế* mới được đăng ký học học phần này*e. Mục tiêu, yêu cầu của học phần:*

- *Kiến thức:* Hiểu được quá trình hình thành, mục tiêu, nguyên tắc hoạt động và hệ thống thiết chế pháp lý của ASEAN trong lĩnh vực thương mại. Hiểu được mô hình liên kết của Cộng đồng kinh tế ASEAN và các vấn đề pháp lý cụ thể về tự do hoá thương mại hàng hoá, đầu tư, dịch vụ và lao động lành nghề trong ASEAN. Hiểu được cơ chế hợp tác ngoại khối của ASEAN, nắm được các vấn đề pháp lý cụ thể về ASEAN+1, ASEAN+3 và cấp cao Đông Á. Hiểu được các vấn đề pháp lý của Cơ chế giải quyết tranh chấp của ASEAN, trên cơ sở đó so sánh được với các cơ chế giải quyết tranh chấp tương tự (như cơ chế của WTO). Nắm được thực tiễn thực hiện nghĩa vụ thành viên của Việt Nam; vai trò của ASEAN trong phát triển kinh tế-xã hội và đảm bảo chủ quyền quốc gia, chủ trương và định hướng hội nhập ASEAN của Đảng và Nhà nước ta hiện nay.

- *Kỹ năng:* Góp phần rèn luyện kỹ năng đọc hiểu và xử lý các văn bản pháp luật bằng tiếng Anh; rèn luyện các kỹ năng nghiên cứu khoa học độc lập hoặc theo nhóm đối với các vấn đề về luật quốc tế và luật nước ngoài; hình thành và phát triển kỹ năng so sánh luật, vận dụng vào việc nghiên cứu các tổ chức quốc tế khu vực khác.

- *Thái độ:* Nhận thức đúng đắn và khách quan về cộng đồng kinh tế ASEAN; nhận thức đúng vai trò của pháp luật ASEAN và pháp luật quốc tế trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay của Việt Nam; tích cực góp phần tham gia vào công tác tuyên truyền và phổ biến pháp luật Cộng đồng ASEAN.

f. Mô tả nội dung học phần:

Học phần Pháp luật thương mại ASEAN cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản và các kiến thức pháp lý chuyên ngành về cộng đồng kinh tế ASEAN.

g. Người biên soạn: Bộ môn Luật Hàng hải*h. Nội dung chi tiết học phần:*

TÊN CHƯƠNG MỤC	PHÂN PHỐI SỐ TIẾT					
	TS	LT	BT	TH	HD	KT
CHƯƠNG 1: Khái quát về ASEAN và cộng đồng kinh tế ASEAN	2	2				
1.1 Khái quát về ASEAN	1	1				

TÊN CHƯƠNG MỤC	PHÂN PHỐI SỐ TIẾT					
	TS	LT	BT	TH	HD	KT
1.2 Khái quát về cộng đồng kinh tế ASEAN	1	1				
CHƯƠNG 2: Tự do hóa, thuận lợi hóa thương mại hàng hóa	8	6		4		
2.1 Khung pháp lý	1	1				
2.2 Tự do hóa thuế quan và các biện pháp phi thuế quan	2	2				
2.3 Quy tắc xuất xứ	1	1				
2.4 Thuận lợi hóa thương mại hàng hóa	4	2		4		
CHƯƠNG 3. Tự do hóa, thuận lợi hóa đầu tư	4	4		2		
3.1. Khung pháp lý	1	1				
3.2 Tự do hóa đầu tư	1	1				
3.3 Bảo hộ, xúc tiến và thuận lợi hóa đầu tư	2	1		2		
CHƯƠNG 4. Tự do hóa dịch vụ và lao động ngành nghề	5	4		2		
4.1 Tự do hóa một số lĩnh vực dịch vụ theo AFAS	2	2				
4.2 Tự do di chuyển lao động lành nghề	3	2		2		
CHƯƠNG 5. Thu hẹp khoảng cách phát triển trong Cộng đồng kinh tế ASEAN	2	2				
5.1 Ý nghĩa	1	1				
5.2 Phương thức và chương trình	1	1				
CHƯƠNG 6. Hợp tác thương mại ngoại khối	7	6		2		
6.1 Định hướng phát triển hợp tác	2	2				
6.2 Các hiệp định thương mại hợp tác ngoại khối	2	2				
6.3 Cơ chế giải quyết tranh chấp	3	2		2		
Kiểm tra	1					1

i. Mô tả cách đánh giá học phần:

Hình thức và tiêu chuẩn đánh giá sinh viên : Thi vấn đáp, hoặc thi tự luận.

Thang điểm : Thang điểm chữ A+, A, B+, B, C+, C, D+, D, F.

Điểm đánh giá học phần: $Z = 0.5X + 0.5Y$

+ Cách tính điểm X theo quy chế.

j. Giáo trình: Tài liệu học tập, Trường đại học hàng hải Việt Nam

k. Tài liệu tham khảo:

1. Nguyễn Hồng Sơn (chủ biên), *Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC) - nội dung và lộ trình*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2008.

2. Hiệp định về các thoả thuận thương mại ưu đãi năm 1977.

3. Hiệp định về Chương trình ưu đãi thuế quan chung cho khu vực mậu dịch tự do ASEAN (AFTA) năm 1992.
4. Hiệp định khung về tăng cường hợp tác kinh tế ASEAN năm 1992
5. Nghị định thư sửa đổi Hiệp định về Chương trình ưu đãi thuế quan chung cho khu vực mậu dịch tự do ASEAN (AFTA) năm 1995.
6. Bộ Quy tắc hải quan ASEAN năm 1995.
7. Hiệp định khung ASEAN về dịch vụ năm 1995
8. Nghị định thư về cơ chế giải quyết tranh chấp (Nghị định thư Manila) năm 1996.
9. Hiệp định cơ bản về chương trình hợp tác công nghiệp ASEAN năm 1996.

10.61. Đại cương văn hóa Việt Nam

Mã HP: 19107

a. Số tín chỉ: 2TC

BTL ☐

ĐAMH ☐

b. Đơn vị giảng dạy: Khoa Lý luận chính trị

c. Phân bố thời gian:

- Tổng số (TS):	30 tiết	- Lý thuyết (LT):	24 tiết
- Thực hành (TH):	10 tiết	- Bài tập (BT):	0 tiết
- Hướng dẫn BTL/ĐAMH (HD):	0 tiết	- Kiểm tra (KT):	01 tiết

d. Điều kiện đăng ký học phần: không

e. Mục đích, yêu cầu của học phần:

- *Kiến thức*: Có hiểu biết cơ bản về văn hóa Việt Nam bao gồm: kết cấu; bản sắc; lịch sử hình thành và phát triển cho tới nay, từ đó đánh giá được điểm mạnh, điểm yếu của văn hóa Việt Nam và phân biệt được văn hóa Việt Nam với các nền văn hóa khác trên thế giới.

- *Kỹ năng*: Phát triển năng lực thu thập thông tin và xử lý thông tin thông qua các phương thức như phân tích, tổng hợp, so sánh ... từ đó đưa ra được đánh giá cá nhân; tiếp thu những tinh hoa văn hoá của nhân loại và đấu tranh loại trừ những yếu tố không phù hợp với bản sắc của văn hoá dân tộc ; hình thành kỹ năng giao tiếp, ứng xử và định hướng, truyền bá lối sống văn hoá mới...

- *Thái độ*: Tích cực nâng cao trình độ nhận thức, củng cố lòng tự hào dân tộc, tự hào về nền văn hoá giàu truyền thống, giàu bản sắc của người Việt Nam; Khách quan hơn trong việc đánh giá văn hoá Việt Nam ; Phát huy sức mạnh của nền văn hoá đó trong bối cảnh hội nhập và hợp tác quốc tế hiện nay;

f. Giới thiệu nội dung học phần:

Đại cương văn hoá Việt Nam là môn học nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về văn hoá học nói chung và văn hoá Việt Nam nói riêng.

g. Người biên soạn: Khoa Lý luận chính trị

h. Nội dung chi tiết học phần:

TÊN CHƯƠNG MỤC	PHÂN PHỐI SỐ TIẾT					
	TS	LT	BT	TH	HD	KT
CHƯƠNG 1. Văn hóa học và đại cương văn hóa	2	2				

TÊN CHƯƠNG MỤC	PHÂN PHỐI SỐ TIẾT					
	TS	LT	BT	TH	HD	KT
Việt Nam						
1.1. Khái niệm	0.5	0.5				
1.2. Đối tượng điều chỉnh	0.5	0.5				
1.3. Phương pháp nghiên cứu	0.5	0.5				
1.4. Ý nghĩa của việc nghiên cứu	0.5	0.5				
CHƯƠNG 2. Các công cụ định vị văn hóa – định vị và kết cấu của văn hóa Việt Nam	7	6		2		
2.1. Các công cụ định vị văn hóa	1	1				
2.2. Định vị văn hóa Việt Nam và đặc điểm của Văn hóa Việt Nam	1	1				
2.3. Bản sắc văn hóa Việt Nam	3	2		2		
2.4. Kết cấu văn hóa Việt Nam	2	2				
CHƯƠNG 3. Mặt tinh thần của văn hóa Việt Nam	9	8		2		
3.1. Tín ngưỡng	2	2				
3.2. Văn hóa giao tiếp	2	2				
3.3. Nghệ thuật thanh sắc và hình khối	2	2				
3.4. Lễ hội	3	2		2		
CHƯƠNG 4. Mặt thực tiễn của văn hóa Việt Nam	8	6		4		
4.1. Văn hóa nhân cách	1	1				
4.2. Văn hóa làng xã	2	1		2		
4.3. Văn hóa đô thị	1	1				
4.4. Văn hóa nhà nước – dân tộc	1	1				
4.5. Ảnh hưởng của văn hóa bên ngoài	3	2		2		
CHƯƠNG 5. Văn hóa Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa	3	2		2		
5.1. Khái niệm toàn cầu hóa	0.5	0.5				
5.2. Tác động của toàn cầu hóa đối với văn hóa	0.5	0.5				
5.3. Giữ gìn và làm giàu bản sắc văn hóa Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa	2	1		2		
Kiểm tra	1					1

i. Mô tả cách đánh giá học phần:

Hình thức và tiêu chuẩn đánh giá sinh viên : Thi vấn đáp, hoặc thi tự luận.

Thang điểm : Thang điểm chữ A+, A, B+, B, C+, C, D+, D, F.

Điểm đánh giá học phần: $Z = 0.5X + 0.5Y$

+ Cách tính điểm X theo quy chế.

j. *Giáo trình*: Tài liệu học tập, Trường đại học Hàng hải Việt Nam

k. *Tài liệu tham khảo*:

1. Phạm Thái Việt - Đào Ngọc Tuấn, *Đại cương về văn hoá Việt Nam*, Nxb. Văn hoá thông tin, Hà Nội, 2004.
2. A. Araduchin, *Văn hoá học - những bài giảng*, Nxb. Văn hoá thông tin, Hà Nội, 2004.
3. Sanuel Huntington, *Sự va chạm giữa các nền văn minh*, Nxb. Lao động, Hà Nội, 2003.
4. Phạm Thái Việt, *Toàn cầu hoá những biến đổi lớn về chính trị quốc tế và văn hoá*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2006.

10.62. Môi trường và Bảo vệ Môi trường

Mã HP: 26101

a. *Số tín chỉ*: 2 TC

BTL ☐

ĐAMH ☐

b. *Đơn vị giảng dạy*: Bộ môn kỹ thuật môi trường

c. *Phân bố thời gian*:

- Tổng số (TS):	30 tiết	- Lý thuyết (LT):	24 tiết
- Thực hành (TH):	10 tiết	- Bài tập (BT):	0 tiết
- Hướng dẫn BTL/ĐAMH (HD):	0 tiết	- Kiểm tra (KT):	01 tiết

d. *Điều kiện đăng ký học phần*: Không.

e. *Mục đích, yêu cầu của học phần*:

- *Kiến thức*

- + Tìm hiểu các kiến thức cơ bản về cấu trúc môi trường và chức năng của môi trường
- + Tìm hiểu kiến thức cơ bản về sinh thái học môi trường
- + Tìm hiểu kiến thức cơ bản về ô nhiễm các thành phần môi trường (môi trường không khí, đất, nước,...)
- + Tìm hiểu kiến thức cơ bản về biến đổi khí hậu và các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu.

+ Tìm hiểu kiến thức cơ bản về phát triển bền vững

- *Kỹ năng*

- + Hiểu biết về cấu trúc cơ bản của môi trường và các chức năng của môi trường;
- + Hiểu biết về mối liên hệ giữa sinh thái học và môi trường;
- + Hiểu biết về các vấn đề ô nhiễm môi trường trong cuộc sống con người và các giải pháp hạn chế;
- + Hiểu biết về biến đổi khí hậu (nguyên nhân, tác hại, cách ứng phó và giảm thiểu);
- + Hiểu biết chung về phát triển bền vững và các giải pháp PTBV

- *Thái độ nghề nghiệp*:

- + Có nhận thức đúng đắn về môi trường, tác động của con người lên các thành phần và chức năng của môi trường, từ đó có thái độ ứng xử đúng trong vấn đề bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

f. *Mô tả nội dung học phần:* Học phần Môi trường và Bảo vệ môi trường gồm các nội dung: cấu trúc và chức năng của môi trường; các nguyên lý sinh thái học vận dụng trong khoa học môi trường; suy thoái và ô nhiễm các thành phần môi trường không khí, nước, đất; ô nhiễm môi trường bởi các tác nhân nhiệt, tiếng ồn, phóng xạ; nguyên nhân, biểu hiện và tác động của biến đổi khí hậu; mục đích, yêu cầu của phát triển bền vững và các nguyên tắc xây dựng một xã hội phát triển bền vững.

g. *Người biên soạn:* ThS. Bùi Đình Hoàn – Bộ môn KT Môi trường – Viện Môi trường

h. *Nội dung chi tiết học phần:*

TÊN CHƯƠNG MỤC	PHÂN PHỐI SỐ TIẾT					
	TS	LT	BT	TH	HD	KT
CHƯƠNG 1. Cấu trúc và chức năng của môi trường	4	4				
1.1. Cấu trúc của môi trường	2	2				
1.2. Các chức năng cơ bản của môi trường	2	2				
Nội dung tự học (8 tiết) (tài liệu số 1 mục I) - Tìm hiểu thêm về các quá trình hình thành đất, đá và các quá trình vận động của lớp vỏ trái đất - Tìm hiểu thêm về các quy luật vận động của khí quyển - Tìm hiểu thêm về cấu trúc của sinh quyển						
CHƯƠNG 2. Sinh thái học môi trường	4	4				
2.1. Dòng năng lượng và năng suất sinh học của hệ sinh thái	2	2				
2.2. Chu trình sinh – địa – hoá	2	2				
Nội dung tự học (8 tiết) (tài liệu số 1 mục I) - Tìm hiểu thêm về cân bằng sinh thái và vai trò của cân bằng sinh thái với môi trường - Tìm hiểu thêm về các tác động của con người lên hệ sinh thái						
CHƯƠNG 3. Suy thoái và ô nhiễm môi trường	15	15				
3.1. Ô nhiễm môi trường không khí	6	6				
3.2. Ô nhiễm môi trường nước	6	6				
3.3. Ô nhiễm môi trường đất	1	1				
3.4. Ô nhiễm môi trường do các tác nhân tiếng ồn, nhiệt, phóng xạ	2	2				
Nội dung tự học (30 tiết) (tài liệu số 2 mục I) - Tự đọc và tìm hiểu thêm phần các tác nhân gây ô nhiễm không khí và các quá trình lan truyền chất ô nhiễm trong không khí - Tìm hiểu thêm về các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm						

TÊN CHƯƠNG MỤC	PHÂN PHỐI SỐ TIẾT					
	TS	LT	BT	TH	HD	KT
<i>không khí (giảm thiểu bụi, SO₂, CO₂, CFC...)</i> <i>- Tự đọc và tìm hiểu thêm về các tác nhân và thông số đánh giá chất lượng nước.</i> <i>- Tự đọc thêm phần ô nhiễm nước ngầm</i> <i>- Tự đọc phần ô nhiễm phóng xạ</i>						
CHƯƠNG 4. Biến đổi khí hậu	5	4				
4.1. Khái niệm	0,5	0,5				
4.2. Nguyên nhân gây biến đổi khí hậu	1	1				
4.3. Biểu hiện của biến đổi khí hậu	0,5	0,5				
Kiểm tra	1					1
4.4. Đặc điểm của biến đổi khí hậu	1	1				
4.5. Các tác động của biến đổi khí hậu	1	1				
Nội dung tự học (8 tiết) (tài liệu số 2 mục I) <i>- Tìm hiểu thêm về nguyên nhân gây biến đổi khí hậu</i> <i>- Tìm hiểu thêm về những ảnh hưởng của biến đổi khí hậu tới môi trường toàn cầu</i> <i>- Tìm hiểu thêm về các tác động của biến đổi khí hậu tới các lĩnh vực trong đời sống con người</i> <i>- Tự đọc phần các giải pháp ứng phó với BĐKH</i>						
CHƯƠNG 5. Phát triển bền vững	2	2				
5.1. Khái niệm phát triển bền vững	0,5	0,5				
5.2. Các nguyên tắc xây dựng xã hội phát triển bền vững	1,5	1,5				
Nội dung tự học (4 tiết) (tài liệu số 1 mục I) <i>- Tự đọc và tìm hiểu các yêu cầu và tiền đề cho sự phát triển bền vững</i> <i>- Tìm hiểu thêm các mục tiêu phát triển bền vững của Việt Nam</i>						

i. Mô tả cách đánh giá học phần:

- Sinh viên phải tham dự học tập trên lớp $\geq 75\%$ tổng số tiết của học phần.
- Các điểm thành phần $X_i \geq 4$, bao gồm:
 X_1 : Điểm chuyên cần và ý thức trên lớp;
 X_2 : trung bình cộng của 1 bài đánh giá trên lớp và 1 bài kiểm tra phần tự học;
 Điểm quá trình $X = 0.1X_1 + 0.9X_2$.
- Thi kết thúc học phần (điểm Y): bài thi tự luận, thời gian làm bài 75 phút.
- Điểm đánh giá học phần: $Z = 0.5X + 0.5Y$

Điều kiện: $Y \geq 4$; nếu $Y < 4$ thì $Z = 0$.

- Thang điểm: thang điểm chữ A+, A, B+, B, C+, C, D+, D, F.

j. Giáo trình:

1. Lưu Đức Hải, Cơ sở khoa học môi trường, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2000.

k. Tài liệu tham khảo:

1. Lê Văn Khoa, Khoa học môi trường, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2002;
2. Biến đổi khí hậu và tác động ở Việt Nam, Viện KHKTTV&MT, 2010;
3. Trần Thị Mai, Bảo vệ môi trường biển, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1997.

**Thủ trưởng cơ sở đào tạo thẩm định
chương trình đào tạo**

**Thủ trưởng cơ sở đào tạo đăng ký
mở ngành đào tạo**

GS.TS. Lương Công Nhơ